



**VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN, THƯ VIỆN
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**TUYỂN TẬP
HIẾN PHÁP MỘT SỐ NƯỚC
TRÊN THẾ GIỚI**

**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
HÀ NỘI - 2009**

LỜI GIỚI THIỆU

Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, việc nghiên cứu, tìm hiểu hiến pháp của các nước trên thế giới có ý nghĩa rất quan trọng. Hiến pháp thường là văn bản thiết yếu, chứa đựng những quy phạm cơ bản nhất của hệ thống pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và các quyền cơ bản của công dân. Bản thân các bản văn hiến pháp cũng chứa đựng trong đó những giá trị và ý nghĩa pháp lý, chính trị, văn hóa, lịch sử sâu sắc của từng quốc gia. Vì vậy, đã có những bản văn hiến pháp trở nên phổ biến, có giá trị tham khảo trên phạm vi toàn cầu.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu về hiến pháp các nước trên thế giới của các đại biểu Quốc hội cũng như của đông đảo các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu Khoa học, Văn phòng Quốc hội đã tổ chức biên soạn cuốn sách: “Tuyển tập Hiến pháp của một số nước trên thế giới”.

Trong những nỗ lực đầu tiên, chúng tôi mạnh dạn biên dịch và giới thiệu 5 bản Hiến pháp của các quốc gia: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Cộng hòa Pháp và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Các bản hiến pháp này được lựa chọn trên cơ sở xem xét đến yếu tố đa dạng về mô hình nhà nước, kiểu hệ thống pháp luật, vị trí địa lý và cả mối quan hệ của các quốc gia này với Việt Nam. Ngoài bản văn hiến pháp của mỗi quốc gia, cuốn sách này cũng giới thiệu các thông tin cơ bản về các quốc gia đó để giúp các độc giả có điều kiện tìm hiểu thêm về bối cảnh tồn tại của các bản hiến pháp.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho các độc giả, nhất là các đại biểu Quốc hội phục vụ cho quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Quá trình biên dịch và biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu Khoa học rất mong nhận được sự góp ý của các vị đại biểu Quốc hội và các độc giả. Những góp ý quý báu đó sẽ là cơ sở để những tuyển tập tiếp theo hoàn thiện hơn, phục vụ hữu hiệu hơn nhu cầu của các vị đại biểu Quốc hội và các độc giả.

TRUNG TÂM THÔNG TIN, THƯ VIỆN
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	3
HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ.....	7
I. Khái quát về Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.....	9
II. Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.....	14
III. Các Tu chính án trong Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.....	32
LIÊN BANG NGA.....	47
I. Khái quát về Liên bang Nga.....	49
II. Hiến pháp nước Cộng hòa Liên bang Nga.....	54
NHẬT BẢN.....	111
Khái quát về đất nước Nhật Bản.....	113
II. Hiến pháp Nhật Bản.....	116
CỘNG HÒA PHÁP.....	139
Khái quát về Cộng hòa Pháp.....	141
II. Hiến pháp của Cộng hoà Pháp.....	144
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA.....	183
I. Khái quát về Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.....	185
II. Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.....	189
III. Các lần sửa đổi của Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.....	240

HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

I. KHÁI QUÁT VỀ HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ¹

1 - Tên nước: Hợp chúng quốc Hoa kỳ, tên thường gọi là Hoa Kỳ hoặc Mỹ (United States of America).

2 - Thủ đô: Washington D.C.

3 - Quốc khánh: Ngày 04 tháng 07.

4 - Quốc kỳ: Quốc kỳ Hoa Kỳ có hai phần: Một phần nhỏ ở góc trái trên cùng có hình ảnh của 50 ngôi sao trên nền màu xanh dương, tượng trưng cho 50 tiểu bang hiện tại. Phần chính gồm 7 sọc đỏ và 6 sọc trắng, tượng trưng cho 13 tiểu bang sơ khai.

5- Diện tích: 9,631,418 km².

6 - Dân số: 302,782.000 (2007).

7 - Kiểu nhà nước: Cộng hòa lập hiến.

8 - Phân chia hành chính: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ có 50 tiểu bang và một quận liên bang gồm:

Alabama, Alaska, Arizona, Arkansas, California, Colorado, Connecticut, Delaware, Florida, Georgia, Hawaii, Idaho, Illinois, Indiana, Iowa, Kansas, Kentucky, Louisiana, Maine, Maryland, Massachusetts, Michigan, Minnesota, Mississippi, Missouri, Montana, Nebraska, Nevada, New Hampshire, New Jersey, New Mexico, New York, North Carolina, North Dakota, Ohio, Oklahoma, Oregon, Pennsylvania, Rhode Island, South Carolina, South Dakota, Tennessee, Texas, Utah, Vermont, Virginia, Washington, West Virginia, Wisconsin, Wyoming và Quận Columbia.

¹ Những thông tin trong phần này được tổng hợp từ Richard C. Schroeder, *Khái quát về chính quyền Hợp chúng quốc Hoa Kỳ*, (bản tiếng Việt do Trần Thị Thái Hà dịch), (NXB Chính trị quốc gia, 1999) và trang thông tin the World Factbook của Centre Intelligence Agency.

9 - Đảng chính trị

Hệ thống hai đảng tồn tại lâu dài trong lịch sử nước Mỹ là Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ. Ngoài hai đảng lớn này, các đảng phái khác cũng có hoạt động tích cực ở cấp liên bang và địa phương như Đảng tự do, Đảng xanh.

10- Độ tuổi tham gia bầu cử: từ tròn 18 tuổi.

11- Hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật Anh – Mỹ, hay còn gọi hệ thống thông luật.

12- Bộ máy nhà nước

i) Cơ quan lập pháp

Nghị viện Hoa Kỳ là gồm hai viện là Thượng nghị viện và Hạ nghị viện.

Thượng nghị viện có 100 nghị sĩ, được bầu từ các bang, mỗi bang được bầu 2 nghị sĩ. Một phần ba số Thượng nghị sĩ được bầu lại cứ 2 năm một lần. Nhiệm kỳ của Thượng nghị sĩ là 6 năm. Phó Tổng thống đương nhiên là Chủ tịch Thượng nghị viện. Những người được bầu làm thượng nghị sĩ phải ở độ tuổi từ 30 trở lên và có 9 năm là công dân Hoa Kỳ, đồng thời khi được bầu phải là cư dân của bang mà người đó được tuyển chọn.

Hạ nghị viện gồm 435 nghị sĩ có nhiệm kỳ 2 năm. Số Hạ nghị sĩ được bầu theo tỷ lệ số dân ở mỗi bang nhưng ít nhất mỗi bang phải có 1 nghị sĩ. Chủ tịch Hạ viện do Hạ viện bầu ra. Những người có thể được bầu làm hạ nghị sĩ phải từ 25 tuổi trở lên và phải là công dân của Hoa Kỳ ít nhất 7 năm và vào thời điểm được bầu phải là cư dân ở bang mà người đó được lựa chọn.

ii) Cơ quan hành pháp

Đứng đầu cơ quan hành pháp là Tổng thống. Tổng thống

Hợp chúng quốc Hoa Kỳ do nhân dân bầu ra thông qua đại cử tri đoàn với nhiệm kỳ 4 năm nhưng không được tái chức quá hai nhiệm kỳ. Điều kiện để ứng cử tổng thống bao gồm: i) phải là công dân Hoa Kỳ sinh ra ở Hoa Kỳ; ii) ít nhất là 35 tuổi và cư trú ít nhất 14 năm tại Hoa Kỳ.

Tổng thống có những quyền hạn rộng lớn để điều hành công việc quốc gia và các hoạt động của chính quyền liên bang. Tổng thống có thể ban hành các quy định, quy chế và chỉ thị, được gọi là những chế tài hành pháp, có hiệu lực bắt buộc đối với các cơ quan liên bang mà không cần có sự tán thành của Nghị viện. Tổng thống có thể phủ quyết bất kỳ một dự luật nào đã được Nghị viện thông qua và dự luật đó sẽ không trở thành luật trừ khi có hai phần ba thành viên trong mỗi viện phủ quyết để gạt bỏ sự phủ quyết của Tổng thống. Tổng thống là tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang Hợp chúng quốc Hoa Kỳ; có thể huy động các đơn vị cận vệ quốc gia của bang phục vụ cho liên bang. Trong thời gian chiến tranh hay trong tình trạng khẩn cấp, Nghị viện có thể trao cho tổng thống những quyền thậm chí còn rộng hơn nữa để điều hành nền kinh tế quốc dân và bảo vệ an ninh quốc gia.

Tổng thống bổ nhiệm (và Thượng viện phê chuẩn) người đứng đầu các bộ và các cơ quan hành pháp, bổ nhiệm các viên chức khác giúp Tổng thống quản trị và thi hành chính sách cũng như pháp luật liên bang.

iii) Hệ thống tư pháp

Gồm có Tòa án tối cao (trong đó các thẩm phán được Tổng thống bổ nhiệm với sự chấp thuận của Thượng viện), 13 tòa phúc thẩm, 94 tòa các quận và 2 tòa xét xử đặc biệt.

Tòa án Tối cao là tòa án cấp cao nhất của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và là tòa án duy nhất do Hiến pháp đặc biệt lập ra. Quyết định của Tòa án Tối cao thì không thể được chuyển

lên phúc thẩm ở bất kỳ tòa án nào khác. Nghị viện có quyền ấn định số thẩm phán trong Tòa án Tối cao và với những giới hạn được đặt ra, quyết định loại vụ việc nào Tòa án Tối cao có thể xét xử, nhưng Nghị viện không thể thay đổi các quyền mà chính Hiến pháp đã trao cho Tòa án Tối cao.

Cấp cao thứ hai trong việc xét xử liên bang là các tòa phúc thẩm, được thiết lập từ năm 1891 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp các vụ xét xử và giảm bớt gánh nặng cho Tòa án Tối cao. Nghị viện đã lập ra 12 tòa phúc thẩm cho các khu vực và Tòa Phúc thẩm Hợp chúng quốc cho liên bang.

Các tòa án phúc thẩm xem xét lại các quyết định của tòa án quận (các tòa xét xử với quyền tài phán liên bang) trong phạm vi khu vực của mình. Các tòa phúc thẩm cũng có quyền xem xét lại các lệnh của các cơ quan quản lý độc lập, trong những trường hợp các cơ chế rà soát nội bộ của các cơ quan đã được sử dụng hết và vẫn còn sự bất đồng đáng kể đối với những quan điểm pháp lý. Ngoài ra, Tòa Phúc thẩm liên bang có quyền tài phán trong cả nước - xét xử phúc thẩm những vụ đặc biệt, như những vụ liên quan đến luật cấp bằng sáng chế và những vụ đã được quyết định bởi những tòa có quyền tài phán đặc biệt, bởi Tòa Thương mại quốc tế và Tòa án về Các yêu sách liên bang.

Dưới các tòa phúc thẩm là các tòa án quận. Năm mươi bang và lãnh thổ của Hợp chúng quốc được chia thành 94 quận sao cho những người liên quan tới việc kiện cáo có thể được hưởng sự xét xử một cách dễ dàng. Mỗi tòa án quận có ít nhất 2 thẩm phán, nhiều tòa có vài thẩm phán, và những quận đông dân nhất có hơn 2 tá thẩm phán. Tùy thuộc vào các vụ thụ lý, một thẩm phán của quận này có thể tạm thời làm thẩm phán của một quận khác. Nghị viện ấn định đường ranh giới của các quận theo dân số, diện tích và khối lượng công việc. Một số bang nhỏ tạo thành một quận, trong khi

các bang lớn như New York, California và Texas, mỗi bang có bốn quận.

Hầu hết các vụ kiện tụng và tranh chấp do những tòa án quận xét xử đều liên quan tới những sai phạm ở cấp liên bang như lạm dụng thư từ, trộm cắp tài sản liên bang, vi phạm các luật về vệ sinh thực phẩm, hoạt động ngân hàng và các hành vi làm tiền giả. Đây là những tòa án liên bang duy nhất nơi các hội thẩm đoàn “lớn” sẽ kết tội những kẻ bị buộc tội, và các hội thẩm đoàn “nhỏ” sẽ quyết định vụ nào đưa ra xử.

Ngoài các tòa án liên bang thuộc quyền tài phán chung, đôi khi Quốc hội cũng có thể thiết lập các tòa án cho những mục đích đặc biệt. Các thẩm phán của những tòa án này, cũng giống như đồng nghiệp của họ ở các tòa án liên bang khác, có nhiệm kỳ cả đời, do sự bổ nhiệm của tổng thống và được sự phê chuẩn của Thượng viện. Hiện nay, có 2 tòa án đặc biệt có quyền tài phán trong cả nước đối với một số loại nhất định các vụ án. Tòa Thương mại Quốc tế sẽ xử những vụ liên quan đến thương mại và thuế quan quốc tế. Tòa án về Các yêu sách liên bang có quyền tài phán đối với hầu hết các yêu sách về thiệt hại tiền bạc đối với Hợp chúng quốc, những tranh chấp về các hợp đồng liên bang, những việc chính quyền liên bang “chiếm giữ” tài sản riêng một cách không hợp pháp, và nhiều loại yêu sách khác đối với Hợp chúng quốc.

II. HIẾN PHÁP HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ²

LỜI MỞ ĐẦU

Chúng tôi, nhân dân Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, với mục đích xây dựng một Liên Bang hoàn hảo hơn nữa, thiết lập công lý, duy trì an ninh trong nước, tạo dựng phòng thủ chung, thúc đẩy sự thịnh vượng chung, giữ vững nền tự do cho bản thân và con cháu chúng ta, quyết định thiết lập Hiến pháp này cho Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

ĐIỀU I

Khoản 1

Toàn bộ quyền lực lập pháp được thừa nhận tại bản Hiến pháp này sẽ được trao cho Nghị viện Hoa Kỳ. Nghị viện gồm có Thượng viện và Hạ viện.

Khoản 2

(1) Hạ viện gồm có các thành viên được nhân dân ở các bang bầu ra theo định kỳ 2 năm một lần. Cử tri ở mỗi bang phải có phẩm chất cần thiết như là phẩm chất của cử tri ở bang có cơ quan lập pháp đồng đẳng nhất.

(2) Những người có thể được bầu làm hạ nghị sĩ phải từ 25 tuổi trở lên, phải là công dân của Hoa Kỳ ít nhất 7 năm và vào thời điểm được bầu phải là cư dân ở bang mà người đó được lựa chọn.

(3) Số lượng các Hạ nghị sĩ và các loại thuế trực thu sẽ được phân bổ theo các bang [mà có thể tính gộp vào trong Liên bang tùy theo số lượng tương ứng được xác định bằng cách tính tổng số gồm những người tự do, kể cả những người làm việc

². Bản Hiến pháp này được dịch theo bản tiếng Anh đăng tải trên Trang thông tin của Hạ nghị viện Hoa Kỳ: <http://www.house.gov>. Trong quá trình chuyển ngữ, chúng tôi có tham khảo bản dịch trên Trang thông tin của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam <http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/>.

theo thời hạn và 3/5 số những người còn lại, không tính những người đa đồ vốn không nộp thuế]³. Công việc kiểm kê dân số sẽ được tiến hành trong vòng ba năm sau cuộc họp đầu tiên của Nghị viện Hoa Kỳ và sau đây cứ 10 năm một lần theo luật định. Mỗi hạ nghị sĩ sẽ đại diện cho không quá 30.000 người nhưng mỗi bang sẽ có ít nhất một hạ nghị sĩ. Và trước khi việc thống kê và điều tra dân số được tiến hành, thì bang New Hampshire sẽ được quyền bầu ba đại biểu, bang Massachusetts được bầu tám đại biểu, bang đảo Rhodes và Providence Plantations được bầu một đại biểu, bang Connecticut được bầu năm đại biểu, bang New York được bầu sáu đại biểu, bang New Jersey bốn đại biểu, bang Pennsylvannia tám đại biểu, bang Delaware một đại biểu, bang Maryland sáu đại biểu, bang Virginia mười đại biểu, bang Bắc Carolina năm đại biểu, bang Nam Carolina năm đại biểu và bang Georgia ba đại biểu.

(4) Khi một vị trí hạ nghị sĩ ở bất cứ một bang nào bị khuyết thì chính quyền ở đó sẽ ban hành lệnh bầu cử để bổ sung vào những chỗ trống đó.

(5) Hạ viện sẽ bầu ra Chủ tịch và các quan chức khác của Viện và họ là những người duy nhất có quyền đàn hạch⁴ các quan chức.

Khoản 3

(1) Thượng viện Hoa Kỳ gồm có hai thượng nghị sĩ của mỗi bang [do cơ quan lập pháp bang đó bầu ra]⁵ với nhiệm kỳ 6 năm và mỗi thượng nghị sĩ sẽ có một phiếu khi biểu quyết.

³. Phần của điều khoản này liên quan đến hình thức bầu cử các hạ nghị sĩ ở các bang khác nhau đã bị sửa đổi bởi Điều 2 của Tu chính án XIV; các nội dung liên quan đến đánh thuế thu nhập cá nhân mà chưa được phân bổ cũng đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án XVI.

⁴. Đàn hạch (impeachment) là hoạt động của cơ quan lập pháp xem xét việc bãi nhiệm chức vụ của một quan chức nhà nước với những cáo buộc về những hành vi sai trái (Tham khảo tại Black's Law Dictionary, 7th edition, p.755).

⁵. Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 của Tu chính án XVII.

(2) Ngay sau khi Thượng viện nhóm họp sau cuộc bầu cử đầu tiên, các thượng nghị sĩ sẽ được phân chia đồng đều thành ba cấp. Thượng nghị sĩ cấp 1 sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ hai của nhiệm kỳ, thượng nghị sĩ cấp 2 sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ tư, thượng nghị sĩ cấp 3 sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ 6, sao cho sau mỗi hai năm có thể bầu lại một phần ba tổng số thượng nghị sĩ; [và khi có ghế khuyết do thượng nghị sĩ từ chức hoặc nguyên nhân nào khác trong thời gian các cơ quan lập pháp của bang không họp, thì cơ quan hành pháp của bang đó có thể tạm thời bổ nhiệm các vị trí này cho tới khi cơ quan lập pháp của bang nhóm họp và quyết định bổ sung vị trí khuyết đó]⁶.

(3) Những người được bầu làm thượng nghị sĩ phải từ 30 tuổi trở lên, có 9 năm là công dân Hoa Kỳ, đồng thời khi được bầu phải là cư dân của bang mà người đó được tuyển chọn.

(4) Phó Tổng thống Hoa Kỳ là Chủ tịch Thượng viện, nhưng không có quyền bỏ phiếu, trừ trường hợp số phiếu thuận và số phiếu chống ngang nhau khi biểu quyết.

(5) Thượng viện lựa chọn những quan chức khác của Viện và cả Chủ tịch Thượng viện Lâm thời khi Phó Tổng thống Hoa Kỳ vắng mặt hoặc khi Phó Tổng thống đảm nhận chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ.

(6) Thượng viện là nơi duy nhất có quyền thực hiện các cuộc đàn hạch. Khi nhóm họp để thực hiện nhiệm vụ này, các thượng nghị sĩ sẽ phải tiến hành tuyên thệ hoặc thề nguyện. Trong trường hợp đàn hạch Tổng thống, Chánh án Tòa án Tối cao sẽ chủ tọa phiên họp. Không một ai bị xem là có tội nếu không có sự đồng ý của hai phần ba các thượng nghị sĩ có mặt.

(7) Phán quyết áp dụng trong những cuộc đàn hạch này

⁶. Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án số XVIII.

không vượt quá hình thức cách chức và tước quyền của bị cáo đang đảm nhận một chức tước danh dự, có lợi tức hoặc có lợi lộc trong chính quyền Hợp chúng quốc, tuy vậy họ vẫn có thể bị truy tố, xét xử, kết án và trừng phạt theo luật định.

Khoản 4

(1) Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành bầu cử thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ sẽ do cơ quan lập pháp của mỗi bang qui định. Nhưng vào bất cứ thời điểm nào, Nghị viện bằng các văn bản luật của mình, cũng có thể đặt ra hoặc thay đổi các quy định đó, chỉ trừ qui định về địa điểm bầu cử thượng nghị sĩ.

(2) Nghị viện sẽ nhóm họp ít nhất mỗi năm một lần [khai mạc vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng 12]⁷, trừ trường hợp Nghị viện có quyết định khác bằng một đạo luật.

Khoản 5

(1) Mỗi Viện có thẩm quyền định đoạt về giá trị cuộc bầu cử các thành viên của Viện mình, về kết quả của cuộc bầu cử và về tư cách trúng cử của các nghị sĩ. Để thực hiện công việc này đòi hỏi phải có đa số các nghị sĩ của Viện tham gia, nhưng với một số lượng các nghị sĩ ít hơn thì Viện có thể hoãn họp và có thể được trao quyền buộc các thành viên vắng mặt phải tham gia bằng các phương thức và hình phạt do mỗi Viện tự quy định.

(2) Mỗi Viện có thể tự mình ban hành quy chế về trình tự, thủ tục hoạt động của Viện mình, thi hành kỷ luật đối với những thành viên có hành vi sai phạm và trục xuất thành viên vi phạm khi có sự đồng ý của hai phần ba số thành viên.

(3) Mỗi Viện ấn hành một tờ công báo xuất bản theo định kỳ công bố về công việc mình thực hiện trừ những việc mà Viện cho là cần phải giữ bí mật. Những phiếu thuận và phiếu chống của các thành viên thuộc hai Viện về mọi vấn đề sẽ được công

⁷ Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án số XX.

bổ trên công báo khi có yêu cầu của một phần năm các thành viên có mặt.

(4) Trong thời gian khóa họp của Nghị viện, nếu không được sự đồng ý của Viện kia, thì không một Viện nào có thể nghỉ họp quá ba ngày hoặc chuyển sang địa điểm khác với địa điểm mà hai Viện đã quyết định.

Khoản 6

(1) Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ được nhận một khoản trợ cấp cho công việc của mình theo luật định do Ngân khố của Hợp chúng quốc chi trả⁸. Trong mọi trường hợp, trừ khi có tội phản quốc, trọng tội và tội vi phạm nền an ninh, họ được hưởng đặc quyền không bị bắt giam trong thời gian tham dự khóa họp của Viện, trong khi đi tới cuộc họp và trở về nhà từ cuộc họp. Các nghị sĩ cũng không bị truy vấn ở những nơi khác về những lời phát biểu và tranh luận của mình trong cả hai Viện.

(2) Trong thời gian được bầu làm thượng nghị sĩ hoặc hạ nghị sĩ, không một ai được bổ nhiệm vào một chức vụ dân sự trong chính quyền Hoa Kỳ mà chức vụ đó được thành lập sau này hoặc có số lương bổng được gia tăng trong cùng nhiệm kỳ. Và không một người nào đang giữ một chức vụ trong Chính quyền Hợp chúng quốc được trở thành nghị sĩ trong thời gian còn tại chức.

Khoản 7

(1) Tất cả dự luật có tác động làm tăng nguồn thu Nhà nước phải do Hạ viện đề xuất, nhưng Thượng viện có quyền đề xuất bổ sung hoặc chấp thuận những điều sửa đổi đối với dự án luật này tương tự như đối với các dự án luật khác.

(2) Mỗi dự luật đã được Hạ viện và Thượng viện thông qua trước khi trở thành luật đều phải đệ trình lên Tổng thống

⁸Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án số XXVII.

Hoa Kỳ. Nếu tán thành, Tổng thống sẽ ký xác nhận, nếu không Tổng thống sẽ trả dự án luật lại Viện đã đề xuất dự luật đó cùng với ý kiến không tán thành. Viện này sẽ thông báo rộng rãi ý kiến không tán thành trong công báo của mình và tiến hành xem xét lại dự luật. Nếu sau khi xem xét lại và hai phần ba thành viên của Viện đó đồng ý thông qua dự luật, thì nó sẽ được gửi cho Viện kia, kèm theo ý kiến không tán thành. Viện thứ hai cũng sẽ tiến hành xem xét. Nếu được hai phần ba thành viên của Viện đó phê chuẩn, thì nó sẽ trở thành luật. Nhưng trong các trường hợp này, phiếu bầu của các nghị sĩ cả hai Viện đều phải ghi rõ tên và ý kiến tán thành hay không tán thành. Tên của những người tán thành và không tán thành dự luật sẽ được đưa vào công báo của mỗi Viện. Những dự luật mà Tổng thống không gửi trả lại trong vòng 10 ngày (không kể chủ nhật) sau khi đệ trình lên sẽ trở thành đạo luật giống như trường hợp Tổng thống đã ký phê chuẩn, trừ trường hợp Quốc hội đang không nhóm họp nên Tổng thống không thể gửi trả lại cho Quốc hội được và trong trường hợp đó thì dự án sẽ không trở thành luật.

(3) Tất cả các nghị quyết, lệnh hoặc biểu quyết cần sự nhất trí đồng thời của cả Thượng viện và Hạ viện (trừ trường hợp Nghị viện nghị hợp), đều phải được đệ trình lên Tổng thống Hoa Kỳ, và trước khi có hiệu lực, chúng cũng phải có sự phê chuẩn của Tổng thống, hoặc nếu Tổng thống không chấp thuận, thì cần phải có sự chấp thuận lần thứ hai của hai viện với sự nhất trí của ít nhất hai phần ba thành viên của mỗi viện, theo đúng các qui chế và giới hạn được qui định cho các trường hợp về dự luật.

Khoản 8

(1) Nghị viện có quyền đặt ra và thu các khoản thuế, thuế quan, thuế môn bài để trả các khoản nợ và chi phí cho quốc phòng và phúc lợi công cộng của Hoa Kỳ. Các khoản thuế quan và thuế môn bài đều phải thống nhất trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ;

- (2) Vay tiền theo tín dụng cho Hoa Kỳ;
- (3) Qui định về thương mại với nước ngoài, giữa các bang với nhau và với các bộ lạc Da đỏ;
- (4) Thiết lập quy tắc thống nhất về việc nhập quốc tịch và luật thống nhất trong toàn lãnh thổ Hoa Kỳ về các vấn đề phá sản;
- (5) Quyết định việc đúc và in tiền, qui định giá trị của đồng tiền trong nước và đồng tiền nước ngoài, xác định tiêu chuẩn đo lường;
- (6) Trù liệu ra các hình phạt đối với những vụ làm giả trái phiếu và đồng tiền đang lưu hành ở Hoa Kỳ;
- (7) Thiết lập các bưu điện và mạng lưới bưu điện;
- (8) Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và các nghệ thuật hữu ích bằng cách đảm bảo quyền sở hữu của các tác giả và nhà phát minh đối với các tác phẩm và phát minh trong thời gian hạn định;
- (9) Thiết lập các tòa án dưới quyền của Tòa án tối cao;
- (10) Xác định và trừng phạt các tội cướp biển và trọng tội xảy ra trên biển và những sự vi phạm luật pháp quốc tế;
- (11) Tuyên chiến, chuẩn cấp các giấy phép tịch thu và trưng thu để trừng phạt kẻ thù và quy định các thể thức chiếm đoạt tài sản trên bộ và mặt biển;
- (12) Xây dựng và chu cấp cho quân đội, nhưng việc chi tiêu các khoản kinh phí này chỉ trong thời hạn không quá hai năm;
- (13) Thiết lập và duy trì hải quân;
- (14) Quy định các luật lệ và các qui chế về lực lượng lục quân và hải quân;
- (15) Trù liệu việc triệu tập dân quân của các tiểu bang

nhằm thực thi luật pháp của Liên bang, trấn áp các cuộc phiến loạn và đẩy lùi xâm lăng;

(16) Trù liệu việc tổ chức, vũ trang và duy trì kỷ luật các lực lượng dân quân của các bang, và trừu liệu việc lãnh đạo các lực lượng này khi được huy động vào lực lượng liên bang Hoa Kỳ, trong khi vẫn giành cho các tiểu bang quyền bổ nhiệm cụ thể các sỹ quan và quyền huấn luyện lực lượng dự bị của mỗi bang theo kỷ luật mà Nghị viện đã quy định;

(17) Thực thi độc quyền lập pháp trong mọi trường hợp đối với những khu vực (có diện tích không quá 10 dặm vuông) mà các tiểu bang thỏa thuận nhượng lại cho chính phủ Liên bang và sau khi được Nghị viện Liên bang chấp thuận, khu này sẽ trở thành địa điểm của Chính phủ Liên bang, và thực thi quyền lực liên bang tại tất cả những địa điểm được Chính phủ Liên bang mua lại với sự thỏa thuận của cơ quan lập pháp tiểu bang để xây dựng các thành trì, kho vũ khí, xưởng chế tạo vũ khí, kho cảng và các cơ sở cần thiết khác;

(18) Xây dựng mọi điều luật cần thiết và phù hợp để thực thi những quyền lực nói trên, cũng như tất cả những quyền lực khác đã được Hiến pháp này trao cho Nhà nước Hoa Kỳ, hoặc cho bất cứ một cơ quan và quan chức nào khác của Nhà nước.

Khoản 9

(1) Việc nhập cư hoặc nhập khẩu của những người hiện đang sống ở bất cứ bang nào sẽ được cân nhắc để chấp nhận, sẽ không bị Quốc hội cấm đoán cho đến trước năm 1808, nhưng sẽ đánh thuế không quá 10 đôla cho mỗi người nhập cư.

(2) Đặc quyền được xét xử công minh trước khi bị giam

giữ⁹ không bị tước đoạt, trừ trường hợp có phiến loạn và xâm lược và do yêu cầu nhằm đảm bảo nền an ninh chung.

(3) Không một đạo luật nào tổn hại tới quyền tự do của người dân và không một đạo luật hồi tố nào có thể được thông qua.

(4) Không đặt ra các loại thuế thân hoặc các loại thuế trực thu khác, nếu không tương xứng với cuộc điều tra dân số kê trên trong điều này¹⁰.

(5) Không đặt ra bất kỳ loại thuế xuất khẩu nào đối với hàng hóa xuất khẩu từ bất cứ bang nào;

(6) Không được đặt ra bất kỳ sự ưu tiên nào đối với bên cảng của bất cứ bang nào so với những bang khác trong các quy chế về thương mại và thu nhập. Tàu thuyền từ một bang nào đó sẽ không bị bắt buộc phải cập bến, chịu sự kiểm tra và nộp thuế ở một bang khác.

(7) Không được rút bất cứ khoản tiền nào từ Ngân khố, trừ trường hợp đã được chuẩn y theo quy định của một đạo luật. Bản báo cáo tài chính thu chi thường kỳ của những khoản tiền công cộng phải được công bố thường xuyên.

(8) Hoa Kỳ không phong tặng các tước hiệu quý tộc. Những người đảm nhận những chức vụ có thu nhập hoặc được trao tín nhiệm theo chức vụ đó của Hợp chúng quốc nếu không được sự đồng ý của Nghị viện, không được phép nhận bất cứ quà tặng, lương bổng, hoặc bất cứ danh hiệu, tước vị nào do vua chúa hoặc chính phủ nước ngoài nào trao tặng.

Khoản 10

(1) Không một bang nào được phép tham gia vào bất cứ một hiệp ước, khối đồng minh hoặc liên hiệp nào; không được

⁹. Nguyên văn: Habeas Corpus - là hành vi pháp lý qua đó một người có thể tránh được việc bị giam giữ trái pháp luật đối với mình hoặc người khác. Habeas Corpus là một công cụ có tính lịch sử quan trọng trong việc bảo vệ quyền tự do cá nhân đối với các hành vi chuyên quyền của nhà nước.

¹⁰. Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án XVI.

phép cấp giấy phép trưng dụng, bắt giữ tàu thuyền nước ngoài; không được đúc tiền hoặc phát hành trái phiếu; hoàn toàn không được dùng các đồng tiền vàng và bạc để thanh toán các khoản nợ; không được thông qua luật vi phạm dân quyền và các đạo luật có hiệu lực hồi tố hoặc luật có phương hại đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; không được phong tặng các tước hiệu quý tộc.

(2) Nếu không được sự đồng ý của Nghị viện, không một bang nào được đặt ra thuế và thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu và xuất khẩu, trừ trường hợp hết sức cần thiết cho việc thực hiện các điều luật về thanh tra, và tất cả các khoản thu từ thuế đánh vào hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu do một bang nào đó đặt ra sẽ phải đóng góp cho Ngân khố Hoa Kỳ, đồng thời tất cả các luật này đều phải đệ trình lên cho Nghị viện liên bang xét duyệt và kiểm soát.

(3) Nếu không được sự đồng ý của Nghị viện, không một bang nào được đánh thuế tàu, duy trì quân đội và tàu chiến trong thời kỳ hòa bình, ký kết hiệp định hoặc thỏa ước với một bang khác hoặc với lực lượng nước ngoài hoặc tham gia chiến tranh, ngoại trừ trường hợp thực sự bị xâm lược hoặc lâm vào tình trạng một nguy cơ cấp bách không thể trì hoãn.

ĐIỀU II

Khoản 1

(1) Quyền hành pháp được trao cho Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Tổng thống giữ chức vụ của mình trong nhiệm kỳ 4 năm và cùng với Phó Tổng thống có cùng nhiệm kỳ được bầu ra theo thể thức sau đây:

(2) Theo thể thức mà cơ quan lập pháp ở bang đó qui định, mỗi bang sẽ cử ra một số lượng đại cử tri bằng tổng số thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ mà bang được bầu trong Nghị viện Liên bang nhưng thực tế không một thượng nghị sĩ, hạ nghị sĩ hoặc một quan chức nào đảm nhiệm chức vụ có lợi tức hoặc tín

nhiệm của Hợp chúng quốc được chọn làm đại cử tri.

(3) [Các đại cử tri sẽ họp ở bang của mình và bỏ phiếu bầu hai người và ít nhất một trong hai người không phải là cư dân trong cùng bang đó. Họ sẽ lập bản danh sách về những người đi bầu và số phiếu bầu của mỗi người, ký và xác nhận vào danh sách, gắn xi niêm phong và chuyển lên Chính phủ Hoa Kỳ, đệ trình lên Chủ tịch Thượng viện. Với sự có mặt của Thượng viện và Hạ viện, Chủ tịch Thượng viện sẽ mở tất cả cứ liệu đã được xác nhận và sẽ đếm số lượng phiếu bầu. Người có nhiều phiếu bầu nhất sẽ là Tổng thống, nếu như số phiếu bầu này chiếm đa số trong tổng số các đại cử tri được bầu ra, và nếu từ hai người trở lên có đa số phiếu bầu và có số phiếu bầu bằng nhau, thì Hạ viện sẽ ngay lập tức bỏ phiếu để bầu một trong những người đó làm Tổng thống. Nếu không người nào có đa số phiếu bầu, thì Hạ viện cũng theo thể thức như vậy, chọn 5 người có số phiếu bầu nhiều nhất trong danh sách để bầu ra Tổng thống. Nhưng trong việc bầu Tổng thống, việc bầu cử được tính theo từng tiểu bang, mỗi đại diện đến từ các bang sẽ có một phiếu bầu. Số lượng đại biểu cần thiết để thực hiện điều này là phải có một hoặc nhiều nghị sĩ đến từ hai phần ba tổng số các bang và để trúng cử tổng thống thì phải được sự ủng hộ của đa số các bang. Trong mọi trường hợp, sau khi bầu Tổng thống, người có số phiếu nhiều nhất do các đại cử tri bầu cho sẽ là Phó Tổng thống. Nhưng nếu từ hai người trở lên có số phiếu bầu bằng nhau, thì Thượng viện sẽ chọn trong số đó để bỏ phiếu bầu ra Phó Tổng thống]¹¹.

(4) Nghị viện có thể quyết định thời gian bầu các đại cử tri, ngày mà các đại cử tri sẽ bỏ phiếu để bầu cử và ngày đó phải cùng một ngày trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ.

(5) Người có đủ tiêu chuẩn được bầu làm Tổng thống phải là công dân sinh ra tại Hoa Kỳ hoặc là công dân Hoa Kỳ

¹¹ . Khoản này đã bị hủy bỏ theo Tu chính án số XII.

trong thời gian xây dựng Hiến pháp này, từ 35 tuổi trở lên và đã có 14 năm cư trú ở Hoa Kỳ.

(6) Trong trường hợp Tổng thống bị cách chức hoặc qua đời, từ chức hoặc không đủ năng lực trong việc thực thi quyền lực và nhiệm vụ của mình¹², thì mọi quyền lực và nhiệm vụ sẽ chuyển giao cho Phó Tổng thống. Trong trường hợp cả Tổng thống và Phó Tổng thống bị truất quyền, tử vong, từ chức hoặc không đủ năng lực, thì Nghị viện có quyền tuyên bố bằng một đạo luật cử một quan chức thực hiện quyền hạn của Tổng thống cho đến khi tình trạng vô năng lực của Tổng thống được chấm dứt hoặc có một Tổng thống mới đã được bầu ra.

(7) Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống sẽ được nhận một khoản tiền lương trả cho công việc của mình, khoản tiền này sẽ không tăng và cũng không giảm trong suốt nhiệm kỳ này và Tổng thống cũng không có quyền được nhận bất cứ một khoản tiền nào khác của Hoa Kỳ hoặc bất cứ một bang nào.

(8) Trước khi nhậm chức, Tổng thống sẽ tuyên thệ hay thề nguyện như sau: “Tôi long trọng tuyên thệ (hoặc thề) rằng tôi sẽ giữ chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ với lòng trung thành và tận dụng hết khả năng của mình để duy trì, giữ gìn và bảo vệ Hiến pháp Hoa Kỳ”.

Khoản 2

(1) Tổng thống là Tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân Hoa Kỳ và của lực lượng dân quân ở một số bang khi lực lượng này được triệu tập để phục vụ Hợp chúng quốc. Tổng thống có thể trưng cầu ý kiến, bằng văn bản, của các quan chức ở các Bộ thuộc cơ quan hành pháp đối với bất cứ vấn đề nào liên quan tới nhiệm vụ của những cơ quan đó và Tổng thống có quyền hủy bỏ bản án hoặc ân xá đối với những hành vi chống lại Hoa Kỳ, ngoại trừ các trường hợp bị đàn hạch.

¹². Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án số

(2) Theo thỏa thuận và sự đồng ý của Thượng viện với sự nhất trí của hai phần ba số thượng nghị sĩ có mặt, Tổng thống có quyền ký kết các điều ước. Và cũng theo thỏa thuận, đồng ý của Thượng viện, Tổng thống sẽ bổ nhiệm các đại sứ, các công sứ, lãnh sự, các chánh án của Tòa án tối cao và những quan chức khác của Hoa Kỳ mà sự bổ nhiệm này chưa được quy định tại Hiến pháp này nhưng sẽ được quy định tại các đạo luật. Nghị viện, thông qua các đạo luật, có thể trao quyền bổ nhiệm các quan chức thuộc cấp cho bản thân Tổng thống, cho các tòa án hoặc cho các bộ trưởng.

(3) Tổng thống có quyền bổ sung vào những chỗ trống có thể xảy ra trong thời gian giữa hai kỳ họp của Thượng viện bằng cách cấp giấy ủy nhiệm có thời hạn đến cuối kỳ họp sau của Thượng viện.

Khoản 3

Theo thường lệ, Tổng thống sẽ thông báo cho Nghị viện về tình hình của Liên bang và đề nghị Nghị viện xem xét những biện pháp mà Tổng thống thấy cần thiết và thích hợp. Tổng thống có quyền, trong trường hợp bất thường, triệu tập hai Viện hoặc một trong hai Viện. Trong trường hợp hai Viện bất đồng về thời gian hoãn họp, Tổng thống sẽ quyết định về thời gian hoãn họp đến thời điểm mà Tổng thống cho là thích hợp. Tổng thống sẽ tiếp kiến các đại sứ và các công sứ. Tổng thống đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn và sẽ giao phó nhiệm vụ cho tất cả các quan chức của Hoa Kỳ.

Khoản 4

Tổng thống, Phó Tổng thống và các quan chức nhà nước của Hoa Kỳ sẽ bị cách chức theo kết quả của cuộc đàn hạch hoặc kết án với các tội danh phản bội tổ quốc, nhận hối lộ hoặc những tội nghiêm trọng khác.

ĐIỀU III

Khoản 1

Quyền lực tư pháp của Hoa Kỳ sẽ được trao cho Tòa án tối cao và những tòa án cấp dưới mà Nghị viện có thể thiết lập trong một số trường hợp. Các chánh án của Tòa án tối cao và các tòa án cấp dưới sẽ giữ chức vụ của mình đến suốt đời nếu luôn luôn có hành vi chính đáng, và trong thời gian đã nêu trên, họ được nhận khoản tiền lương cho công việc của mình và khoản tiền này sẽ không bị giảm đi trong thời gian tại chức.

Khoản 2

(1) Quyền lực tư pháp có hiệu lực đối với tất cả các vụ việc trên phương diện luật pháp và công lý, theo quy định của Hiến pháp này và các điều luật của Hoa Kỳ, các hiệp ước đã hoặc sẽ ký dưới thẩm quyền của Chính phủ; đối với các trường hợp liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự, đối với các trường hợp liên quan tới luật pháp hàng hải và hải quân; đối với các tranh tụng trong đó Chính phủ Hợp chúng quốc là một bên tranh chấp; đối với các cuộc tranh chấp giữa hai bang trở lên¹³, giữa một bang với các công dân của bang khác, giữa các công dân của các bang khác nhau, giữa các công dân trong một bang tranh chấp đất đai do các bang khác nhau cấp, giữa một bang hoặc các công dân của bang đó với ngoại quốc hoặc với công dân hoặc thần dân ngoại quốc.

(2) Trong các trường hợp liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự, và các trường hợp mà một bang là một bên tranh chấp, thì Tòa án tối cao phải mở phiên tòa sơ thẩm. Trong những trường hợp khác, Tòa án Tối cao có thẩm quyền xét xử phúc thẩm cả về góc độ pháp luật và sự kiện pháp lý của vụ án theo những ngoại lệ và quy tắc do Nghị viện quy định.

¹³ . Phần này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án XI.

(3) Trừ những trường hợp bị xem xét theo hình thức đàn hạch, việc xét xử các tội sẽ phải thông qua Bồi thẩm đoàn và phiên tòa xét xử sẽ mở tại bang nơi đã xảy ra vụ việc phạm tội. Nhưng nếu vụ việc không xảy ra ở bất cứ bang nào, thì phiên tòa được thực hiện ở địa điểm được xác định theo quyết định của Nghị viện thông qua một đạo luật.

Khoản 3

(1) Tội phản quốc chống lại Hợp chúng quốc bao gồm hành vi gây chiến tranh tấn công nước này hoặc ủng hộ, trợ giúp và úy lạo kẻ thù. Không một ai bị kết án phản bội tổ quốc, trừ phi có hai người làm chứng về hành vi phạm tội hoặc có sự thú tội công khai trước tòa.

(2) Nghị viện có quyền xác định hình phạt cho tội phản bội tổ quốc. Nhưng các phán quyết đưa đến sự hành hình hoặc tịch thu tài sản chỉ được áp dụng trong trường hợp tội nhân còn sống.

ĐIỀU IV¹⁴

Khoản 1

Mỗi bang đều phải tin tưởng tuyệt đối vào các điều luật, hồ sơ và thủ tục tố tụng của các bang khác. Nghị viện bằng những luật có tính chất chung quy định cách thức chứng thực các điều luật, hồ sơ và thủ tục tố tụng đó, cũng như hiệu lực của chúng.

Khoản 2

(1) Công dân của mỗi bang sẽ được hưởng mọi đặc quyền và quyền bất khả xâm phạm như công dân của các bang khác.

(2) Cá nhân bị truy tố về tội phản quốc, trọng tội hoặc một tội nào khác mà trốn tránh pháp luật mà bị tìm thấy ở một bang khác, thì theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của

¹⁴ . Hầu hết nội dung của điều này đều lấy nguyên bản từ các Điều khoản Hợp bang cũ.

bang mà người đó chạy trốn, sẽ bị trao trả lại và dẫn độ về bang có thẩm quyền xét xử.

(3) [Không một cá nhân nào vốn bị giam cầm, quản thúc, khổ sai ở một bang bỏ trốn sang một bang khác lại có thể dựa vào luật lệ và qui chế ở địa phương mới để trốn tránh những hình phạt nói trên, mà phải được trao trả lại theo yêu cầu của bên mà cá nhân đó buộc phải làm việc và lao động]¹⁵.

Khoản 3

(1) Những bang mới có thể được Nghị viện chấp nhận gia nhập vào Liên bang này; nhưng không một bang mới nào được thành lập hoặc dựng nên dưới thẩm quyền của bất cứ bang nào khác; cũng không một bang nào sẽ được hình thành bằng cách sáp nhập hai bang trở lên hoặc các vùng của các bang khác nếu không được sự đồng ý của cơ quan lập pháp ở các bang có liên quan cũng như của Nghị viện.

(2) Nghị viện có quyền hoạch định và xây dựng các luật lệ và qui chế cần thiết liên quan tới lãnh thổ hoặc sở hữu khác thuộc về Hoa Kỳ; và không một điều nào trong Hiến pháp này được giải thích làm tổn hại đến bất cứ tuyên bố nào về tài sản của Hoa Kỳ hay của bất cứ một bang cụ thể nào khác.

Khoản 4

Hợp chúng quốc sẽ đảm bảo cho mỗi bang trong Liên bang này một thể chế chính quyền cộng hoà; và sẽ bảo vệ mỗi bang chống lại các cuộc xâm lăng cũng như tình trạng bạo lực trong bang khi có yêu cầu của cơ quan lập pháp hoặc hành pháp (khi cơ quan lập pháp không thể nhóm họp) của bang đó.

ĐIỀU V

Nghị viện Liên bang, khi có hai phần ba thành viên của cả hai Viện xét thấy cần thiết, đề xuất các tu chính hiến

¹⁵. Khoản này đã được sửa đổi, bổ sung theo Tu chính án XIII.

pháp, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan lập pháp ở hai phần ba các bang, phải triệu tập Đại hội để đề xuất các tu chính Hiến pháp; trong cả hai trường hợp, các tu chính án đều có hiệu lực như một bộ phận của Hiến pháp khi được phê chuẩn bởi các cơ quan lập pháp của ba phần tư các bang, hoặc bởi Đại hội của ba phần tư các bang, theo một thể thức phê chuẩn do Nghị viện đề nghị với điều kiện là không một tu chính án nào được chấp thuận trước năm 1808 nếu có ảnh hưởng đến đoạn 1 và đoạn 4 của khoản 9, Điều 1; và không một bang nào bị tước quyền bình đẳng trong việc biểu quyết tại Thượng nghị viện nếu không có sự thỏa thuận của tiểu bang đó.

ĐIỀU VI

(1) Mọi khoản nợ đã ký kết và những cam kết có trước khi thông qua Hiến pháp này vẫn có hiệu lực đối với Liên bang được thành lập trong khuôn khổ Hiến pháp này cũng như đối với Liên minh cũ.

(2) Hiến pháp này, các đạo luật của Hoa Kỳ được ban hành theo Hiến pháp này, mọi điều ước đã hoặc sẽ được ký kết dưới thẩm quyền của Hoa Kỳ sẽ là luật tối cao của quốc gia. Quan tòa ở các bang đều phải tuân theo những luật này; bất cứ một điều gì trong Hiến pháp hoặc luật của các bang mà trái ngược với Hiến pháp Liên bang đều không có giá trị.

(3) Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ, các thành viên của cơ quan lập pháp các bang, các quan chức trong cơ quan hành pháp và cơ quan lập pháp của Liên bang lẫn tiểu bang đều phải tuyên thệ hoặc xác nhận sự ủng hộ Hiến pháp này. Nhưng không một điều kiện tôn giáo nào bị coi là bắt buộc như là tiêu chuẩn để bổ nhiệm vào các chức vụ, công sở của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

ĐIỀU VII

Sự phê chuẩn của các hội nghị ở chín tiểu bang được coi là điều kiện cần thiết đối với việc thiết lập bản Hiến pháp này giữa các tiểu bang đã phê chuẩn.

Hiến pháp được đại biểu các bang có mặt nhất trí thông qua trong đại hội vào ngày 17 tháng 9 năm 1787 Thiên chúa Giáng sinh, vào năm độc lập thứ 12 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

III. CÁC TU CHÍNH ÁN TRONG HIẾN PHÁP HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Các điều khoản bổ sung và tu chính cho bản Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ do Nghị viện đề xuất và được các cơ quan lập pháp của các tiểu bang phê chuẩn theo đúng Điều V của Hiến pháp nguyên thủy¹⁶.

ĐIỀU I¹⁷

Nghị viện không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, báo chí, quyền của dân chúng được hội họp hòa bình và kiến nghị chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình.

ĐIỀU II

Xét thấy lực lượng dân quân có tổ chức nghiêm chỉnh là rất cần thiết cho nền an ninh của một quốc gia tự do, quyền của dân chúng được giữ và sử dụng vũ khí sẽ không bị vi phạm.

ĐIỀU III

Không một quân nhân nào trong thời bình được đóng quân trong bất cứ nhà dân nào nếu không được sự đồng ý của gia chủ, và ngay trong thời chiến cũng chỉ được phép theo phương thức do pháp luật qui định.

ĐIỀU IV

Quyền của con người được đảm bảo về thân thể, nhà cửa, giấy tờ và tài sản khỏi mọi sự khám xét và thu giữ sẽ không bị vi phạm. Không một lệnh bắt giam hoặc khám xét

¹⁶ .Mười điều bổ sung sửa đổi đầu tiên, hay còn được gọi là Tuyên ngôn Nhân quyền, được đề xuất ngày 25/9/1789 và được phê chuẩn ngày 15/12/1791.

¹⁷ .Chỉ có các Tu chính án số XIII, XIV, XV và XVI được đánh số theo đúng thứ tự ở đây vào thời điểm được thông qua.

nào được cấp nếu không có lý do xác đáng căn cứ vào lời tuyên thệ hoặc sự xác nhận trong đó đặc biệt miêu tả rõ địa điểm khám xét, người và đồ vật bắt giữ.

ĐIỀU V

Không một ai bị buộc phải trả lời về một tội nghiêm trọng hay một tội xấu xa khác nếu không có sự tường trình và cáo trạng của Bồi thẩm đoàn, trừ những trường hợp xảy ra trong lực quân, hải quân hoặc trong lực lượng dân quân, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến hoặc trong tình trạng cộng đồng đang gặp nguy hiểm. Không một ai bị xét xử hai lần về cùng một tội có nguy hại đến tính mạng và thân thể; không một ai bị ép buộc phải làm chứng chống lại bản thân mình trong một vụ án hình sự và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản, nếu không qua một quá trình xét xử theo đúng luật; không một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được bồi thường thích đáng.

ĐIỀU VI

Trong mọi vụ truy tố hình sự, bị cáo có quyền được xét xử một cách nhanh chóng và công khai bởi một Bồi thẩm đoàn công bằng của bang và của khu vực nơi hành vi phạm tội xảy ra theo cách phân chia khu vực đã được xác định trước bởi các đạo luật; bị cáo phải được thông báo về tính chất và lý do buộc tội, được đối chất với các nhân chứng chống lại mình, được quyền triệu tập những nhân chứng để biện minh và được sự giúp đỡ của luật sư bào chữa.

ĐIỀU VII

Trong những vụ kiện tụng theo thông luật, nếu giá trị tranh chấp quá 20 đôla, thì quyền được xét xử bởi Bồi thẩm đoàn sẽ được tôn trọng và không một vụ việc nào đã được Bồi thẩm đoàn xét xử lại phải xem xét lại lần nữa ở bất cứ tòa án nào của Hoa Kỳ, mà phải căn cứ theo các quy tắc của thông luật.

ĐIỀU VIII

Không được đòi hỏi những khoản tiền bảo lãnh quá cao, không áp đặt những khoản tiền phạt quá mức và không áp dụng những hình phạt dã man và khác thường.

ĐIỀU IX

Việc liệt kê cụ thể các quyền trong Hiến pháp này không đồng nghĩa với việc phủ nhận hay hạ thấp những quyền khác của người dân.

ĐIỀU X

Những quyền lực không được Hiến pháp trao cho Liên bang và không ngăn cấm các bang thực hiện, thì thuộc về các bang tương ứng hoặc thuộc về nhân dân.

ĐIỀU XI

Quyền lực tư pháp của Hoa Kỳ sẽ không được diễn giải với mục đích mở rộng quyền xét xử tới các vụ tố tụng về luật pháp hay công lý chống lại một trong các bang của Hợp chúng quốc theo sự khởi kiện hoặc truy tố của công dân của một bang khác hoặc của công dân hoặc thần dân của ngoại quốc.

ĐIỀU XII¹⁸

Các đại cử tri sẽ họp lại trong từng bang của họ và bầu Tổng thống và Phó Tổng thống bằng lá phiếu của mình mà trong đó ít nhất một trong hai người này sẽ không phải là cư dân cùng một bang với họ. Họ phải ghi vào lá phiếu tên người được bầu là Tổng thống và trên lá phiếu khác tên người được bầu làm Phó Tổng thống. Và họ sẽ lập ra các bản danh sách khác nhau những người bầu cho Tổng thống, những người bầu cho Phó Tổng thống và cả số phiếu bầu

¹⁸ .Tu chính này được vào ngày 9/12/1803 và được thông qua vào ngày 27/7/1804.

cho mỗi người. Họ sẽ ký xác nhận vào những danh sách này, niêm phong và chuyển lên Chính phủ Hoa Kỳ, trình lên Chủ tịch Thượng viện. Chủ tịch Thượng viện trước sự hiện diện của Thượng viện và Hạ viện, sẽ mở tất cả các hồ sơ đã được chứng nhận và tiến hành kiểm phiếu. Người có số phiếu nhiều nhất trong cuộc bầu cử cho vị trí Tổng thống sẽ đắc cử Tổng thống nếu số phiếu này chiếm đa số trong tổng số các đại cử tri được chỉ định; nếu không ai đạt số phiếu như vậy thì Hạ viện sẽ ngay lập tức bỏ phiếu bầu Tổng thống trong số những người có số phiếu bầu cao nhất, nhưng không quá 3 người. Nhưng trong việc bầu Tổng thống theo thể thức này, việc bỏ phiếu sẽ được tính theo các bang, đại diện của mỗi bang có một phiếu bầu. Số hạ nghị sĩ cần thiết phải có mặt để thực hiện cuộc bầu cử này là phải có đủ đại diện đến từ hai phần ba tổng số các bang và mỗi bang phải có ít nhất một nghị sĩ; và để trúng cử tổng thống, ứng cử viên phải nhận được sự ủng hộ của đa số trên tổng số các bang của Hợp chúng quốc. [Trong trường hợp Hạ viện đã được trao quyền bầu cử mà không bầu ra Tổng thống trước ngày thứ tư của tháng 3 năm tiếp theo, thì Phó Tổng thống sẽ giữ quyền Tổng thống, cũng giống như trường hợp Tổng thống qua đời hoặc không đủ năng lực như Hiến pháp quy định]¹⁹. Người có số phiếu bầu nhiều nhất bầu cho vị trí Phó Tổng thống sẽ đắc cử Phó Tổng thống nếu số phiếu này là đa số phiếu của tổng số đại cử tri được chỉ định. Trong trường hợp không có ai được đa số phiếu, thì Thượng viện bầu ra Phó Tổng thống trong số hai người có số phiếu cao nhất trong danh sách. Số thượng nghị sĩ cần thiết phải có mặt để thực hiện cuộc bầu cử này là từ hai phần ba tổng số các thượng nghị sĩ; và để trúng cử chức vụ phó tổng thống, ứng cử viên phải nhận được sự ủng hộ của đa số trên tổng số các thượng nghị sĩ. Người nào không đủ

¹⁹ .Câu này đã bị hủy bỏ theo quy định tại Khoản ba, Tu chính án số XX.

tiêu chuẩn hợp hiến để đảm nhận chức vụ Tổng thống thì cũng không đủ tiêu chuẩn để được chọn làm Phó Tổng thống Hoa Kỳ.

ĐIỀU XIII²⁰

Khoản 1

Không một chế độ nô lệ hoặc lao dịch cưỡng bức nào được tồn tại ở Hoa Kỳ hoặc bất kỳ nơi nào thuộc thẩm quyền của Hoa Kỳ, ngoại trừ trường hợp trừng phạt thích đáng đối với tội phạm hình sự mà đương sự phạm phải.

Khoản 2

Nghị viện có quyền ban hành luật lệ thích ứng để buộc thi hành điều này.

ĐIỀU XIV²¹

Khoản 1

Tất cả những người sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc được nhập quốc tịch ở Hoa Kỳ và thuộc thẩm quyền tài phán ở đó, đều là công dân của Hoa Kỳ và của bang mà họ sinh sống. Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Cũng không một bang nào có thể tước đoạt sinh mệnh, tự do hoặc tài sản của một cá nhân mà không theo một quy trình do luật định. Các bang cũng không thể phủ nhận quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng của một cá nhân trong phạm vi thẩm quyền tài phán của bang đó.

²⁰. Tu chính này được đề xuất vào ngày 31/1/1865 và được thông qua vào ngày 6/12/1865.

²¹. Tu chính này được đề xuất vào ngày 13/6/1866 và được thông qua vào ngày 9/7/1868.

Khoản 2

Số Hạ nghị sĩ được phân bổ cho các bang dựa trên tổng số nhân khẩu của các tiểu bang, [ngoại trừ những người da đỏ không phải nộp thuế]. Nhưng trong bất cứ một cuộc bầu cử đại cử tri để bầu Tổng thống và Phó Tổng thống Hoa Kỳ, bầu cử các Hạ nghị sĩ trong Nghị viện Liên bang, các quan chức hành pháp và tư pháp của bang hoặc các thành viên của cơ quan lập pháp nơi đó, nếu quyền bầu cử của nam công dân từ 21 trở lên²² và là công dân Hoa Kỳ bị phủ nhận hoặc bị tước bỏ vì lý do nào đó trừ các trường hợp những người tham gia phiến loạn hoặc phạm các tội khác, thì số đại cử tri ở đó sẽ bị giảm bớt theo tỷ lệ giữa tổng số nam công dân và số nam công dân ở độ tuổi 21 tại bang đó.

Khoản 3

Những người đã tuyên thệ ủng hộ Hiến pháp của Hoa Kỳ với tư cách là thành viên của Quốc hội, hoặc một quan chức của Hoa Kỳ, hoặc một thành viên của một cơ quan lập pháp của bang, hoặc quan chức hành chính hay tư pháp của bất cứ một bang nhưng lại tham gia các cuộc nổi dậy hay phiến loạn chống lại Hiến pháp hoặc trợ giúp hay úy lạo kẻ thù, thì không thể là thượng nghị sĩ hoặc hạ nghị sĩ trong Quốc hội, hoặc đại cử tri để bầu Tổng thống và Phó Tổng thống, hoặc phụ trách một cơ quan dân sự hay quân sự nào của Hoa Kỳ hay của một bang nào đó. Nhưng Quốc hội có thể với 2/3 số phiếu của hai phần ba thành viên mỗi Viện để bác bỏ sự nghiêm cấm nói trên.

Khoản 4

Giá trị của những khoản nợ công cộng của Hoa Kỳ, được thực hiện theo sự cho phép của các đạo luật, kể cả những khoản nợ để trả cho các khoản phụ cấp và tiền thưởng cho công việc phục vụ trấn áp các cuộc nổi dậy và phiến loạn,

²² .Xem thêm Tu chính án số XIX và Khoản 1, Tu chính án số XXVI.

không bị truy vấn. Tuy nhiên cả Liên bang và bất cứ bang nào đều không thừa nhận hoặc thanh toán các khoản nợ hay trái vụ liên quan tới việc hỗ trợ cho các cuộc nổi dậy và phiến loạn chống lại Hoa Kỳ, hoặc đối với những yêu cầu bồi thường cho tình trạng mất mát nô lệ hoặc giải phóng nô lệ. Những khoản tiền, nghĩa vụ và yêu cầu loại này phải bị coi là phi pháp và không có giá trị.

Khoản 5

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

ĐIỀU XV²³

Khoản 1

Quyền bầu cử của các công dân Hoa Kỳ sẽ không bị phủ nhận hoặc hạn chế, dựa vào lý do chủng tộc, màu da hay tình trạng nô lệ trước đây.

Khoản 2

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

ĐIỀU XVI²⁴

Nghị viện liên bang có quyền ban hành và thu các khoản thuế thu nhập có từ bất cứ nguồn nào mà không phải phân bổ tỷ lệ giữa các bang và không dựa vào bất cứ sự thống kê và điều tra dân số nào.

ĐIỀU XVII²⁵

Thượng viện của Hoa Kỳ sẽ gồm có hai thượng nghị sĩ của mỗi bang do dân chúng ở đó bầu ra với nhiệm kỳ 6 năm

²³. Tu chính này được đề xuất vào ngày 26/2/1869 và được thông qua vào ngày 3/2/1870.

²⁴. Tu chính này được đề xuất vào ngày 12/7/1909 và được thông qua vào ngày 3/2/1913.

²⁵. Tu chính này đề xuất vào ngày 13/5/1912 và được thông qua vào ngày 8/4/1913.

và mỗi thượng nghị sĩ sẽ có một lá phiếu biểu quyết. Đại cử tri ở mỗi bang phải có đủ phẩm chất cần thiết như là phẩm chất của đại cử tri của ngành đồng đẳng nhất của các cơ quan lập pháp tiểu bang.

Khi có chỗ khuyết trong số đại diện của tiểu bang trong Thượng viện, cơ quan hành pháp của bang đó sẽ ban hành lệnh bầu cử để bổ sung vào chỗ khuyết, với điều kiện là cơ quan lập pháp của bang đó trao quyền tạm thời cho cơ quan hành pháp cho đến khi nhân dân bầu chọn được người bổ sung vào những chỗ khuyết theo luật lệ sẵn có.

Điều khoản này sẽ không được diễn giải làm ảnh hưởng đến việc bầu cử hoặc nhiệm kỳ của thượng nghị sĩ được bầu ra, cho đến khi nó có hiệu lực như một bộ phận của Hiến pháp.

ĐIỀU XVIII²⁶

Khoản 1

Một năm sau khi phê chuẩn điều khoản này của Hiến pháp, việc sản xuất, mua bán hoặc chuyên chở các loại rượu có cồn ở trong nước, nhập khẩu từ nước ngoài, xuất khẩu từ Hoa Kỳ và các lãnh thổ thuộc thẩm quyền của Hoa Kỳ đều bị cấm.

Khoản 2

Nghị viện Liên bang và các tiểu bang có quyền lực như nhau khi thi hành điều khoản này của Hiến pháp bằng những đạo luật thích hợp

Khoản 3

Điều khoản này sẽ không có hiệu lực trừ phi được phê chuẩn bởi cơ quan lập pháp của các bang như một tu chính đối

²⁶ .Tu chính này được đề xuất vào ngày 18/12/1917 và được thông qua vào ngày 16/1/1919, sau đó đã bị bãi bỏ theo Khoản 1 của Tu chính án số XXI.

với Hiến pháp trong vòng 7 năm kể từ ngày Quốc hội chuyển đến các bang như Hiến pháp quy định.

ĐIỀU XIX²⁷

Khoản 1

Quyền bầu cử của các công dân Hoa Kỳ sẽ không bị phủ nhận hoặc hạn chế bởi Liên bang hoặc bất cứ bang nào với lý do giới tính.

Khoản 2

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

ĐIỀU XX²⁸

Khoản 1

Nhiệm kỳ của Tổng thống và Phó Tổng thống sẽ kết thúc vào đúng trưa ngày thứ 20 tháng giêng, và nhiệm kỳ của các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ sẽ kết thúc vào đúng trưa của ngày thứ 3 của tháng giêng vào những năm mà những nhiệm kỳ trên sẽ kết thúc nếu điều khoản này vẫn chưa được phê chuẩn và nhiệm kỳ của những người kế nhiệm họ sẽ bắt đầu từ thời điểm đó.

Khoản 2

Nghị viện sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và kỳ họp sẽ bắt đầu vào giữa trưa ngày thứ 3 của tháng Giêng, trừ trường hợp họ ra một đạo luật để xác định một ngày khác.

Khoản 3

Nếu vào thời điểm bắt đầu nhiệm kỳ đã được ấn định mà Tổng thống đắc cử qua đời, thì Phó Tổng thống đắc cử sẽ trở thành Tổng thống. Nếu trước thời điểm bắt đầu nhiệm kỳ đã được ấn định mà Tổng thống chưa đắc cử hoặc Tổng thống đã đắc cử nhưng không đủ tư cách, thì Phó Tổng thống đắc cử sẽ

²⁷. Tu chính này được đề xuất vào ngày 4/6/1919 và được thông qua vào ngày 18/8/1920.

²⁸. Tu chính này được đề xuất vào ngày 2/3/1932 và được thông qua vào ngày 23/1/1933.

đảm đương cương vị Tổng thống cho đến khi Tổng thống được xác định là có đủ tư cách. Nghị viện trên cơ sở việc ra một đạo luật có thể quyết định về trường hợp khi cả Tổng thống đắc cử và Phó Tổng thống đắc cử đều không đủ điều kiện, tuyên bố người sẽ đứng ra đảm đương quyền Tổng thống hoặc xác định cách thức để chọn người đảm đương chức vụ Tổng thống cho đến khi Tổng thống hay Phó Tổng thống có đủ tư cách.

Khoản 4

Nghị viện trên cơ sở ra một đạo luật có thể quy định trong trường hợp có sự qua đời của bất cứ cá nhân nào trong những người mà Hạ viện có thể chọn làm Tổng thống khi Hạ viện được trao quyền lựa chọn đó; và trong trường hợp có sự qua đời của bất cứ cá nhân nào trong những người mà Thượng viện có thể chọn làm Phó Tổng thống khi Thượng viện được trao quyền lựa chọn đó.

Khoản 5

Khoản 1 và khoản 2 sẽ có hiệu lực bắt đầu vào ngày 15 tháng 10 sau khi điều khoản này được phê chuẩn.

Khoản 6

Điều này của Hiến pháp sẽ không có hiệu lực trừ phi được phê chuẩn như những điều bổ sung của Hiến pháp bởi cơ quan lập pháp của ba phần tư các tiểu bang trong 7 năm kể từ ngày được đệ trình.

ĐIỀU XXI²⁹

Khoản 1

Kể từ nay, điều bổ sung sửa đổi số 18 của Hiến pháp bị bãi bỏ.

Khoản 2

Việc chuyên chở hay nhập khẩu nhằm cung cấp và sử dụng rượu có cồn ở bất cứ bang nào hoặc lãnh thổ và vùng

²⁹. Tu chính này được đề xuất vào ngày 20/2/1933 và được thông qua vào ngày 5/12/1933.

thuộc sở hữu của Hoa Kỳ mà vi phạm luật ở những nơi đó sẽ bị nghiêm cấm.

Khoản 3

Điều này sẽ không có hiệu lực trừ phi nó được các đại hội của các bang phê chuẩn như một điều bổ sung của Hiến pháp, theo qui định của Hiến pháp, trong vòng 7 năm kể từ ngày Nghị viện chuyển đến các bang.

ĐIỀU XXII³⁰

Khoản 1

Không người nào được bầu giữ chức vụ Tổng thống quá hai nhiệm kỳ và không người nào đã đảm đương chức vụ Tổng thống hoặc là quyền Tổng thống quá hai năm trong nhiệm kỳ mà người khác đã đắc cử Tổng thống được bầu vào chức vụ Tổng thống hơn một nhiệm kỳ. Nhưng điều khoản này không áp dụng đối với những người đang giữ chức Tổng thống khi điều khoản này được Quốc hội đề nghị và sẽ không ngăn cản bất cứ ai có thể giữ chức Tổng thống hoặc quyền Tổng thống trong thời gian điều khoản này có hiệu lực đúng vào nhiệm kỳ của họ, vì vậy họ sẽ tiếp tục cương vị Tổng thống hay quyền Tổng thống trong thời gian nhiệm kỳ còn lại.

Khoản 2

Điều này sẽ không có hiệu lực trừ khi nó được cơ quan lập pháp của ba phần tư các bang phê chuẩn như một điều bổ sung vào Hiến pháp trong vòng 7 năm kể từ ngày Quốc hội chuyển tới các bang.

³⁰. Tu chính này được đề xuất vào ngày 24/3/1947 và được thông qua vào ngày 27/2/1951.

ĐIỀU XXIII³¹

Khoản 1

Theo phương thức do Nghị viện liên bang quyết định, Quận được dùng làm thủ phủ chính của Chính phủ nhà nước Hợp chúng quốc sẽ được chỉ định:

- Số đại cử tri bầu Tổng thống và Phó Tổng thống mà Quận có được bằng tổng số thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ trong Quốc hội nếu đó là một bang, nhưng nếu số đại cử tri không nhiều hơn so với bang ít dân số nhất, thì họ sẽ được ghép vào số đại cử tri do các bang bổ nhiệm, nhưng xuất phát từ mục đích của cuộc bầu Tổng thống và Phó Tổng thống, thì họ sẽ được coi là các đại cử tri do một bang bổ nhiệm, và họ sẽ hợp với nhau ở khu vực bầu cử và hoàn thành trách nhiệm do Tu chính án số XII của Hiến pháp qui định.

Khoản 2

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

ĐIỀU XXIV³²

Khoản 1

Quyền bầu cử của công dân Hoa Kỳ trong các vòng bầu cử sơ bộ, hoặc trong các cuộc bầu cử Tổng thống hay Phó Tổng thống, cuộc bầu đại cử tri để bầu Tổng thống, Phó Tổng thống, thượng nghị sĩ hay hạ nghị sĩ trong Nghị viện Liên bang, sẽ không bị phủ nhận hoặc hạn chế bởi Liên bang hay một tiểu bang nào với lý do không có khả năng nộp thuế thân hoặc thuế khác.

Khoản 2

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

³¹. Tu chính này được đề xuất vào ngày 16/6/1960 và được thông qua vào ngày 29/3/1961.

³². Tu chính này được đề xuất vào ngày 27/8/1962 và được thông qua vào ngày 23/1/1964.

ĐIỀU XXV³³

Khoản 1

Trong trường hợp Tổng thống bị phế truất, qua đời hoặc từ chức, Phó Tổng thống sẽ trở thành Tổng thống.

Khoản 2

Trong trường hợp vị trí Phó Tổng thống bị khuyết, Tổng thống sẽ chỉ định một người làm Phó Tổng thống, nhưng phải được đa số nghị sĩ trong cả hai viện của Nghị viện đồng ý thông qua một cuộc biểu quyết.

Khoản 3

Trong trường hợp Tổng thống chuyển đến Chủ tịch lâm thời của Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện văn bản tuyên bố rằng Tổng thống không thể thực thi quyền lực và trách nhiệm của mình thì những quyền lực và trách nhiệm của Tổng thống do Phó Tổng thống thực thi với tư cách quyền Tổng thống cho đến khi Tổng thống chuyển đến Chủ tịch lâm thời của Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện một văn bản với nội dung ngược lại.

Khoản 4

Trong mọi trường hợp khi Phó Tổng thống và đa số các quan chức chủ chốt của cơ quan hành pháp hay cơ quan tương đương nào khác được Nghị viện thành lập bằng luật, chuyển lên Chủ tịch lâm thời của Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện văn bản tuyên bố rằng Tổng thống không thể thực thi những quyền lực và trách nhiệm của mình, thì Phó Tổng thống sẽ ngay lập tức nắm quyền lực và trách nhiệm đó với tư cách quyền Tổng thống.

Sau đó, khi Tổng thống chuyển lên Chủ tịch lâm thời của Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện văn bản tuyên bố về sự

³³. Tu chính này được đề xuất vào ngày 6/7/1965 và được thông qua vào ngày 10/2/1967.

đầy đủ năng lực của mình, Tổng thống có thể tiếp tục thực thi quyền lực và nhiệm vụ với điều kiện trong vòng 4 ngày Phó Tổng thống và đa số các quan chức chủ chốt của cơ quan hành pháp hay cơ quan tương đương mà Quốc hội đã qui định chuyển đến Chủ tịch lâm thời của Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện văn bản tuyên bố về việc Tổng thống có đủ năng lực thực thi quyền lực và trách nhiệm của mình. Nếu không phải trong kỳ họp, trong vòng 48 tiếng đồng hồ Nghị viện sẽ phải họp để giải quyết vấn đề đó. Nếu trong vòng 21 ngày sau khi nhận được văn bản tuyên bố nói trên hoặc sau khi nghị viện được yêu cầu phải nhóm họp, Nghị viện quyết định với đa số hai phần ba ở cả hai viện rằng Tổng thống không đủ khả năng để thực hiện chức năng và nhiệm vụ Tổng thống của mình thì Phó tổng thống sẽ tiếp tục thực thi công việc đó với tư cách là quyền Tổng thống. Trong trường hợp ngược lại, Tổng thống sẽ tiếp tục thực thi quyền lực và trách nhiệm của mình.

ĐIỀU XXVI³⁴

Khoản 1

Quyền bầu cử của công dân Hoa Kỳ từ 18 tuổi trở lên sẽ không bị tước bỏ hoặc hạn chế bởi Liên bang hay bất cứ bang nào với lý do tuổi tác.

Khoản 2

Nghị viện có quyền triển khai thực hiện điều khoản này bằng các luật lệ thích ứng.

ĐIỀU XXVII³⁵

Trước cuộc bầu cử hạ nghị sĩ, không một điều luật nào nhằm thay đổi các khoản trợ cấp cho công việc của thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ có hiệu lực.

³⁴. Tu chính này được đề xuất vào ngày 23/3/1971 và được thông qua vào ngày 1/7/1971

³⁵. Tu chính này được đề xuất vào ngày 25/9/1789 và được thông qua vào ngày 7/5/1992

LIÊN BANG NGA

I. KHÁI QUÁT VỀ LIÊN BANG NGA³⁶

1. Tên nước: tên dài chính thức: Liên bang Nga (Russian Federation); tên ngắn chính thức: Nga.

2. Thủ đô: Matxcova.

3. Ngày quốc khánh: Ngày 12 tháng 06.

4. Quốc kỳ: Có 3 dải nằm ngang có kích thước bằng nhau với 3 màu trắng (trên cùng), xanh lơ, và đỏ.

5. Diện tích: 17.075.400 km².

6. Dân số: 142,2 triệu người (theo số liệu thống kê năm 2007), gồm trên 100 dân tộc, trong đó dân tộc Nga chiếm 81,5%, Tác-ta 3,8%, U-crai-na 3%.

7. Kiểu nhà nước: Ngày 12-12-1993, Liên bang Nga thông qua Hiến pháp mới theo đó mô hình nhà nước của Liên bang Nga được xếp vào mô hình chính thể lưỡng tính hay bán tổng thống (semi-presidential republic).

8. Phân chia hành chính: Liên bang Nga được chia thành 83 khu vực lãnh thổ, hành chính là chủ thể của Liên bang, gồm:

+ 21 nước cộng hòa.

+ 46 tỉnh.

+ 09 vùng lãnh thổ.

+ 01 tỉnh tự trị.

³⁶ Thông tin có tại

http://www.mofa.gov.vn/vi/cn_vakv/euro/nr040819111648/ns080604153150, và Wikipedia, Russia, tại http://en.wikipedia.org/wiki/Russia#Government_and_politics truy cập ngày 23/11/2008.

+ 04 khu tự trị.

+ 02 thành phố trực thuộc TW: Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.

Ngoài ra, nước Nga được chia thành 7 đại khu hành chính do người được Tổng thống bổ nhiệm đứng đầu.

9. Đảng chính trị:

Hiện tại, trong Duma quốc gia có bốn đảng chính trị lớn gồm:

- + Đảng nước Nga đoàn kết;
- + Đảng cộng sản liên bang Nga;
- + Đảng tự do dân chủ Nga;
- + Đảng nước Nga công bằng;

10. Tuổi được tham gia bầu cử: Công dân Liên bang Nga có thể tự mình thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình từ 18 tuổi trở lên.

11. Hệ thống pháp luật:

Trong thời kỳ Xô Viết, pháp luật của Liên bang Nga là hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa. Sau khi Liên bang Xô Viết tan vỡ, hệ thống pháp luật của Liên bang Nga được xây dựng lại và được xem là thuộc hệ thống pháp luật dân sự.

12. Bộ máy nhà nước:

i) Cơ quan lập pháp

Quyền lập pháp liên bang được giao cho Quốc hội Liên bang gồm hai viện là: Hội đồng Liên bang (Federation Council) – Thượng viện và Duma Quốc gia (State Duma) – Hạ viện. Trong đó, Hội đồng Liên bang có các thành viên do các quan

chức hành pháp và điều hành cấp cao bổ nhiệm ở từng chủ thể liên bang. Duma Quốc gia hay gồm 450 thành viên trong đó 225 ghế do đại biểu của các đảng thắng cử với ít nhất 5% phiếu bầu trong cuộc tuyển cử bầu ra và 225 ghế còn lại do các cử tri bầu chọn. Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ có nhiệm kỳ 4 năm³⁷.

ii) Cơ quan hành pháp

Đứng đầu cơ quan hành pháp Liên bang Nga là Tổng thống và cũng đồng thời là nguyên thủ quốc gia; là người đảm bảo cho việc thực hiện Hiến pháp, quyền con người và tự do. Tổng thống có quyền thực hiện những biện pháp để bảo đảm chủ quyền của Liên bang Nga, sự độc lập và thống nhất của nước Nga, bảo đảm sự hợp tác trong việc thực hiện các chức năng của tất cả các cơ quan thuộc quyền lực nhà nước.

Theo quy định của Hiến pháp, Tổng thống có nhiệm vụ định hướng các chính sách đối nội, đối ngoại cơ bản của nhà nước; là tổng tư lệnh của các lực lượng vũ trang, giải quyết các vấn đề cơ bản liên quan đến công dân Liên bang Nga, trao thưởng các huy chương nhà nước và thực hiện ân xá.

Tổng thống do nhân dân Nga bầu lên theo nhiệm kỳ 4 năm³⁸. Một điểm đặc thù là nước Nga không có chức vụ Phó tổng thống. Nếu tổng thống mất khi đang giữ chức, hay không thể sử dụng quyền hạn của mình do ốm đau, bị buộc tội hoặc

³⁷. Đề nghị sửa đổi Hiến pháp nhằm tăng nhiệm kỳ của các nghị sĩ từ 4 năm lên 5 năm đã được Nghị viện Liên bang thông qua vào ngày 26/11/2008. Tuy nhiên, đề sửa đổi này có hiệu lực còn cần phải được cơ quan lập pháp của ít nhất 2/3 chủ thể liên bang nhất trí thông qua.

³⁸. Đề nghị sửa đổi Hiến pháp nhằm tăng nhiệm kỳ của Tổng thống từ 4 năm lên 6 năm đã được Nghị viện Liên bang thông qua vào ngày 26/11/2008. Tuy nhiên, đề sửa đổi này có hiệu lực còn cần phải được cơ quan lập pháp của ít nhất 2/3 chủ thể liên bang nhất trí thông qua.

từ chức, Thủ tướng đương nhiệm sẽ được giữ quyền tổng thống. Sự thay thế tạm thời này sẽ được chấm dứt khi có cuộc bầu cử tổng thống mới. Theo quy định, cuộc bầu cử Tổng thống mới phải được tổ chức trong vòng 3 tháng kể từ khi Tổng thống không thể đảm nhiệm được chức vụ của mình.

Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ, do tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Duma Quốc gia. Chính phủ có quyền ra lệnh và quyết định để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các lệnh và quyết định không được trái với hiến pháp, các đạo luật hiến pháp, pháp luật liên bang và các lệnh của Tổng thống.

Theo quy định của Hiến pháp, Chính phủ có quyền dự toán và đệ trình Duma quốc gia ngân sách nhà nước và đảm bảo việc thực hiện ngân sách, đệ trình quyết toán ngân sách; đảm bảo việc thực hiện một chính sách tiền tệ, tín dụng và tài chính một cách thống nhất toàn liên bang; đảm bảo thực hiện chính sách thống nhất về văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và môi trường; quản lý tài sản liên bang; thực hiện các biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, và thực thi chính sách đối ngoại của liên bang; thực hiện các biện pháp bảo đảm nguyên tắc nhà nước pháp quyền, tôn trọng nhân quyền và tự do, bảo đảm tài sản công dân và trật tự công cộng, kiểm chế tội phạm; thực thi các quyền lực khác do hiến pháp, luật liên bang và các sắc lệnh của Tổng thống giao cho.

Kể từ năm 1991, Chính phủ Nga đã trải qua nhiều lần tái cấu trúc. Hiện tại, theo Sắc lệnh ngày 28 tháng 7 năm 2004 thì Chính phủ Nga gồm 17 bộ, 7 cơ quan dịch vụ liên bang và 30 cơ quan liên bang.

iii) Cơ quan tư pháp

Hệ thống tòa án ở Liên bang Nga gồm Tòa án Hiến pháp,

Tòa án Tối cao, Tòa án trọng tài tối cao và các tòa án cấp dưới. Theo Hiến pháp Liên bang Nga, thẩm phán của Tòa án Hiến pháp, Tòa án Tối cao và Tòa trọng tài tối cao đều do Hội đồng Liên bang Nga tuyển chọn trên cơ sở đề nghị của Tổng thống Nga. Các thẩm phán của tòa cấp dưới đều do Tổng thống trực tiếp bổ nhiệm.

Tòa án Hiến pháp có thẩm quyền xem xét tính hợp hiến của các đạo luật do nghị viện ban hành và các sắc lệnh của Tổng thống. Mục tiêu duy nhất của Tòa án này là bảo vệ Hiến pháp và giải quyết một số tranh chấp có liên quan đến chức năng cơ bản này như tranh chấp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước. Hiện tại, Tòa án Hiến pháp có 19 thẩm phán. Tiêu chuẩn để trở thành thẩm phán của Tòa án Hiến pháp phải là công dân Nga, từ 40 tuổi trở lên, được đào tạo trong ngành luật và có thâm niên làm luật sư ít nhất là 15 năm và được “ghi nhận có trình độ cao” theo quy định của pháp luật.

Tòa án Tối cao Liên bang Nga là cấp xét xử cuối cùng trong các vụ án hành chính, dân sự và hình sự. Ngoài ra, Tòa án Tối cao còn có nhiệm vụ giám sát công việc của các tòa cấp dưới; đưa ra các giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật có ý nghĩa bắt buộc đối với các tòa án cấp dưới. Để trở thành thẩm phán của Tòa án Tối cao cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn: i) là công dân Nga, từ 35 tuổi trở lên, ii) được đào tạo chuyên ngành luật và iii) có thâm niên công tác ít nhất là 10 năm.

Tòa án trọng tài tối cao là cấp xét xử cuối cùng về các tranh chấp thương mại ở Nga. Ngoài ra, Tòa trọng tài tối cao còn có nhiệm vụ giám sát công việc của các tòa trọng tài cấp dưới và đưa ra các giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật có ý nghĩa bắt buộc đối với các tòa cấp dưới. Điều kiện để trở thành thẩm phán của Tòa án trọng tài tối cao là phải từ 35 tuổi trở lên, được đào tạo chuyên ngành luật, có thâm niên ít nhất là 10 năm và phải là công dân Nga.

II. HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG NGA

(Được thông qua bởi phúc quyết toàn dân ngày 12/12/1993)

Chúng ta, nhân dân đa sắc tộc của Liên bang Nga, cùng chung một số phận trên mảnh đất này; khẳng định quyền và tự do của con người, hoà bình và đồng thuận xã hội; gìn giữ sự thống nhất về mặt nhà nước từ bao đời nay; xuất phát từ những nguyên tắc đã được thừa nhận rộng rãi về bình đẳng và tự quyết của các dân tộc; nhớ đến tổ tiên, những người đã truyền lại cho chúng ta tình yêu và sự kính trọng Tổ quốc, niềm tin vào những điều tốt đẹp và sự công bằng; lập lại sự toàn vẹn chủ quyền của nước Nga và khẳng định tính không thể đảo ngược của nền dân chủ; nỗ lực đảm bảo sự thịnh vượng và phồn vinh của nước Nga, xuất phát từ trách nhiệm đối với Tổ quốc trước thế hệ hiện tại và tương lai; nhận thức được mình là một phần của cộng đồng thế giới,

Thông qua HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ LIÊN BANG NGA.

PHẦN MỘT
CHƯƠNG 1
NỀN TẢNG CỦA CHẾ ĐỘ HIẾN PHÁP

Điều 1

1. Liên bang Nga - Nga là một nhà nước liên bang dân chủ, pháp quyền có hình thức chính thể cộng hoà.

2. Tên nước Liên bang Nga và Nga đều có ý nghĩa ngang nhau.

Điều 2

Con người, các quyền và tự do của con người là những giá trị cao nhất. Việc thừa nhận, tuân thủ và bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân là bổn phận của nhà nước.

Điều 3

1. Nhân dân Nga đa sắc tộc là đại diện cho chủ quyền và là nguồn duy nhất của quyền lực ở Liên bang Nga.

2. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình một cách trực tiếp, cũng như thông qua các cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan tự quản địa phương.

3. Trưng cầu ý dân và bầu cử tự do là những hình thức thể hiện cao nhất quyền lực của nhân dân.

4. Không một ai có thể chiếm dụng quyền lực ở Liên bang Nga. Việc chiếm đoạt quyền lực hoặc các vị trí quyền lực sẽ bị truy tố theo pháp luật liên bang.

Điều 4

1. Chủ quyền của Liên bang Nga bao trùm toàn bộ lãnh thổ liên bang.

2. Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang có hiệu lực tối thượng trên toàn bộ lãnh thổ của Liên bang.

3. Liên bang Nga bảo đảm sự toàn vẹn và bất khả xâm phạm của lãnh thổ Liên bang.

Điều 5

1. Liên bang Nga bao gồm các nước cộng hoà; các khu; các tỉnh; các thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh tự trị; các vùng tự trị - là những chủ thể bình đẳng của Liên bang Nga.

2. Nước cộng hoà (nhà nước) có hiến pháp và pháp luật riêng. Khu; tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh tự trị; vùng tự trị có hiến chương và pháp luật của mình.

3. Cấu trúc liên bang của Nga dựa trên sự toàn vẹn lãnh thổ, sự thống nhất của hệ thống quyền lực nhà nước, sự phân chia thẩm quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước ở các chủ thể Liên bang, sự bình đẳng và tự quyết của các dân tộc ở Liên bang Nga.

4. Các chủ thể của Liên bang Nga đều bình đẳng với nhau trong quan hệ với các cơ quan quyền lực nhà nước liên bang.

Điều 6

1. Quốc tịch Liên bang Nga được cấp và chấm dứt theo pháp luật liên bang, là quốc tịch duy nhất và bình đẳng không phụ thuộc vào cơ sở được cấp.

2. Mỗi công dân Liên bang Nga trên lãnh thổ liên bang đều có tất cả các quyền và tự do và có những bổn phận như nhau đã được quy định trong Hiến pháp Liên bang Nga.

3. Công dân Nga không thể bị tước quốc tịch hoặc bị tước quyền thay đổi quốc tịch.

Điều 7

1. Liên bang Nga là nhà nước xã hội với chính sách hướng đến việc tạo các điều kiện để bảo đảm một cuộc sống xứng đáng và sự phát triển một cách tự do của con người.

2. Ở Liên bang Nga, lao động và sức khoẻ người dân phải được đảm bảo, mức lương tối thiểu phải được thiết lập, nhà nước phải hỗ trợ gia đình, các ông bố, bà mẹ, trẻ thơ, người tàn tật, người cao tuổi; phát triển hệ thống dịch vụ xã hội, phải thiết lập lương hưu, trợ cấp và những cơ chế bảo đảm an sinh xã hội khác.

Điều 8

1. Liên bang Nga đảm bảo một không gian kinh tế thống nhất, sự lưu thông tự do đối với hàng hoá, dịch vụ và các phương tiện tài chính, sự cạnh tranh và tự do hoạt động kinh tế.

2. Liên bang Nga công nhận và bảo vệ một cách bình đẳng các hình thức sở hữu tư nhân, nhà nước, địa phương và những hình thức sở hữu khác.

Điều 9

1. Đất đai và những tài nguyên thiên nhiên khác ở Liên bang Nga được sử dụng và bảo vệ như là nguồn sống và hoạt động của các dân tộc cư trú trên lãnh thổ Liên bang.

2. Đất đai và những nguồn tài nguyên thiên nhiên khác có thể thuộc về sở hữu tư nhân, nhà nước, địa phương hoặc các hình thức sở hữu khác.

Điều 10

Quyền lực nhà nước Liên bang Nga được thực thi trên cơ sở phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp độc lập với nhau.

Điều 11

1. Quyền lực nhà nước ở Liên bang Nga được thực hiện bởi Tổng thống Liên bang Nga, Quốc hội Liên bang (gồm Hội đồng Liên bang và Duma Quốc gia), Chính phủ Liên bang Nga, các toà án Liên bang Nga.

2. Quyền lực nhà nước ở các chủ thể của Liên bang Nga do các cơ quan quyền lực nhà nước tại đó thực hiện.

3. Việc phân định quyền hạn và phân chia thẩm quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga được quy định bởi Hiến pháp này, Thỏa ước Liên bang và những bản khế ước khác về phân định quyền hạn và phân chia thẩm quyền.

Điều 12

Ở Liên bang Nga thừa nhận và đảm bảo tự quản địa phương. Tự quản địa phương được độc lập trong phạm vi thẩm quyền của mình. Các cơ quan tự quản địa phương không thuộc hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước.

Điều 13

1. Ở Liên bang Nga thừa nhận sự đa dạng về tư tưởng.

2. Không một hệ tư tưởng nào được coi là chính thức hoặc bắt buộc.

3. Ở Liên bang Nga thừa nhận sự đa nguyên, đa đảng.

4. Các tổ chức xã hội bình đẳng trước pháp luật.

5. Cấm thành lập và cấm sự hoạt động của các tổ chức xã hội có mục đích hay hành động hướng tới việc dùng bạo lực để thay đổi nền tảng chế độ hiến pháp và xâm phạm sự toàn vẹn của Liên bang Nga, đe dọa an ninh quốc gia, thành lập các tổ chức có vũ trang, gây sự chia rẽ về xã hội, chủng tộc, sắc tộc và tôn giáo.

Điều 14

1. Liên bang Nga là nhà nước thế tục. Không một tôn giáo nào được coi là tôn giáo nhà nước hoặc bắt buộc.

2. Các tổ chức tôn giáo tách rời khỏi nhà nước và bình đẳng trước pháp luật.

Điều 15

1. Hiến pháp Liên bang Nga có hiệu lực pháp lý cao nhất, được áp dụng trực tiếp trên toàn thể lãnh thổ Liên bang Nga. Các đạo luật và những văn bản pháp luật khác được áp dụng ở Liên bang Nga không được mâu thuẫn với Hiến pháp Liên bang.

2. Các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan tự quản địa phương, các nhà chức trách, công dân và các tổ chức của công dân phải tuân thủ Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang.

3. Các đạo luật phải được đăng tải chính thức. Những đạo luật chưa được đăng tải thì không được áp dụng. Bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào liên quan đến các quyền, tự do và nghĩa vụ của con người và công dân, nếu không được đăng tải chính thức sẽ không được áp dụng.

4. Các nguyên tắc và quy phạm đã được thừa nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế của Liên bang Nga là một phần cấu thành của hệ thống pháp luật liên bang. Nếu điều ước quốc tế của Liên bang Nga có quy định khác với pháp luật liên bang thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 16

1. Các quy định của Chương này là nền tảng của chế độ hiến pháp ở Liên bang Nga và chỉ được sửa đổi theo trình tự được quy định trong Hiến pháp này.

2. Các quy định khác của Hiến pháp này không được mâu thuẫn với các quy định về nền tảng hiến pháp Liên bang Nga.

CHƯƠNG 2

CÁC QUYỀN VÀ TỰ DO CỦA CON NGƯỜI VÀ CÔNG DÂN

Điều 17

1. Ở Liên bang Nga, các quyền và tự do của con người và công dân theo các nguyên tắc và quy phạm đã được công nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế và theo Hiến pháp này được thừa nhận và đảm bảo.

2. Các quyền và tự do cơ bản của con người là không thể tách rời và thuộc về mỗi người từ lúc sinh ra.

3. Việc thực hiện các quyền và tự do của con người và công dân không được xâm phạm quyền và tự do của người khác.

Điều 18

Các quyền và tự do của con người và công dân có hiệu lực trực tiếp. Các quyền và tự do xác định ý nghĩa, nội dung và việc áp dụng các đạo luật, hoạt động của lập pháp và hành pháp, chính quyền tự quản địa phương, và được đảm bảo bởi toà án.

Điều 19

1. Tất cả đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước đảm bảo sự bình đẳng về quyền và tự do của con người và công dân mà không bị phụ thuộc vào giới, chủng tộc, sắc tộc, ngôn ngữ, xuất thân, vị thế, tài sản, chỗ ở, tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức xã hội và những hoàn cảnh khác.

3. Phụ nữ và đàn ông có các quyền và tự do ngang nhau và cơ hội thực hiện chúng như nhau.

Điều 20

1. Mỗi người đều có quyền được sống.
2. Theo pháp luật liên bang, cho đến khi chưa được bãi bỏ, tử hình được áp dụng với tư cách là biện pháp trừng phạt đặc biệt đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm cuộc sống con người chỉ với điều kiện bị cáo có quyền được xét xử bởi bồi thẩm đoàn.

Điều 21

1. Phẩm giá con người được Nhà nước bảo trợ. Không một điều gì có thể là cơ sở để hạ thấp phẩm giá con người.
2. Không một ai phải chịu tra tấn, bạo lực hay bất kỳ hình thức đối xử, trừng phạt dã man nào hạ thấp phẩm giá con người. Không một ai chịu thử nghiệm y học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm khác nếu chính người đó không tự nguyện đồng ý.

Điều 22

1. Mỗi người đều có quyền tự do và bất khả xâm phạm cá nhân.
2. Chỉ được bắt, giam, tạm giam theo quyết định của toà án. Khi chưa có quyết định của toà, không được giữ người quá 48 tiếng đồng hồ.

Điều 23

1. Mỗi người đều có quyền bất khả xâm phạm về cuộc sống riêng tư, bí mật gia đình và bí mật cá nhân, quyền bảo vệ danh dự và uy tín của mình.
2. Mỗi người đều có quyền bí mật thư tín, điện thoại và những hình thức trao đổi thông tin khác. Việc hạn chế quyền này chỉ được phép khi có quyết định của toà án.

Điều 24

1. Không được phép thu thập, lưu giữ, sử dụng và phổ biến thông tin về đời tư của người khác nếu người đó không đồng ý.

2. Các cơ quan quyền lực nhà nước, tự quản địa phương, các nhà chức trách phải đảm bảo khả năng cho từng công dân có thể tiếp cận các văn bản động chạm trực tiếp các quyền và tự do của người đó, nếu pháp luật không quy định khác.

Điều 25

Chỗ ở là bất khả xâm phạm. Không một ai có thể xâm nhập chỗ ở trái với ý chí của những người sống trong đó, trừ những trường hợp do pháp luật liên bang quy định, hoặc được toà án cho phép.

Điều 26

1. Mỗi người đều có quyền tự xác định và chỉ định sắc tộc của mình. Không một ai bị ép buộc phải xác định và chỉ định sắc tộc của mình.

2. Mỗi người đều có quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp, giáo dục và sáng tạo.

Điều 27

1. Mỗi người, nếu có mặt một cách hợp pháp trên lãnh thổ Liên bang Nga, đều có quyền tự do di chuyển, lựa chọn chỗ đến và chỗ ở.

2. Mỗi người có thể tự do ra khỏi lãnh thổ Liên bang Nga, Công dân Liên bang Nga có quyền trở về Liên bang Nga mà không gặp cản trở nào.

Điều 28

Mỗi người đều được đảm bảo tự do tôn giáo, tín

ngưỡng, trong đó có quyền riêng mình hoặc cùng với người khác theo đuổi bất kỳ tôn giáo nào hoặc không theo đuổi bất cứ tôn giáo nào, tự do lựa chọn và phổ biến tôn giáo và các hình thức tín ngưỡng khác và hành động theo tín ngưỡng đó.

Điều 29

1. Mỗi người đều được bảo đảm quyền tự do tư tưởng và ngôn luận.

2. Cấm tuyên truyền, phổ biến gây thù hận về mặt xã hội, chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo. Cấm tuyên truyền về ưu thế xã hội, chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo.

3. Không một ai bị bắt buộc phải thể hiện hoặc từ chối quan điểm, ý kiến của mình.

4. Mỗi người đều có quyền tự do tìm hiểu, tiếp nhận, phổ biến thông tin bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào. Danh mục các loại thông tin thuộc bí mật nhà nước do pháp luật liên bang quy định.

5. Tự do báo chí được bảo đảm. Cấm kiểm duyệt.

Điều 30

1. Mỗi người đều có quyền liên kết, trong đó có quyền lập hội đoàn chuyên nghiệp để bảo vệ quyền lợi của mình. Tự do hoạt động hiệp hội được bảo đảm.

2. Không một ai bị ép buộc gia nhập, hoạt động trong một hiệp hội nào.

Điều 31

Công dân Liên bang Nga có quyền tụ tập một cách hoà bình, không có vũ trang để tiến hành hội họp, mít tinh, biểu tình, diễu hành, tuần hành.

Điều 32

1. Công dân Liên bang Nga có quyền tham gia quản lý nhà nước một cách trực tiếp cũng như thông qua các đại biểu dân cử.

2. Công dân Liên bang Nga có quyền bầu và được bầu vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan tự quản địa phương, cũng như tham gia trưng cầu ý dân.

3. Các công dân mà toà án tuyên bố không có năng lực hành vi, những người đang bị giam giữ theo bản án của toà thì không được bầu cử và ứng cử.

4. Công dân Liên bang Nga có quyền tiếp cận bình đẳng đối với nền công vụ.

5. Công dân Liên bang Nga có quyền tham gia xét xử.

Điều 33

Công dân Nga có quyền kiến nghị trực tiếp, hoặc gửi kiến nghị cá nhân và tập thể đến các cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan tự quản địa phương.

Điều 34

1. Mỗi người đều có quyền tự do sử dụng khả năng và tài sản của mình để tiến hành kinh doanh hoặc những hoạt động kinh tế hợp pháp khác.

2. Cấm các hoạt động kinh tế độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh.

Điều 35

1. Quyền tư hữu được pháp luật bảo hộ.

2. Mỗi người đều có quyền sở hữu tài sản, nắm giữ, sử dụng và định đoạt tài sản một mình hoặc cùng với người khác.

3. Không một ai bị tước tài sản của mình, trừ khi toà án quyết định. Việc thu hồi tài sản dùng cho nhu cầu của nhà nước chỉ được tiến hành khi đã có bồi thường trước, ngang bằng giá trị.

4. Quyền thừa kế được bảo đảm.

Điều 36

1. Công dân và các tổ chức của họ có quyền tư hữu về đất đai.

2. Chủ sở hữu đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác được quyền tự do nắm giữ, sử dụng và định đoạt chúng, nếu điều này không làm tổn hại môi trường xung quanh, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

3. Điều kiện và trình tự sử dụng đất đai do pháp luật liên bang quy định.

Điều 37

1. Lao động là tự do. Mỗi người đều có quyền tự do sử dụng khả năng lao động của mình, tự do lựa chọn hình thức hoạt động và nghề nghiệp.

2. Cấm lao động cưỡng bức.

3. Mỗi người đều có quyền được làm việc trong những điều kiện đảm bảo yêu cầu an toàn và vệ sinh, được trả lương cho lao động của mình mà không bị phân biệt đối xử và không thấp hơn mức lương tối thiểu do pháp luật liên bang quy định, cũng như quyền được bảo vệ trước nạn thất nghiệp.

4. Công nhận quyền tranh chấp lao động cá nhân và tập thể thông qua các phương thức giải quyết tranh chấp do pháp luật liên bang quy định, trong đó có quyền đình công.

5. Mỗi người đều có quyền nghỉ ngơi. Người làm việc theo hợp đồng lao động được đảm bảo thời gian làm việc, các ngày nghỉ, ngày lễ, kỳ nghỉ được trả tiền.

Điều 38

1. Người mẹ, trẻ em, gia đình được Nhà nước bảo hộ.
2. Quan tâm và giáo dục trẻ em là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ.
3. Con cái có năng lực hành vi đủ 18 tuổi phải chăm sóc bố mẹ không đủ năng lực hành vi.

Điều 39

1. Mỗi người đều được đảm bảo an sinh xã hội khi về già, trong trường hợp đau ốm, thương tật, mất người nuôi dưỡng, để nuôi con và những trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Lương hưu và phúc lợi xã hội được pháp luật xác lập.
3. Khuyến khích bảo hiểm xã hội tự nguyện, thiết lập các hình thức an sinh xã hội khác và hoạt động từ thiện.

Điều 40

1. Mỗi người đều có quyền về nhà ở. Không một ai bị tước đoạt nhà ở.
2. Các cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan tự quản địa phương khuyến khích xây dựng nhà ở, tạo điều kiện thực thi quyền về nhà ở.
3. Người nghèo, những công dân khác cần nhà ở đã được quy định trong luật được cấp nhà không mất tiền hoặc với sự trợ giúp từ các quỹ nhà nước, chính quyền địa phương hoặc các quỹ nhà khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41

1. Mỗi người đều có quyền bảo vệ sức khoẻ và chăm sóc y tế. Tại các cơ sở y tế của nhà nước và chính quyền địa phương, công dân được hưởng chăm sóc y tế không mất tiền nhờ nguồn tiền ngân sách, tiền đóng bảo hiểm và những nguồn khác.

2. Ở Liên bang Nga các chương trình bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người dân được đầu tư các khoản tài chính, thực hiện các biện pháp phát triển hệ thống y tế nhà nước, địa phương, tư nhân; khuyến khích các hoạt động có thể nâng cao sức khoẻ con người, phát triển thể dục, thể thao, giữ gìn một môi trường trong lành.

3. Việc che giấu các sự việc và hoàn cảnh đe dọa đến cuộc sống và sức khoẻ con người phải bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật liên bang.

Điều 42

Mỗi người đều có quyền về một môi trường trong lành, thông tin xác đáng về tình trạng môi trường, và quyền được bồi thường đối với thiệt hại về sức khoẻ và tài sản do việc vi phạm môi trường gây ra.

Điều 43

1. Mỗi người đều có quyền được học hành.

2. Đảm bảo việc tiếp cận đại chúng và không mất tiền đối với giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, dạy nghề chuyên nghiệp trung học trong các cơ sở giáo dục nhà nước hoặc địa phương và trong các xí nghiệp.

3. Mỗi người đều có quyền qua thi cử được nhận giáo dục đại học trong cơ sở giáo dục nhà nước hoặc địa phương.

4. Giáo dục phổ thông cơ sở là bắt buộc. Cha mẹ hoặc người thay thế họ bảo đảm cho con cái được học phổ thông.

5. Liên bang Nga thiết lập các tiêu chuẩn giáo dục nhà nước liên bang, hỗ trợ các hình thức giáo dục và tự giáo dục khác nhau.

Điều 44

1. Mỗi người được đảm bảo quyền tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và những hình thức sáng tạo khác. Sở hữu trí tuệ được pháp luật bảo hộ.

2. Mỗi người đều có quyền tham gia vào đời sống văn hoá, sử dụng các cơ sở văn hoá, tiếp cận các giá trị văn hoá.

3. Mỗi người có nghĩa vụ quan tâm bảo vệ di sản văn hoá và lịch sử, gìn giữ các di tích lịch sử và văn hoá.

Điều 45

1. Ở Liên bang Nga, nhà nước đảm bảo sự bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân.

2. Mỗi người đều có quyền bảo vệ các quyền và tự do của mình bằng mọi phương thức mà pháp luật không cấm.

Điều 46

1. Mỗi người đều được bảo vệ các quyền và tự do của mình tại toà án.

2. Các quyết định, hành động hoặc không hành động của các cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan tự quản địa phương, các tổ chức xã hội, các nhà chức trách có thể bị kiện ra toà.

3. Căn cứ vào các điều ước quốc tế của Liên bang Nga, mỗi người đều có quyền viện đến các thiết chế quốc tế về bảo vệ quyền và tự do con người, nếu đã sử dụng hết các phương thức pháp lý sẵn có trong nước.

Điều 47

1. Không ai bị tước quyền được xét xử tại toà án và bởi các thẩm phán mà pháp luật quy định có thẩm quyền xét xử vụ việc đó.

2. Người bị buộc tội có quyền được xét xử bởi bồi thẩm đoàn trong những trường hợp do pháp luật liên bang quy định.

Điều 48

1. Mỗi người đều có quyền được trợ giúp pháp lý. Trong những trường hợp được pháp luật liên bang quy định, sự trợ giúp pháp lý không mất tiền.

2. Mỗi người bị bắt, tạm giam, tạm giữ, người bị kết tội đều có quyền sử dụng trợ giúp pháp lý của luật sư từ thời điểm bị bắt, tạm giam, tạm giữ, bị buộc tội.

Điều 49

1. Người bị buộc tội vẫn được coi là vô tội cho đến lúc tội được chứng minh theo một trình tự do pháp luật liên bang quy định và được tuyên bởi một bản án có hiệu lực pháp lý.

2. Người bị buộc tội không có nghĩa vụ phải chứng minh tội của mình.

3. Các tình tiết gây nghi ngờ được giải thích có lợi cho người bị buộc tội.

Điều 50

1. Không ai bị kết án hai lần vì một tội.

2. Khi thực hiện xét xử, không cho phép sử dụng các chứng cứ thu thập được do vi phạm pháp luật liên bang.

3. Người bị kết án có quyền được xem xét lại bản án bởi toà án cấp cao hơn theo trình tự do pháp luật liên bang quy định, cũng như quyền đề nghị ân xá hoặc giảm mức hình phạt.

Điều 51

1. Không một ai có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ chống lại chính mình, vợ hoặc chồng mình, những người thân của mình do pháp luật liên bang xác định.

2. Pháp luật có thể quy định những trường hợp khác khi không phải cung cấp chứng cứ.

Điều 52

Pháp luật bảo hộ quyền của người bị tội phạm xâm hại hoặc bị xâm hại do việc lạm dụng quyền lực. Nhà nước bảo đảm cho người bị hại được tiếp cận công lý và được bồi thường thiệt hại.

Điều 53

Mỗi người đều có quyền được nhà nước bồi thường thiệt hại do những hành động hoặc không hành động trái pháp luật của các cơ quan nhà nước hoặc các nhà chức trách gây ra.

Điều 54

1. Một đạo luật thiết lập trách nhiệm mới hoặc tăng nặng trách nhiệm thì không có hiệu lực hồi tố.

2. Không một ai chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi mà tại thời điểm tiến hành nó không bị coi là phạm tội. Nếu sau khi phạm tội mà có luật mới không coi đó là tội phạm hoặc giảm nhẹ trách nhiệm, luật mới phải được áp dụng.

Điều 55

1. Việc liệt kê các quyền và tự do cơ bản trong Hiến pháp Liên bang Nga không có nghĩa là phủ nhận hoặc xem nhẹ các quyền và tự do khác của con người và công dân đã được thừa nhận rộng rãi.

2. Ở Liên bang Nga không được ban hành những đạo luật tước bỏ hoặc xem nhẹ các quyền và tự do của con người và công dân.

3. Các quyền và tự do của con người và công dân có thể bị giới hạn bởi pháp luật liên bang chỉ trong mức độ cần thiết đủ để bảo vệ nền tảng chế độ hiến pháp, đạo đức, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

Điều 56

1. Trong điều kiện tình trạng khẩn cấp, để bảo đảm an toàn cho công dân và bảo vệ chế độ hiến pháp, theo một đạo luật hiến pháp liên bang, có thể thiết lập những giới hạn nhất định đối với các quyền và tự do với điều kiện phải chỉ rõ phạm vi và thời hạn của những giới hạn đó.

2. Tình trạng khẩn cấp có thể được ban bố trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang Nga hoặc một phần lãnh thổ nhất định khi xuất hiện bối cảnh và theo trình tự được quy định trong đạo luật hiến pháp liên bang.

3. Không được hạn chế các quyền và tự do được quy định tại các điều 20, 21, 23 (khoản 1), 24, 28, 34 (khoản 1), 46 – 54 của Hiến pháp Liên bang Nga.

Điều 57

Mỗi người có nghĩa vụ nộp các loại thuế và phí đã được pháp luật quy định. Các đạo luật quy định các loại thuế mới hoặc làm xấu đi tình trạng của người nộp thuế thì không có hiệu lực hồi tố.

Điều 58

Mỗi người có nghĩa vụ bảo vệ thiên nhiên và môi trường xung quanh, gìn giữ các tài nguyên thiên nhiên.

Điều 59

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ và bổn phận của công dân Liên bang Nga.

2. Công dân Liên bang Nga thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật liên bang.

3. Công dân Liên bang Nga có quyền thay thế nghĩa vụ quân sự bằng hình thức phục vụ dân sự thay thế trong trường hợp nếu việc thực hiện nghĩa vụ quân sự trái với tôn giáo, tín ngưỡng mà người đó theo, cũng như trong các trường hợp khác do pháp luật liên bang quy định.

Điều 60

Công dân Liên bang Nga có thể tự mình thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình từ 18 tuổi trở lên.

Điều 61

1. Công dân Liên bang Nga không thể bị trục xuất khỏi lãnh thổ Liên bang Nga hoặc bị giao nộp cho nhà nước khác.

2. Liên bang Nga đảm bảo sự bảo vệ và bảo trợ cho công dân của mình ở ngoài lãnh thổ của Liên bang Nga.

Điều 62

1. Công dân Liên bang Nga có thể có quốc tịch của nước khác (quốc tịch kép) theo luật liên bang hoặc điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

2. Việc công dân Nga có quốc tịch của nước khác không làm suy giảm các quyền và tự do và không giải thoát công dân khỏi các nghĩa vụ xuất phát từ quốc tịch Nga, nếu không có quy định khác của luật liên bang hoặc điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

3. Công dân nước ngoài và những người không quốc tịch

ở Liên bang Nga được hưởng các quyền và chịu các nghĩa vụ một cách bình đẳng với công dân Liên bang Nga, ngoài các trường hợp có quy định khác của luật liên bang hoặc điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

Điều 63

1. Liên bang Nga tiếp nhận công dân nước ngoài và người không quốc tịch làm tị nạn chính trị theo các quy phạm đã được thừa nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế.

2. Ở Liên bang Nga không cho phép việc giao nộp cho quốc gia khác những người bị truy đuổi vì niềm tin chính trị, cũng như vì những hành động (hoặc không hành động) không bị coi là phạm pháp ở Liên bang Nga. Việc giao nộp những người bị buộc tội, hoặc những người đã bị kết án để thụ án ở nước khác được thực hiện theo luật liên bang hoặc điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

Điều 64

Các quy định tại Chương này tạo nên nền tảng cho địa vị pháp lý của cá nhân ở Liên bang Nga và chỉ được sửa đổi theo trình tự do Hiến pháp này quy định.

CHƯƠNG 3 CHẾ ĐỘ LIÊN BANG

Điều 65

1. Thành phần Liên bang Nga bao gồm các chủ thể sau³⁹:

Cộng hoà Ađugaia (Ađugaia), Cộng hoà An –tai, Cộng hoà Bashkorstan, Cộng hoà Buratia, Cộng hoà Đaghestan,

³⁹. Theo bản Hiến pháp được thông qua vào năm 1993, tổng số các chủ thể liên bang là 89. Sau đó, một số chủ thể liên bang đã được hợp nhất và hiện tại còn lại 83. Điều khoản được liên kê ở đây bao gồm đầy đủ 89 chủ thể liên bang theo bản Hiến pháp năm 1993.

Cộng hoà Inghushestia, Cộng hoà Kabardino- Balkarskaia, Cộng hoà Kalmukia, Cộng hoà Karachaievo-Cherkeskaia, Cộng hoà Karelia, Cộng hoà Komy, Cộng hoà Mari El, Cộng hoà Mordovia, Cộng hoà Sakha (Yakutia), Cộng hoà Bắc Osetia-Alania, Cộng hoà Tartastan (Tartastan), Cộng hoà Tuva, Cộng hoà Udmursk, Cộng hoà Khakasia, Cộng hoà Chechen, Cộng hoà Chuvash;

Khu Altai, Khu Krasnodarsk, Khu Krasnoiask, Khu Primorsk, Khu Stavropol, Khu Khabarovsk;

Tỉnh Amursk, tỉnh Arkhanghelsk, tỉnh Astrakhan, tỉnh Belgorod, tỉnh Briansk, tỉnh Vladimir, tỉnh Volgograd, tỉnh Vologodsk, tỉnh Voronhejh, tỉnh Ivanovsk, tỉnh Irkusk, tỉnh Kaliningrad, tỉnh Kalujsk, tỉnh Kamchatsk, tỉnh Kemerovsk, tỉnh Kirov, tỉnh Kostroma, tỉnh Kurgan, tỉnh Kursk, tỉnh Leningrad, tỉnh Lipetsk, tỉnh Magadan, tỉnh Moskva, tỉnh Murmansk, tỉnh Nihijegorod, tỉnh Novgorod, tỉnh Novosibirsk, tỉnh Omsk, tỉnh Orenburg, tỉnh Orlov, tỉnh Penzen, tỉnh Perm, tỉnh Peskov, tỉnh Rostov, tỉnh Riazan, tỉnh Camar, tỉnh Saratov, tỉnh Sakhalinsk, Tỉnh Sverlovsk, tỉnh Smolensk, tỉnh Tambov, tỉnh Tver, tỉnh Tomsk, tỉnh Tula, tỉnh Tumen, tỉnh Ulianovsk, tỉnh Cheliabinsk, tỉnh Chitin, tỉnh Iaroslav;

Moskva, Saint-Petersburg là các thành phố cấp liên bang;

Tỉnh tự trị Do Thái;

Vùng tự trị Agnhisk-Buriat, vùng tự trị Komi-Pemiask, vùng tự trị Koriak, vùng tự trị Nhenhesk, vùng tự trị Taimur, vùng tự trị Ust-Ordun-Buriat, vùng tự trị Khantur-Mans, vùng tự trị Chukotsk, vùng tự trị Evenki, vùng tự trị Iamalo-Nhenhetsk.

2. Việc tiếp nhận hoặc thành lập chủ thể mới trong thành phần Liên bang Nga được tiến hành theo trình tự do đạo luật hiến pháp liên bang quy định.

Điều 66

1. Địa vị pháp lý của nước cộng hoà do Hiến pháp Liên bang Nga và hiến pháp nước cộng hoà đó quy định.

2. Địa vị pháp lý của khu, tỉnh, thành phố cấp liên bang, tỉnh tự trị, vùng tự trị được quy định trong Hiến pháp Liên bang Nga và trong hiến chương của khu, tỉnh, thành phố cấp liên bang, tỉnh tự trị, vùng tự trị do cơ quan lập pháp của các chủ thể đó thông qua.

3. Theo đề nghị của cơ quan lập pháp và hành pháp của tỉnh tự trị và vùng tự trị, một đạo luật liên bang về tỉnh tự trị, vùng tự trị đó có thể được thông qua.

4. Mọi quan hệ giữa các vùng tự trị thuộc thành phần của khu hoặc tỉnh có thể được quy định bởi một đạo luật liên bang và thỏa ước giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của vùng tự trị đó với các cơ quan quyền lực nhà nước của khu hoặc tỉnh đó.

5. Địa vị pháp lý của một chủ thể Liên bang Nga có thể thay đổi theo thỏa thuận hai chiều giữa Liên bang Nga và chủ thể Liên bang Nga dựa trên đạo luật hiến pháp liên bang.

Điều 67

1. Lãnh thổ Liên bang Nga bao gồm lãnh thổ của các chủ thể Liên bang Nga, vùng hải nội và lãnh hải và không phận phía trên các phần lãnh thổ đó.

2. Liên bang Nga nắm giữ chủ quyền và thực hiện thẩm quyền trên thềm lục địa và đặc khu kinh tế của Liên bang Nga theo trình tự do đạo luật liên bang quy định hoặc theo các quy phạm của pháp luật quốc tế.

3. Biên giới giữa các chủ thể của Liên bang Nga có thể thay đổi theo thỏa thuận giữa các chủ thể đó với nhau.

Điều 68

1. Tiếng Nga là ngôn ngữ nhà nước của Liên bang Nga trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang Nga.

2. Các nước cộng hoà có thể quy định ngôn ngữ nhà nước của mình. Các ngôn ngữ đó có thể sử dụng một cách bình đẳng với tiếng Nga trong các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan tự quản địa phương, các công sở ở các nước cộng hoà.

3. Liên bang Nga bảo đảm quyền gìn giữ tiếng mẹ đẻ của các dân tộc, tạo điều kiện nghiên cứu và phát triển các thứ tiếng đó.

Điều 69

Liên bang Nga bảo đảm các quyền của các dân tộc ít người bản địa theo các nguyên tắc và quy phạm đã được thừa nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

Điều 70

1. Quốc kỳ, quốc huy, quốc ca của Liên bang Nga, ý nghĩa và trình tự sử dụng quốc kỳ, quốc huy, quốc ca được quy định bởi một đạo luật hiến pháp liên bang.

2. Moskva là thủ đô của Liên bang Nga. Địa vị pháp lý của thủ đô do đạo luật liên bang quy định.

Điều 71

1. Thẩm quyền của chính quyền Liên bang Nga bao gồm:

a) Thông qua và sửa đổi Hiến pháp Liên bang Nga, các đạo luật liên bang và giám sát việc thực thi pháp luật;

b) Chế độ liên bang và lãnh thổ Liên bang Nga;

c) Quy định và bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân; quốc tịch ở Liên bang Nga; quy định và bảo vệ quyền các dân tộc ít người;

d) Thành lập các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp liên bang, tổ chức và hoạt động của các cơ quan đó; thành lập các cơ quan quyền lực nhà nước cấp liên bang;

e) Sở hữu nhà nước liên bang và việc quản lý sở hữu nhà nước;

f) Hoạch định các chính sách, chương trình về phát triển nhà nước, kinh tế, môi trường, xã hội, văn hoá và dân tộc của Liên bang Nga;

g) Thiết lập cơ sở pháp lý cho một không gian kinh tế thống nhất; điều tiết về tài chính, tiền tệ, tín dụng, hải quan, giá cả; các tổ chức kinh tế, trong đó có các ngân hàng liên bang;

h) Ngân sách liên bang; các loại thuế và phí liên bang; các quỹ liên bang về phát triển vùng;

i) Các hệ thống năng lượng liên bang; năng lượng nguyên tử; các chất phân rã; giao thông liên bang; thông tin, truyền thông, liên lạc; hoạt động trên vũ trụ;

k) Điều phối các quan hệ quốc tế và kinh tế đối ngoại của các chủ thể Liên bang Nga, thực thi các điều ước quốc tế của Liên bang Nga;

l) Chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Liên bang Nga; điều ước quốc tế của Liên bang Nga; vấn đề chiến tranh và hoà bình;

m) Quan hệ kinh tế quốc tế của Liên bang Nga;

n) Quốc phòng và an ninh; công nghiệp quốc phòng; xác định trình tự mua bán vũ khí, quân trang, quân dụng, kỹ thuật quốc phòng và tài sản quân sự khác; sản xuất các loại chất độc, chất ma túy và việc sử dụng chúng;

o) Xác định và bảo vệ biên giới quốc gia, hải lãnh, không phận, các đặc khu kinh tế và thềm lục địa của Liên bang Nga;

p) Hệ thống toà án; viện kiểm sát; luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật thi hành án hình sự; ân xá, đặc xá; luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật tố tụng trọng tài; luật sở hữu trí tuệ;

q) Luật xung đột pháp luật liên bang;

r) Cơ quan dự báo thời tiết, tiêu chuẩn, hệ đo đạc và tính thời gian; địa chất, bản đồ; đặt tên cho các địa danh; thống kê, kế toán chính thức;

s) Khen thưởng nhà nước, danh hiệu của Liên bang Nga;

t) Nền công vụ liên bang.

Điều 72

1. Những vấn đề sau đây thuộc thẩm quyền giải quyết chung của chính quyền Liên bang Nga và các chủ thể của Liên bang Nga:

a) Bảo đảm đề hiến pháp, các đạo luật của các nước cộng hoà, hiến chương, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác của các khu, tỉnh, thành phố cấp liên bang, tỉnh tự trị, các vùng tự trị phải phù hợp với Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang;

b) Bảo vệ quyền và tự do của con người và công dân; quyền của các dân tộc ít người; bảo đảm tính pháp chế, trật tự pháp lý, an toàn xã hội; chế độ các vùng giáp biên;

c) Các vấn đề chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đất đai, lòng đất, tài nguyên nước và các tài nguyên thiên nhiên khác;

d) Ranh giới sở hữu nhà nước;

e) Sử dụng và bảo vệ thiên nhiên, bảo đảm an ninh môi trường; các lãnh thổ thiên nhiên đặc biệt; bảo vệ các di tích lịch sử và văn hoá;

f) Các vấn đề chung về giáo dục, khoa học, văn hoá, thể

dục, thể thao;

g) Điều phối các vấn đề y tế; bảo vệ gia đình, quyền làm mẹ, làm cha, trẻ em; bảo trợ xã hội, trong đó có bảo đảm xã hội;

h) Phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khắc phục hậu quả của chúng;

i) Thiết lập các nguyên tắc chung về thuế và phí ở Liên bang Nga;

k) Luật hành chính, tổ tụng hành chính, lao động, gia đình, nhà ở, đất đai, nước, rừng, lòng đất, bảo vệ môi trường;

l) Nhân lực cho toà án, các cơ quan bảo vệ pháp luật, luật sư, công chứng;

m) Bảo vệ môi trường sống và lối sống truyền thống của các cộng đồng thiểu số ít người;

n) Thiết lập các nguyên tắc chung của tổ chức hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước và tự quản địa phương;

o) Điều phối quan hệ quốc tế và kinh tế đối ngoại của các chủ thể liên bang Nga, thực thi các điều ước quốc tế của Liên bang Nga.

2. Quy định của Điều này có hiệu lực như nhau đối với tất cả các chủ thể của Liên bang Nga.

Điều 73

Ngoài phạm vi thẩm quyền của chính quyền Liên bang Nga và quyền hạn của chính quyền liên bang đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền chung, các chủ thể của Liên bang Nga nắm toàn bộ quyền lực nhà nước.

Điều 74

1. Trên lãnh thổ Liên bang Nga không cho phép thiết lập

biên giới hải quan, các loại thuế quan, lệ phí hoặc bất kỳ rào cản nào cản trở sự lưu thông tự do của hàng hoá, dịch vụ, nguồn tài chính.

2. Việc giới hạn sự lưu thông của hàng hoá và dịch vụ có thể được áp dụng theo luật liên bang, nếu điều đó cần thiết để đảm bảo an toàn, bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ con người, bảo vệ thiên nhiên và các giá trị văn hoá.

Điều 75

1. Đồng rúp là đơn vị tiền tệ của Liên bang Nga. Việc phát hành tiền chỉ do Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga tiến hành. Không cho phép phát hành các loại tiền khác ở Liên bang Nga.

2. Bảo vệ và duy trì sự ổn định của đồng rúp là chức năng chính của Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga và được thực hiện một cách độc lập với các cơ quan quyền lực nhà nước khác.

3. Hệ thống các loại thuế nộp vào ngân sách liên bang, các nguyên tắc chung trong việc thu thuế và phí ở Liên bang Nga do đạo luật liên bang quy định.

4. Các loại công trái chính phủ được phát hành theo trình tự do luật liên bang quy định và trên cơ sở tự nguyện.

Điều 76

1. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của chính quyền Liên bang Nga, sẽ ban hành các đạo luật hiến pháp liên bang và các đạo luật liên bang có hiệu lực trực tiếp trên lãnh thổ Liên bang Nga.

2. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền chung giữa Liên bang Nga và các chủ thể của Liên bang Nga, sẽ ban hành các đạo luật liên bang và các đạo luật và văn bản quy phạm pháp

luật tương ứng của các chủ thể Liên bang Nga.

3. Các đạo luật liên bang không được trái với các đạo luật hiến pháp liên bang.

4. Ngoài phạm vi thẩm quyền của chính quyền Liên bang Nga và quyền hạn của chính quyền liên bang đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền chung, các chủ thể của Liên bang Nga có toàn quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Các đạo luật và những văn bản quy phạm pháp luật khác của các chủ thể Liên bang Nga không được trái với các đạo luật liên bang được thông qua theo quy định của khoản 1 và 2 của Điều này. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa các đạo luật liên bang và các văn bản khác được ban hành ở Liên bang Nga, đạo luật liên bang sẽ có hiệu lực.

6. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa đạo luật liên bang và văn bản quy phạm pháp luật của chủ thể Liên bang Nga được ban hành theo quy định của khoản 4 của Điều này, văn bản quy phạm pháp luật của chủ thể Liên bang Nga sẽ có hiệu lực.

Điều 77

1. Hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga do tự các chủ thể đó thành lập dựa trên nền tảng chế độ hiến pháp của Liên bang Nga và các nguyên tắc chung đã được quy định trong đạo luật liên bang về tổ chức các cơ quan đại diện và hành pháp của quyền lực nhà nước.

2. Trong khuôn khổ thẩm quyền của Liên bang Nga và quyền hạn của Liên bang Nga đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền chung với các chủ thể của Liên bang Nga, các cơ quan hành pháp liên bang và các cơ quan hành pháp của các chủ thể Liên bang Nga tạo thành một hệ thống thống nhất các cơ quan hành pháp của Liên bang Nga.

Điều 78

1. Các cơ quan hành pháp liên bang có thể thành lập các cơ quan của mình theo lãnh thổ và bổ nhiệm các chức danh tương ứng để thực hiện các quyền hạn của mình.

2. Các cơ quan hành pháp liên bang có thể thoả thuận chuyển giao một phần thẩm quyền của mình cho các cơ quan hành pháp của các chủ thể Liên bang Nga, nếu điều đó không mâu thuẫn với Hiến pháp Liên bang Nga và pháp luật liên bang.

3. Các cơ quan hành pháp của các chủ thể Liên bang Nga có thể thoả thuận chuyển giao một phần thẩm quyền của mình cho các cơ quan hành pháp liên bang.

4. Tổng thống Liên bang Nga và Chính phủ Liên bang Nga, theo Hiến pháp Liên bang Nga, đảm bảo việc thực hiện các thẩm quyền quyền lực nhà nước liên bang trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang Nga.

Điều 79

Liên bang Nga có thể tham gia các tổ chức liên chính phủ và chuyển giao một phần thẩm quyền của mình theo các điều ước quốc tế, nếu điều đó không hạn chế các quyền và tự do của con người và công dân và không mâu thuẫn với nền tảng chế độ hiến pháp của Liên bang Nga.

CHƯƠNG 4 TỔNG THỐNG LIÊN BANG NGA

Điều 80

1. Tổng thống Liên bang Nga là nguyên thủ quốc gia.

2. Tổng thống Liên bang Nga là người bảo đảm thực hiện Hiến pháp Liên bang Nga, cho các quyền và tự do của con người và công dân. Theo quy định của Hiến pháp Liên bang Nga, Tổng thống thực thi các biện pháp bảo vệ chủ quyền, sự

độc lập và toàn vẹn của Liên bang Nga, bảo đảm sự hoạt động hài hòa và mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước.

3. Theo quy định của Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang, Tổng thống Liên bang Nga xác định những phương hướng chính trong chính sách đối nội và đối ngoại của Liên bang Nga.

4. Với tư cách nguyên thủ quốc gia, Tổng thống Liên bang Nga đại diện cho Liên bang Nga ở trong nước và trong quan hệ quốc tế.

Điều 81

1. Tổng thống Liên bang Nga do công dân Nga bầu bốn năm một lần⁴⁰ theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Để được bầu làm Tổng thống Liên bang Nga, công dân Nga phải đạt độ tuổi từ 35 trở lên và phải sống thường xuyên ở Liên bang Nga không dưới 10 năm.

3. Một người không được làm Tổng thống Liên bang Nga quá hai nhiệm kỳ liên tục.

4. Trình tự bầu Tổng thống Liên bang Nga do đạo luật liên bang quy định.

Điều 82

1. Khi nhậm chức, Tổng thống Liên bang Nga tuyên thệ như sau: “Tôi xin thề khi thực thi quyền hạn của Tổng thống Liên bang Nga sẽ tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân, tuân thủ và bảo vệ Hiến pháp Liên bang Nga, bảo vệ chủ quyền, độc lập, an ninh và toàn vẹn của quốc gia, trung thành phục vụ nhân dân”.

2. Lễ tuyên thệ phải được tiến hành trọng thể với sự có mặt của các thành viên Hội đồng Liên bang, đại biểu Duma Quốc gia, các thẩm phán Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga.

⁴⁰ . Xem chú thích số 38.

Điều 83

Tổng thống Liên bang Nga có quyền:

a) Với sự đồng ý của Đuma Quốc gia, bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga;

b) Chủ trì các phiên họp của Chính phủ Liên bang Nga;

c) Quyết định về việc từ chức của Chính phủ Liên bang Nga;

d) Giới thiệu trước Đuma Quốc gia ứng cử viên để bổ nhiệm Thống đốc Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga; đặt vấn đề trước Đuma Quốc gia về việc cho thôi làm Thống đốc Ngân hàng Trung ương;

e) Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga, bổ nhiệm và cho thôi làm Phó Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga và các bộ trưởng liên bang;

f) Giới thiệu trước Hội đồng Liên bang các ứng cử viên để bổ nhiệm các thẩm phán của Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga, Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga; đặt vấn đề trước Hội đồng Liên bang về việc cho thôi làm Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga; bổ nhiệm các thẩm phán của các toà án cấp liên bang khác;

g) Thành lập và đứng đầu Hội đồng An ninh Liên bang Nga với địa vị pháp lý do đạo luật liên bang quy định;

h) Phê chuẩn chủ thuyết quân sự của Liên bang Nga;

i) Thành lập Văn phòng Tổng thống Liên bang Nga;

k) Bổ nhiệm và cho thôi làm đại diện toàn quyền của Tổng thống Liên bang Nga;

l) Bổ nhiệm và cho thôi làm Bộ Tổng tư lệnh Các lực lượng vũ trang Liên bang Nga;

m) Sau khi tham vấn các uỷ ban hoặc tiểu uỷ ban thích hợp của hai viện Quốc hội Liên bang, bổ nhiệm và triệu hồi đại diện ngoại giao của Liên bang Nga ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

Điều 84

Tổng thống Liên bang Nga:

a) Ấn định bầu cử Duma Quốc gia theo quy định của Hiến pháp Liên bang Nga và đạo luật liên bang;

b) Giải tán Duma Quốc gia trong những trường hợp và theo trình tự do Hiến pháp Liên bang Nga quy định;

c) Ấn định trưng cầu ý dân theo trình tự do đạo luật hiến pháp liên bang quy định;

d) Trình dự án luật cho Duma Quốc gia;

e) Ký và công bố các đạo luật liên bang;

f) Đọc thông điệp hàng năm trước Quốc hội Liên bang về tình hình đất nước, các phương hướng chính trong chính sách đối nội, đối ngoại của quốc gia.

Điều 85

1. Tổng thống Liên bang Nga có thể sử dụng các quy trình thương lượng để hoà giải những khác biệt giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga, cũng như giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga với nhau. Trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận, Tổng thống có thể chuyển việc giải quyết tranh chấp cho toà án tương ứng.

2. Trước khi được xem xét bởi toà án, Tổng thống Liên bang Nga có quyền đình chỉ hiệu lực của các văn bản do các cơ

quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga ban hành, nếu các văn bản đó mâu thuẫn với Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang, với các nghĩa vụ quốc tế của Liên bang Nga, hoặc xâm phạm quyền và tự do của con người và công dân.

Điều 86

Tổng thống Liên bang Nga:

- a) Lãnh đạo chính sách đối ngoại của Liên bang Nga;
- b) Điều đình và ký kết các điều ước quốc tế của Liên bang Nga;
- c) Ký các chứng thư phê chuẩn;
- d) Tiếp nhận quốc thư và thư triệu hồi của các đại diện ngoại giao đã được uỷ nhiệm.

Điều 87

1. Tổng thống Liên bang Nga là Tổng Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên bang Nga.

2. Trong trường hợp có hành động xâm lược hoặc nguy cơ xâm lược trực tiếp, Tổng thống Liên bang Nga ban bố tình trạng có chiến tranh trên lãnh thổ Liên bang Nga hoặc trên một phần lãnh thổ và thông báo ngay cho Hội đồng Liên bang và Duma Quốc gia.

3. Tình trạng có chiến tranh do đạo luật hiến pháp liên bang quy định.

Điều 88

Trong những trường hợp và theo trình tự do đạo luật hiến pháp liên bang quy định, Tổng thống Liên bang Nga ban bố tình trạng khẩn cấp trên lãnh thổ Liên bang Nga hoặc trên một

phần lãnh thổ nhất định và thông báo ngay cho Hội đồng Liên bang và Đuma Quốc gia.

Điều 89

Tổng thống Liên bang Nga:

a) Quyết định các vấn đề về quốc tịch Liên bang Nga và tị nạn chính trị;

b) Trao tặng thưởng quốc gia của Liên bang Nga, các danh hiệu cao quý của Liên bang Nga, quân hàm cấp cao và các chức danh cấp cao khác;

c) Thực hiện ân xá;

Điều 90

1. Tổng thống Liên bang Nga ban hành sắc lệnh và chỉ thị.

2. Sắc lệnh và chỉ thị của Tổng thống Liên bang Nga có hiệu lực bắt buộc trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang Nga.

3. Sắc lệnh và chỉ thị của Tổng thống Liên bang Nga không được trái với Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang.

Điều 91

Tổng thống Liên bang Nga được hưởng quyền bất khả xâm phạm.

Điều 92

1. Tổng thống Liên bang Nga bắt đầu thực thi quyền hạn của mình từ thời điểm tuyên thệ và kết thúc nhiệm kỳ vào thời điểm Tổng thống mới được bầu làm lễ tuyên thệ.

2. Tổng thống Liên bang Nga rời nhiệm sở trước thời hạn

trong trường hợp tự từ chức, khi không có khả năng thực thi quyền hạn trong một thời gian dài vì sức khoẻ yếu, hoặc khi bị buộc từ chức. Trong các trường hợp đó, cuộc bầu cử Tổng thống Liên bang Nga phải tiến hành không muộn hơn ba tháng kể từ khi rời nhiệm sở trước thời hạn.

3. Trong các trường hợp Tổng thống không thể thực thi quyền hạn của mình, Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga sẽ tạm thời thay thế. Người tạm quyền Tổng thống không có quyền giải tán Duma Quốc gia, ấn định trưng cầu ý dân, cũng như không được kiến nghị sửa đổi Hiến pháp Liên bang Nga.

Điều 93

1. Tổng thống Liên bang Nga có thể bị Hội đồng Liên bang buộc từ chức chỉ khi có cáo buộc của Duma Quốc gia về phản bội Tổ quốc hoặc phạm trọng tội khác; cáo buộc này phải được Toà án Tối cao Liên bang Nga xác nhận có các dấu hiệu phạm tội trong hành vi của Tổng thống Liên bang Nga và phải được Toà án Hiến pháp Liên bang Nga kết luận đã tuân thủ thủ tục đàn hạch.

2. Quyết định của Duma Quốc gia về việc buộc tội Tổng thống và quyết định của Hội đồng Liên bang về việc buộc thôi làm Tổng thống phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu mỗi viện tán thành theo đề nghị của ít nhất là một phần ba tổng số đại biểu Duma Quốc gia, và phải có kết luận của một uỷ ban đặc biệt do Duma Quốc gia thành lập.

3. Quyết định của Hội đồng Liên bang về việc buộc Tổng thống từ chức phải được thông qua không muộn hơn ba tháng kể từ khi Duma Quốc gia buộc tội Tổng thống. Nếu trong thời hạn đó Hội đồng Liên bang không thông qua quyết định, lời buộc tội coi như bị bãi bỏ.

CHƯƠNG 5

QUỐC HỘI LIÊN BANG

Điều 94

Quốc hội Liên bang - nghị viện của Liên bang Nga - là cơ quan đại diện và lập pháp của Liên bang Nga.

Điều 95

1. Quốc hội Liên bang gồm hai viện - Hội đồng Liên bang và Duma Quốc gia.

2. Mỗi chủ thể Liên bang Nga có hai đại biểu trong Hội đồng Liên bang: một người của quyền lập pháp và một người của quyền hành pháp.

3. Duma Quốc gia có 450 đại biểu.

Điều 96

1. Duma Quốc gia có nhiệm kỳ bốn năm⁴¹.

2. Trình tự thành lập Hội đồng Liên bang và bầu cử đại biểu Đu ma Quốc gia do đạo luật liên bang quy định.

Điều 97

1. Công dân Nga từ 21 tuổi trở lên và đủ điều kiện tham gia bầu cử thì có thể được bầu làm đại biểu Duma Quốc gia.

2. Một người không được đồng thời là thành viên Hội đồng Liên bang và Duma Quốc gia. Đại biểu Duma Quốc gia không được kiêm nhiệm làm đại biểu các cơ quan đại diện của quyền lực nhà nước và các cơ quan tự quản địa phương.

3. Đại biểu Duma Quốc gia hoạt động thường xuyên và chuyên nghiệp. Đại biểu Duma Quốc gia không được làm việc trong nền công vụ, làm các công việc được trả lương khác, trừ các hoạt động giảng dạy, khoa học hoặc hoạt động sáng tạo khác.

⁴¹. Xem chú thích số 37.

Điều 98

1. Thành viên Hội đồng Liên bang và đại biểu Đuma Quốc gia hưởng đặc quyền bất khả xâm phạm trong suốt nhiệm kỳ của mình. Họ không bị bắt và khám xét, trừ khi bị bắt quả tang phạm tội, không bị khám người, trừ những trường hợp đã được luật liên bang quy định nhằm bảo vệ an toàn cho người khác.

2. Mỗi viện quyết định về việc tước đặc quyền bất khả xâm phạm đối với thành viên của viện theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga.

Điều 99

1. Quốc hội Liên bang là cơ quan hoạt động thường xuyên.

2. Đuma Quốc gia họp phiên đầu tiên sau 30 ngày tính từ khi được bầu. Tổng thống Liên bang Nga có thể triệu tập phiên họp này của Đuma Quốc gia trước thời hạn nói trên.

3. Đại biểu cao tuổi nhất khai mạc phiên họp đầu tiên của Đuma Quốc gia.

4. Quyền hạn của Đuma Quốc gia khoá trước chấm dứt từ thời điểm Đuma Quốc gia khoá mới bắt đầu làm việc.

Điều 100

1. Hội đồng Liên bang và Đuma Quốc gia họp riêng.

2. Hội đồng Liên bang và Đuma Quốc gia họp công khai. Trong những trường hợp được quy định trong nội quy, mỗi viện có thể họp kín.

3. Hai viện có thể họp chung để nghe thông điệp hàng năm của Tổng thống Liên bang Nga, thông điệp của Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, phát biểu của lãnh đạo nước ngoài.

Điều 101

1. Hội đồng Liên bang bầu Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng Liên bang từ các thành viên của mình. Đuma Quốc gia bầu Chủ tịch và các Phó chủ tịch Đuma Quốc gia từ các thành viên của mình.

2. Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng Liên bang, Chủ tịch và các Phó chủ tịch Đuma Quốc gia chủ tọa các phiên họp và điều hành công việc nội bộ của mỗi viện.

3. Hội đồng Liên bang và Đuma Quốc gia thành lập các uỷ ban và tiểu ban, tiến hành các cuộc thảo luận về các vấn đề thuộc quyền hạn của mình.

4. Mỗi viện ban hành quy chế của mình và quyết định các vấn đề thủ tục hoạt động nội bộ.

5. Để giám sát việc thực hiện ngân sách liên bang, Hội đồng Liên bang và Đuma Quốc gia thành lập Uỷ ban Kiểm toán với thành phần và thủ tục hoạt động do đạo luật liên bang quy định.

Điều 102

1. Thẩm quyền của Hội đồng Liên bang bao gồm:

a) Phê chuẩn việc thay đổi biên giới giữa các chủ thể Liên bang Nga;

b) Phê chuẩn lệnh của Tổng thống Liên bang Nga về ban bố tình trạng có chiến tranh;

c) Phê chuẩn lệnh của Tổng thống Liên bang Nga về ban bố tình trạng khẩn cấp;

d) Quyết định về khả năng sử dụng các lực lượng vũ trang của Liên bang Nga ở nước ngoài;

e) Ấn định bầu cử Tổng thống Liên bang Nga;

f) Buộc Tổng thống Liên bang Nga từ chức;

g) Bổ nhiệm thẩm phán Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga;

h) Bổ nhiệm và cho thôi việc Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga;

i) Bổ nhiệm và cho thôi việc Phó Tổng kiểm toán và một nửa thành viên Uỷ ban Kiểm toán.

2. Hội đồng Liên bang ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được Hiến pháp Liên bang Nga quy định.

3. Nghị quyết của Hội đồng Liên bang được thông qua khi có đa số thành viên của tổng số thành viên tán thành, trừ những trường hợp Hiến pháp Liên bang Nga quy định khác.

Điều 103

1. Thẩm quyền của Duma Quốc gia bao gồm:

a) Biểu quyết về đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga;

b) Quyết định về việc tín nhiệm Chính phủ Liên bang Nga;

c) Bổ nhiệm và cho thôi việc Thống đốc Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga;

d) Bổ nhiệm và cho thôi việc Tổng kiểm toán và một nửa thành viên Uỷ ban Kiểm toán;

e) Bổ nhiệm và cho thôi việc Cao uỷ viên về quyền con người hoạt động theo quy định của đạo luật hiến pháp liên bang;

f) Tuyên bố đặc xá;

g) Đề xuất buộc tội Tổng thống Liên bang Nga để tiến hành đàn hạch.

2. Duma Quốc gia ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được Hiến pháp Liên bang Nga quy định.

3. Nghị quyết của Duma Quốc gia được thông qua khi có đa số thành viên của tổng số thành viên tán thành, trừ những trường hợp Hiến pháp Liên bang Nga quy định khác.

Điều 104

1. Quyền sáng kiến lập pháp thuộc về: Tổng thống Liên bang Nga, Hội đồng Liên bang, các thành viên Hội đồng Liên bang, đại biểu Duma Quốc gia, Chính phủ Liên bang Nga, các cơ quan lập pháp (đại diện) của các chủ thể Liên bang Nga. Quyền sáng kiến lập pháp cũng thuộc về Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các cơ quan này.

2. Các dự luật được trình ra Duma Quốc gia.

3. Các dự luật về ban hành hoặc huỷ bỏ các loại thuế, miễn thuế, phát hành công trái quốc gia, về việc thay đổi các nghĩa vụ tài chính của nhà nước, các dự luật khác quy định về các khoản chi từ ngân sách liên bang chỉ được trình khi có kết luận của Chính phủ Liên bang Nga.

Điều 105

1. Các đạo luật liên bang do Duma Quốc gia thông qua.

2. Các đạo luật liên bang được thông qua khi có đa số của tổng số đại biểu Duma Quốc gia tán thành, trừ những trường hợp Hiến pháp Liên bang Nga quy định khác.

3. Các đạo luật liên bang đã được Duma Quốc gia thông qua phải được chuyển cho Hội đồng Liên bang xem xét trong vòng năm ngày.

4. Đạo luật liên bang được Hội đồng Liên bang thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên của viện tán thành, hoặc khi đạo luật đó không được Hội đồng Liên bang xem xét trong vòng 14 ngày. Trong trường hợp Hội đồng Liên bang bác bỏ đạo luật liên bang, cả hai viện có thể thành lập uỷ ban điều đình đề dàn xếp khác biệt, sau đó Đuma Quốc gia xem xét lại đạo luật liên bang đó.

5. Trong trường hợp Đuma Quốc gia không đồng ý với quyết định của Hội đồng Liên bang, đạo luật liên bang được coi là đã thông qua khi xem xét lại có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Đuma Quốc gia biểu quyết tán thành đạo luật.

Điều 106

1. Hội đồng Liên bang bắt buộc phải xem xét các đạo luật đã được Đuma Quốc gia thông qua về các vấn đề sau:

- a) Ngân sách liên bang;
- b) Các loại thuế và phí liên bang;
- c) Quy định về tài chính, tiền tệ, tín dụng, hải quan, phát hành tiền;
- d) Phê chuẩn và huỷ bỏ điều ước quốc tế của Liên bang Nga;
- e) Địa vị pháp lý và bảo vệ biên giới quốc gia của Liên bang Nga;
- f) Chiến tranh và hoà bình.

Điều 107

1. Trong vòng năm ngày sau khi đã được thông qua, đạo luật liên bang được chuyển cho Tổng thống Liên bang Nga ký và công bố.

2. Trong vòng 14 ngày, Tổng thống Liên bang Nga ký và

công bố luật liên bang.

3. Nếu trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận mà Tổng thống Liên bang Nga bác bỏ đạo luật liên bang, Duma Quốc gia và Hội đồng Liên bang sẽ xem xét lại đạo luật đó theo trình tự do Hiến pháp Liên bang Nga quy định. Nếu sau khi xem xét lại, nếu bản cũ của đạo luật vẫn được thông qua bởi ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng Liên bang và tổng số đại biểu Duma Quốc gia, đạo luật đó phải được Tổng thống Liên bang Nga ký trong vòng 7 ngày và công bố.

Điều 108

1. Các đạo luật hiến pháp liên bang được ban hành để điều chỉnh các vấn đề do Hiến pháp Liên bang Nga quy định.

2. Đạo luật hiến pháp liên bang được thông qua bởi ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng Liên bang và ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Duma Quốc gia. Đạo luật hiến pháp liên bang đã được thông qua phải được Tổng thống Liên bang Nga ký và công bố trong vòng 14 ngày.

Điều 109

1. Duma Quốc gia có thể bị Tổng thống Liên bang Nga giải tán theo trình tự quy định tại Điều 111 và 117 của Hiến pháp Liên bang Nga.

2. Trong trường hợp giải tán Duma Quốc gia, Tổng thống Liên bang Nga ấn định ngày bầu cử để Duma Quốc gia mới có thể nhóm họp không muộn hơn 4 tháng kể từ khi giải tán.

3. Trong vòng một năm kể từ khi được bầu, không được giải tán Duma Quốc gia theo quy định của Điều 117 Hiến pháp Liên bang Nga.

4. Duma Quốc gia không bị giải tán từ thời điểm viện này đưa ra lời buộc tội Tổng thống Liên bang cho đến khi có quyết định của Hội đồng Liên bang.

5. Không được giải tán Đuma Quốc gia trong thời gian ban bố tình trạng có chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp trên toàn bộ lãnh thổ Liên bang Nga, cũng như trong vòng sáu tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ Tổng thống Liên bang Nga.

CHƯƠNG 6

CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA

Điều 110

1. Chính phủ Liên bang Nga thực thi quyền lực hành pháp ở Liên bang Nga.

2. Chính phủ Liên bang Nga gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng và các bộ trưởng liên bang.

Điều 111

1. Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga do Tổng thống Liên bang Nga bổ nhiệm sau khi có sự đồng ý của Đuma Quốc gia.

2. Đề nghị về ứng viên Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga được trình không muộn hơn hai tuần sau khi Tổng thống Liên bang Nga nhậm chức hoặc sau khi Chính phủ Liên bang Nga từ chức; hoặc trong vòng một tuần sau khi Đuma Quốc gia bác bỏ ứng viên.

3. Đuma Quốc gia xem xét ứng viên Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga do Tổng thống Liên bang Nga đề nghị trong vòng một tuần kể từ khi đề nghị được trình.

4. Sau ba lần Đuma Quốc gia bác bỏ đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga về ứng viên Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga, Tổng thống Liên bang Nga bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ Liên bang, giải tán Đuma Quốc gia và ấn định cuộc bầu cử mới.

Điều 112

1. Trong vòng một tuần sau khi được bổ nhiệm, Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga trình Tổng thống Liên bang Nga dự kiến cơ cấu các cơ quan quyền lực hành pháp cấp liên bang.

2. Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga trình Tổng thống Liên bang Nga dự kiến ứng viên các Phó Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga và các bộ trưởng liên bang.

Điều 113

Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga xác định phương hướng hoạt động và tổ chức công việc của Chính phủ Liên bang Nga theo Hiến pháp Liên bang Nga, các đạo luật liên bang, các sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga.

Điều 114

1. Chính phủ Liên bang Nga có các thẩm quyền sau:

a) Dự toán và trình Đuma Quốc gia ngân sách liên bang và bảo đảm việc thi hành ngân sách; trình Đuma Quốc gia quyết toán về việc thực hiện ngân sách liên bang;

b) Đảm bảo chính sách tài chính, tín dụng, tiền tệ thống nhất ở Liên bang Nga;

c) Đảm bảo việc thi hành chính sách thống nhất ở Liên bang Nga trong lĩnh vực văn hoá, khoa học, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, môi trường;

d) Thực hiện quản lý sở hữu liên bang;

e) Thực hiện các biện pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia, thực thi chính sách đối ngoại của Liên bang Nga;

f) Thực hiện các biện pháp đảm bảo tính pháp chế, quyền và tự do công dân, bảo vệ sở hữu và trật tự xã hội, đấu tranh chống tội phạm;

g) Thực hiện các quyền hạn khác do Hiến pháp Liên bang Nga, các đạo luật liên bang, các sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga quy định.

2. Trình tự hoạt động của Chính phủ Liên bang Nga do đạo luật hiến pháp liên bang quy định.

Điều 115

1. Dựa trên Hiến pháp và để thực thi Hiến pháp, các đạo luật liên bang, các sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga, Chính phủ Liên bang Nga ban hành nghị quyết và chỉ thị và bảo đảm thực thi các văn bản của mình.

2. Nghị quyết và chỉ thị của Chính phủ Liên bang Nga có hiệu lực bắt buộc thi hành ở Liên bang Nga.

3. Trong trường hợp trái với Hiến pháp Liên bang Nga, các đạo luật liên bang, các sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga, Nghị quyết và chỉ thị của Chính phủ Liên bang Nga có thể bị Tổng thống Liên bang Nga bãi bỏ.

Điều 116

Chính phủ Liên bang Nga từ nhiệm trước Tổng thống mới bầu của Liên bang Nga.

Điều 117

1. Chính phủ Liên bang Nga có thể tự từ chức, và có thể được Tổng thống Liên bang Nga chấp nhận hoặc bác bỏ.

2. Tổng thống Liên bang Nga có thể quyết định về việc cách chức Chính phủ Liên bang Nga.

3. Duma Quốc gia có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ Liên bang Nga. Nghị quyết về bất tín nhiệm Chính phủ Liên bang Nga được thông qua bởi đa số trên tổng số đại biểu Duma Quốc gia. Sau khi Duma bỏ phiếu bất tín nhiệm, Tổng

thống Liên bang Nga có thể tuyên bố cách chức Chính phủ Liên bang Nga, hoặc có thể không đồng ý với quyết định của Đuma Quốc gia. Trong trường hợp Đuma Quốc gia trong vòng ba tháng tiếp tục bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ, Tổng thống Liên bang Nga hoặc tuyên bố cách chức Chính phủ Liên bang, hoặc giải tán Đuma Quốc gia.

4. Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga có thể tự đặt vấn đề tín nhiệm Chính phủ tại Đuma Quốc gia. Nếu Đuma Quốc gia bỏ phiếu không tín nhiệm, Tổng thống Liên bang Nga trong vòng bảy ngày quyết định về việc cách chức Chính phủ Liên bang Nga hoặc giải tán Đuma Quốc gia và ấn định cuộc bầu cử mới.

5. Trong trường hợp từ nhiệm hoặc từ chức, Chính phủ Liên bang Nga tiếp tục hoạt động theo phân công của Tổng thống Nga cho đến khi Chính phủ mới được thành lập.

CHƯƠNG 7

QUYỀN LỰC TƯ PHÁP

Điều 118

1. Hoạt động xét xử chỉ được thực hiện bởi toà án.
2. Quyền lực tư pháp được thực hiện thông qua tố tụng hiến pháp, dân sự, hành chính và hình sự.
3. Hệ thống toà án của Liên bang Nga được quy định trong Hiến pháp Liên bang Nga và đạo luật hiến pháp liên bang. Không cho phép thành lập toà án đặc biệt.

Điều 119

Thẩm phán là công dân Liên bang Nga đủ 25 tuổi trở lên, có bằng đại học luật, làm việc theo chuyên môn luật ít nhất năm năm. Đạo luật liên bang có thể quy định những yêu cầu khác đối với thẩm phán Liên bang Nga.

Điều 120

1. Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật liên bang.

2. Trong khi xét xử, nếu phát hiện thấy hành vi của cơ quan nhà nước hoặc cơ quan khác trái với pháp luật thì thẩm phán quyết định theo pháp luật.

Điều 121

1. Thẩm phán không thể bị bãi miễn.

2. Quyền hạn của thẩm phán chỉ có thể bị chấm dứt hoặc đình chỉ theo trình tự và điều kiện do đạo luật liên bang quy định.

Điều 122

1. Thẩm phán hưởng đặc quyền bất khả xâm phạm.

2. Thẩm phán không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trình tự do đạo luật liên bang quy định.

Điều 123

1. Việc xét xử tại tất cả các toà diễn ra công khai. Phiên toà xử kín chỉ được phép trong những trường hợp đã được quy định trong đạo luật liên bang.

2. Không cho phép việc xét xử vắng mặt các vụ án hình sự, trừ những trường hợp đã được quy định trong đạo luật liên bang.

3. Hoạt động xét xử diễn ra trên cơ sở tranh tụng và bình đẳng giữa các bên.

4. Trong những trường hợp do đạo luật liên bang quy định, hoạt động xét xử được tiến hành với sự tham gia của bồi thẩm đoàn.

Điều 124

Nguồn tài chính cung cấp cho toà án chỉ được lấy từ ngân sách liên bang và phải đảm bảo khả năng thực thi xét xử một cách đầy đủ, độc lập theo quy định của đạo luật liên bang.

Điều 125

1. Toà án Hiến pháp Liên bang Nga có 19 thẩm phán.

2. Toà án Hiến pháp Liên bang Nga phán xét về sự phù hợp với Hiến pháp Liên bang Nga của các văn bản sau theo đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga, Hội đồng Liên bang, Duma Quốc gia, một phần năm tổng số thành viên của Hội đồng Liên bang, một phần năm tổng số đại biểu Duma Quốc gia, Chính phủ Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga, các cơ quan lập pháp và hành pháp của các chủ thể Liên bang Nga:

a) Các đạo luật liên bang, các văn bản quy phạm của Tổng thống Liên bang Nga, Hội đồng Liên bang, Duma Quốc gia, Chính phủ Liên bang Nga;

b) Hiến pháp các nước cộng hoà, hiến chương, các đạo luật và các văn bản quy phạm khác của các chủ thể Liên bang Nga quy định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga và thuộc thẩm quyền chung giữa các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga với các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga;

c) Thoả thuận giữa các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga với các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga, thoả thuận giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga;

d) Các điều ước quốc tế chưa có hiệu lực của Liên bang Nga.

3. Toà án Hiến pháp Liên bang Nga giải quyết tranh chấp thẩm quyền giữa:

a) Các cơ quan quyền lực nhà nước cấp liên bang với nhau;

b) Giữa các cơ quan quyền lực nhà nước Liên bang Nga với các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga;

c) Giữa các cơ quan nhà nước cao nhất của các chủ thể Liên bang Nga.

4. Theo đơn khiếu kiện về việc xâm phạm các quyền và tự do hiến định của công dân, theo đề nghị của các toà án, Toà án Hiến pháp Liên bang Nga kiểm tra tính hợp hiến của đạo luật đã được áp dụng hoặc phải được áp dụng trong một vụ việc cụ thể theo trình tự do đạo luật liên bang quy định.

5. Theo đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga, Hội đồng Liên bang, Duma Quốc gia, Chính phủ Liên bang Nga, các cơ quan lập pháp của các chủ thể Liên bang Nga, Toà án Hiến pháp Liên bang Nga giải thích Hiến pháp Liên bang Nga.

6. Các văn bản hoặc các điều khoản của chúng nếu bị coi là vi hiến sẽ không có hiệu lực; các điều ước quốc tế của Liên bang Nga nếu trái với Hiến pháp Liên bang Nga sẽ không có hiệu lực và không được áp dụng.

7. Theo đề nghị của Hội đồng Liên bang, Toà án Hiến pháp Liên bang Nga kết luận về việc tuân thủ quy trình trong khi buộc tội Tổng thống Liên bang Nga phản bội Tổ quốc hoặc phạm trọng tội khác.

Điều 126

Toà án Tối cao Liên bang Nga là cơ quan xét xử cao nhất các vụ việc dân sự, hình sự, hành chính và những vụ việc khác

thuộc thẩm quyền của các toà án thẩm quyền chung; thực hiện giám sát hoạt động của các toà đó thông qua các hình thức tố tụng đã được quy định trong đạo luật liên bang và giải thích các vấn đề thực tiễn xét xử.

Điều 127

Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga là cơ quan xét xử cao nhất các vụ tranh chấp kinh tế và những vụ việc khác thuộc thẩm quyền của các toà trọng tài; thực hiện giám sát hoạt động của các toà đó thông qua các hình thức tố tụng đã được quy định trong đạo luật liên bang và giải thích các vấn đề thực tiễn xét xử.

Điều 128

1. Thẩm phán Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga do Hội đồng Liên bang bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga.

2. Thẩm phán các toà án liên bang khác do Tổng thống Liên bang Nga bổ nhiệm theo trình tự do đạo luật liên bang quy định.

3. Thẩm quyền, trình tự thành lập và hoạt động của Toà án Hiến pháp Liên bang Nga, Toà án Tối cao Liên bang Nga, Toà án Trọng tài Tối cao Liên bang Nga và các toà án cấp liên bang khác do đạo luật hiến pháp liên bang quy định.

Điều 129

1. Viện kiểm sát Liên bang Nga là một hệ thống tập trung thống nhất với sự phục tùng của kiểm sát viên cấp dưới đối với kiểm sát viên cấp trên và Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga do Hội đồng

Liên bang bổ nhiệm và cho thôi giữ chức vụ theo đề nghị của Tổng thống Liên bang Nga.

3. Kiểm sát viên của các chủ thể Liên bang Nga do Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga bổ nhiệm có sự thoả thuận với các chủ thể Liên bang Nga.

4. Các kiểm sát viên khác do Viện trưởng Viện kiểm sát Liên bang Nga bổ nhiệm.

5. Thảm quyền, tổ chức, hoạt động của các Viện kiểm sát Liên bang Nga do đạo luật liên bang quy định.

CHƯƠNG 8

TỰ QUẢN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 130

1. Tự quản địa phương ở Liên bang Nga bảo đảm quyền tự quyết của cư dân đối với các vấn đề tầm địa phương, nắm giữ, sử dụng và định đoạt sở hữu của địa phương.

2. Tự quản địa phương do công dân thực hiện bằng cách trưng cầu ý dân, bầu cử, các hình thức trực tiếp thể hiện ý chí khác, thông qua các cơ quan dân cử và các cơ quan tự quản địa phương khác.

Điều 131

1. Tự quản địa phương được thực hiện tại các điểm dân cư thị thành và nông thôn và các điểm khác có tính đến các truyền thống lịch sử và những truyền thống khác của địa phương. Cơ cấu của các cơ quan tự quản địa phương do dân cư địa phương tự xác định.

2. Việc thay đổi biên giới các lãnh thổ mà ở đó có tự quản địa phương chỉ được tiến hành khi có sự góp ý của dân cư vùng lãnh thổ đó.

Điều 132

1. Các cơ quan tự quản địa phương được độc lập quản lý tài sản địa phương, dự toán, phê chuẩn và thực thi ngân sách địa phương, thiết lập các loại thuế và phí địa phương, bảo vệ trật tự xã hội, cũng như giải quyết các vấn đề khác ở tầm địa phương.

2. Các cơ quan tự quản địa phương có thể được pháp luật chuyển giao một số thẩm quyền nhất định của nhà nước cùng với những điều kiện vật chất và tài chính cần thiết để thực hiện các thẩm quyền đó. Việc thực hiện các thẩm quyền được chuyển giao chịu sự giám sát của nhà nước.

3. Tự quản địa phương được đảm bảo bởi quyền được toà án bảo vệ, quyền được bồi thường các chi phí phát sinh từ các quyết định của các cơ quan quyền lực nhà nước, bởi việc cấm hạn chế các quyền của tự quản địa phương đã được Hiến pháp Liên bang Nga và các đạo luật liên bang quy định.

CHƯƠNG 9

CÁC TU CHÍNH ÁN VÀ VIỆC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 134

Quyền kiến nghị bổ sung, sửa đổi Hiến pháp Liên bang Nga thuộc về Tổng thống Liên bang Nga, Hội đồng Liên bang, Duma Quốc gia, Chính phủ Liên bang Nga, các cơ quan lập pháp (đại diện) của các chủ thể Liên bang Nga, cũng như ít nhất một phần năm tổng số thành viên Hội đồng Liên bang hoặc một phần năm tổng số đại biểu Duma Quốc gia.

Điều 135

1. Các quy định tại các Chương 1, 2, 9 của Hiến pháp Liên bang Nga không thể sửa đổi bởi Quốc hội Liên bang.

2. Nếu kiến nghị về việc sửa đổi các quy định tại các Chương 1, 2, 9 của Hiến pháp Liên bang Nga được ba phần

năm tổng số thành viên Hội đồng Liên bang và tổng số đại biểu Du ma quốc gia ủng hộ, Hội nghị Lập hiến được triệu tập theo quy định của đạo luật hiến pháp liên bang.

3. Hội nghị Lập hiến hoặc quyết định không sửa đổi Hiến pháp Liên bang Nga, hoặc soạn thảo bản Hiến pháp mới của Liên bang Nga. Hội nghị Lập hiến thông qua dự thảo bởi hai phần ba tổng số phiếu hoặc quyết định trưng cầu phúc quyết toàn dân. Trong trường hợp phúc quyết toàn dân, Hiến pháp Liên bang Nga được thông qua khi có hơn một nửa tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu tán thành, với điều kiện phải có hơn một nửa tổng số cử tri tham gia phúc quyết.

Điều 136

Các tu chính án đối với các chương từ 3-8 của Hiến pháp Liên bang Nga được thông qua theo trình tự thông qua một đạo luật hiến pháp liên bang, và có hiệu lực sau khi nhận được sự tán thành của các cơ quan lập pháp của ít nhất hai phần ba tổng số các chủ thể Liên bang Nga.

Điều 137

1. Những sửa đổi của Điều 65 Hiến pháp Liên bang Nga quy định thành phần của Liên bang Nga được tiến hành theo trên cơ sở đạo luật hiến pháp liên bang về việc tiếp nhận, thành lập chủ thể mới của Liên bang Nga, về việc thay đổi địa vị pháp lý - hiến pháp của chủ thể Liên bang Nga.

2. Trong trường hợp thay đổi tên gọi của các chủ thể Liên bang Nga, tên gọi mới phải được đưa vào Điều 65 Hiến pháp Liên bang Nga.

PHẦN HAI

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CHUYỂN ĐỔI

1. Hiến pháp Liên bang Nga có hiệu lực từ ngày đăng tải chính thức sau khi có kết quả phúc quyết toàn dân.

Ngày phúc quyết toàn dân 12/12/1993 là ngày thông qua Hiến pháp Liên bang Nga.

Đồng thời Hiến pháp (Đạo luật cơ bản) của Liên bang Nga - Nước Nga được thông qua ngày 12/4/1978 chấm dứt hiệu lực kéo theo những thay đổi và bổ sung tương ứng.

Trong trường hợp mâu thuẫn giữa các quy định của Hiến pháp Liên bang Nga và Thỏa ước Liên bang, các quy định của Hiến pháp Liên bang Nga có hiệu lực. Thỏa ước Liên bang bao gồm: Thỏa ước về phân định thẩm quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của các nước cộng hòa tự chủ thuộc thành phần Liên bang Nga; Thỏa ước về phân định thẩm quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của các khu, tỉnh, thành phố Moskva và Saint-Peterbourg thuộc Liên bang Nga; Thỏa ước về phân định thẩm quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của tỉnh tự trị, các vùng tự trị thuộc thành phần Liên bang Nga; cũng như các Thỏa ước khác giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của Liên bang Nga và các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga, giữa các cơ quan quyền lực nhà nước của các chủ thể Liên bang Nga.

2. Các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác mà có hiệu lực trước khi Hiến pháp này có hiệu lực sẽ được áp dụng ở phần nào không trái với Hiến pháp Liên bang Nga.

3. Kể từ thời điểm Hiến pháp này có hiệu lực, Tổng thống Liên bang Nga đã được bầu theo Hiến pháp (Đạo luật cơ bản) của Liên bang Nga - Nước Nga thực thi thẩm quyền của mình do Hiến pháp này quy định cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ được bầu.

4. Hội đồng Bộ trưởng - Chính phủ Liên bang Nga kể từ ngày Hiến pháp này có hiệu lực có các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chính phủ Liên bang Nga do Hiến pháp Liên bang Nga quy định, và từ đây được gọi là Chính phủ Liên bang Nga.

5. Các toà án ở Liên bang Nga thực thi các thẩm quyền của mình do Hiến pháp này quy định.

Sau khi Hiến pháp có hiệu lực, thẩm phán của tất cả các toà của Liên bang Nga vẫn giữ nguyên thẩm quyền của mình cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ được bầu. Các vị trí còn trống sẽ được thay thế theo trình tự do Hiến pháp này quy định.

6. Trước thời điểm có hiệu lực của đạo luật liên bang quy định về trình tự xét xử các vụ án có sự tham gia của bồi thẩm đoàn, trình tự trước đây về việc xét xử các vụ án đó vẫn được áp dụng.

Trước khi có luật tổ tụng hình sự mới được ban hành theo các quy định của Hiến pháp này, vẫn giữ nguyên thủ tục trước đây về bắt giữ, bắt giam, giam giữ nghi can phạm tội.

7. Hội đồng Liên bang khoá đầu tiên và Đu ma Quốc gia khoá đầu tiên có nhiệm kỳ hai năm.

8. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng Liên bang được tiến hành sau khi bầu xong 30 ngày. Tổng thống Liên bang Nga khai mạc phiên họp đầu tiên của Hội đồng Liên bang.

9. Đại biểu Đuma Quốc gia khoá đầu tiên có thể đồng thời là thành viên Chính phủ Liên bang Nga. Các đại biểu Đuma Quốc gia đồng thời là thành viên Chính phủ Liên bang Nga không được hưởng quyền bất khả xâm phạm do Hiến pháp này quy định đối với trách nhiệm về những hành động (không hành động) liên quan đến thực thi công vụ.

Đại biểu Đuma Quốc gia khoá đầu tiên thực hiện chức trách của mình theo chế độ không thường xuyên.

NHẬT BẢN

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC NHẬT BẢN⁴²

1. Tên nước: Nhật Bản.
2. Thủ đô: Tokyo.
3. Quốc khánh: Ngày 23 tháng 12, là ngày sinh của Nhật Hoàng Akihito.
4. Quốc kỳ: Quốc kỳ Nhật Bản là hình chữ nhật màu trắng ở giữa có hình tròn đỏ tượng trưng cho mặt trời không có tia nắng.
5. Diện tích: 377,835 km².
6. Dân số: 127,288,416 người.
7. Kiểu nhà nước: Nhật Bản theo chế độ quân chủ lập hiến, chế độ lưỡng viện (từ năm 1947).
8. Phân chia hành chính: Nhật Bản phân chia thành 47 tỉnh, tỉnh được chia làm các hạt.
9. Đảng chính trị: Nhật Bản là quốc gia có chính quyền đa đảng phái. Những đảng phái chính trị lớn gồm có:
 - Đảng tự do dân chủ Nhật Bản;
 - Đảng dân chủ Nhật Bản;
 - Đảng Komei;
 - Đảng xã hội dân chủ Nhật Bản;
 - Đảng Cộng sản Nhật Bản.
10. Độ tuổi được tham gia bầu cử: Công dân Nhật Bản từ 20 tuổi trở lên có quyền bầu cử, từ 25 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Hạ viện và từ 30 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Thượng viện.

⁴². Các thông tin trong phần này được tổng hợp từ trang thông tin the World Factbook của Centre Intelligence Agency và Từ điển Bách khoa mở, <http://www.wikipedia.org>, truy cập ngày 24 tháng 11 năm 2008.

11. Hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật Nhật Bản phỏng theo hệ thống luật dân sự của Châu Âu và chịu sự ảnh hưởng của Anh-Mỹ.

Trong hệ thống dân luật, luật pháp Nhật Bản thuộc nhóm hệ thống dân luật Đức cùng với Đức, Áo, Thụy Sĩ, Hi Lạp, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc và Đài Loan.

12. Bộ máy nhà nước

i) Ngành lập pháp

Quốc hội - Cơ quan lập pháp Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và cơ quan lập pháp duy nhất ở Nhật Bản. Quốc hội gồm hai viện. Thượng nghị viện gồm 247 thành viên được bầu bằng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 6 năm. Ba năm một lần, một nửa số thành viên của Thượng nghị viện được miễn nhiệm và bầu thay thế. Hạ nghị viện gồm 480 thành viên cũng được bầu bằng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 4 năm.

Hạ nghị viện có một số chức năng riêng biệt so với Thượng nghị viện. Nếu một dự án luật đã được Hạ nghị viện thông qua nhưng không được Thượng nghị viện nhất trí thì Hạ nghị viện có thể phủ quyết. Hơn thế nữa, đối với các điều ước quốc tế, ngân sách và việc tuyển chọn Thủ tướng, Thượng nghị viện chỉ có thể trì hoãn việc thông qua mà không thể phủ định quyết định của Hạ viện. Vì vậy, có thể nói Hạ nghị viện Nhật Bản có nhiều quyền lực hơn so với Thượng nghị viện.

ii) Ngành hành pháp

Quyền hành pháp thuộc về Nội các bao gồm Thủ tướng và các Bộ trưởng chịu trách nhiệm tập thể trước Quốc hội. Thủ tướng phải là thành viên của Quốc hội, do Quốc hội bầu và Nhật Hoàng phê chuẩn. Thủ tướng có quyền bổ nhiệm và cách

chức các bộ trưởng. Hiến pháp Nhật Bản quy định phần lớn các bộ trưởng phải là thành viên của Quốc hội. Hiện nay, sau khi tinh giản, cơ cấu của Nội các Nhật Bản bao gồm 1 văn phòng Thủ tướng, 10 bộ và 2 cơ quan ngang bộ.

iii) Ngành tư pháp

Cơ quan tư pháp gồm Tối cao Pháp viện, 8 tòa án cao cấp và các tòa án địa phương, tòa án gia đình. Tối cao Pháp viện gồm Chánh án được Nhật Hoàng bổ nhiệm và 14 vị Thẩm phán do Nội các chọn. Tất cả các vụ án đều được xét xử công khai, nhất là các vụ vi phạm chính trị, báo chí và nhân quyền. Nhật Bản không có hệ thống Tòa án Hành chính và hệ thống xét xử theo bồi thẩm đoàn cũng chỉ mới được sử dụng một cách dè dặt trong thời gian gần đây.

II. HIẾN PHÁP NHẬT BẢN

*(Ban hành ngày 3 tháng 11 năm 1946,
có hiệu lực ngày 3 tháng 5 năm 1947)*

Chúng ta, những người dân Nhật Bản, những đại biểu Quốc hội, quyết tâm bảo vệ thành quả hợp tác hoà bình giữa các quốc gia, nền tự do của đất nước không chỉ cho chính chúng ta mà còn cho cả những thế hệ sau này, kiên quyết không tham gia chiến tranh như các Chính phủ trước, khẳng định chủ quyền thuộc về nhân dân những người soạn thảo bản Hiến pháp này. Chính phủ là nơi nhân dân đặt niềm tin thiêng liêng, là nơi nhân dân trao quyền lực của mình, Chính phủ thay mặt cho nhân dân và hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Đó là nguyên tắc cơ bản, là nền tảng của bản Hiến pháp này. Nhân dân sẽ không chấp nhận và sẽ huỷ bỏ tất cả những bản Hiến pháp, đạo luật, sắc lệnh cũng như những công báo không phù hợp với bản Hiến pháp dưới đây.

Nhân dân Nhật Bản mong muốn sự hoà bình cũng như hiểu rằng những lý tưởng về mối tương quan giữa con người, quyết tâm bảo vệ an ninh và sự sinh tồn của đất nước, tin tưởng vào công lý cũng như những dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới. Chúng ta mong muốn có một vị trí nhất định trên trường quốc tế, đấu tranh cho hoà bình, chống lại sự chuyên chế, nô dịch, áp bức và bảo thủ, lạc hậu ở khắp mọi nơi trên trái đất. Chúng ta công nhận quyền được sống trong tự do, không phải chịu đựng sự sợ hãi, thiếu thốn của tất cả các dân tộc trên thế giới.

Chúng ta hiểu rằng không một dân tộc nào chỉ phải chịu trách nhiệm riêng trước dân tộc mình mà những luân thường đạo lý mang tính cơ bản, cốt là đều phải được các quốc gia tôn trọng nếu họ muốn bảo vệ chủ quyền và chứng minh chủ quyền của dân tộc mình với các quốc gia khác.

Chúng ta, những người dân Nhật Bản, xin cam đoan trước danh dự Tổ quốc sẽ bằng mọi biện pháp có thể để thực hiện tất cả những mục tiêu và lí tưởng cao cả nêu trên.

CHƯƠNG I HOÀNG ĐẾ

Điều 1

Hoàng đế là biểu tượng của quốc gia và cộng đồng dân tộc, vị trí của Hoàng đế xuất phát từ ý chí nguyện vọng của người dân một nước có chủ quyền.

Điều 2

Ngai vàng được kế vị và sự kế vị đó phải phù hợp với Luật Hoàng gia do Quốc hội thông qua.

Điều 3

Mọi hoạt động của Hoàng đế liên quan đến quốc gia phải tham khảo ý kiến và được Nội các thông qua. Việc này thuộc trách nhiệm của Nội các.

Điều 4

Hoàng đế chỉ có trách nhiệm đại diện quốc gia như đã ghi trong Hiến pháp, Hoàng đế không có quyền lực trong chính phủ.

Hoàng đế có thể ủy quyền đại diện quốc gia cho người khác nhưng phải phù hợp với các điều khoản trong Hiến pháp.

Điều 5

Khi chế độ nhiếp chính được thành lập theo quy định của Luật hoàng gia, quan nhiếp chính sẽ nhân danh Hoàng đế để thực hiện quyền đại diện quốc gia. Trong trường hợp này, đoạn 1 của điều khoản trên sẽ có hiệu lực.

Điều 6

Hoàng đế bổ nhiệm Thủ tướng theo chỉ định của Quốc hội đồng thời bổ nhiệm Thẩm phán đứng đầu Tòa án tối cao theo đề nghị của Nội các.

Điều 7

Dưới sự đồng ý của Nội các, Hoàng đế thay mặt nhân dân thực hiện các quyền sau:

- Ban hành các tu chính án Hiến pháp, đạo luật, sắc lệnh của Nội các và hiệp ước;
- Triệu tập Quốc hội;
- Giải tán Hạ nghị viện;
- Tuyên bố kết quả cuộc tổng tuyển cử Quốc hội;
- Bổ nhiệm hay bãi miễn các Bộ trưởng, các viên chức theo pháp luật hiện hành, có toàn quyền trong việc uỷ nhiệm thư với đại sứ, bộ trưởng;
- Thực hiện ân xá, giảm án, hoãn thi hành án, khôi phục quyền công dân;
- Trao huân chương;
- Xác định việc Quốc hội chuẩn y các hiệp định quốc tế, các văn bản ngoại giao theo pháp luật hiện hành;
- Tiếp đón các Bộ trưởng và Đại sứ quốc tế;
- Đại diện quốc gia trong các buổi lễ long trọng.

Điều 8

Không có sự cho phép của Quốc hội, không ai được tặng tài sản cho Hoàng gia, Hoàng gia cũng không được nhận hay cho tặng phẩm nếu không có sự chấp thuận kể trên.

CHƯƠNG II PHỦ NHẬN CHIẾN TRANH

Điều 9

Mong muốn một nền hoà bình dựa trên công lý và trật tự, dân tộc Nhật Bản phản đối chiến tranh cũng như sự đe dọa

hay áp dụng sức mạnh để giải quyết những tranh chấp quốc tế vì chiến tranh không phải là quyền tối thượng của quốc gia.

Để đạt được những mục tiêu đó, Nhật Bản không thành lập các lực lượng lục quân, hải quân, không quân hay các tiềm năng quân sự khác. Quyền tham chiến không được công nhận.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

Điều 10

Luật pháp quy định các điều kiện về quốc tịch.

Điều 11

Mọi người đều có quyền cơ bản. Những quyền đó là vĩnh viễn, bất khả xâm phạm dành cho công dân Nhật không chỉ ở thể hệ này mà còn ở các thể hệ sau và được ghi trong Hiến pháp.

Điều 12

Quyền tự do và những quyền được ghi trong Hiến pháp phải được mọi người bảo vệ, không lạm dụng vì mục đích riêng và phải được duy trì vì sự thịnh vượng chung của đất nước.

Điều 13

Tất cả mọi người đều được thừa nhận là những cá nhân riêng biệt. Quyền được sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc của công dân phải được đặc biệt quan tâm trong hoạt động lập pháp cũng như trong hoạt động khác của chính phủ nếu nó không đi ngược lại với quyền lợi chung của cộng đồng.

Điều 14

Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Không có sự phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, tình trạng xã hội hay lai lịch bản thân trong tất cả các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế.

Không công nhận giai cấp quý tộc hay chức tước quý tộc. Khi tặng chức tước, huy chương cho một cá nhân trong hiện tại hay tương lai, Chính phủ không công nhận đặc ân nào có giá trị quá cuộc đời của cá nhân đó.

Điều 15

Công dân có quyền bất khả xâm phạm trong việc lựa chọn hay bãi nhiệm các viên chức.

Các viên chức phục vụ cả cộng đồng mà không phải một nhóm người nào trong cộng đồng.

Phổ thông đầu phiếu được công nhận cho công dân đến tuổi đi bầu cử để lựa chọn các vị đại biểu nhân dân.

Mọi cuộc bầu cử đều theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Cử tri không cần tường trình sự bỏ phiếu của mình với bất kỳ ai.

Điều 16

Mọi công dân đều có quyền khiếu nại để đòi bồi thường thiệt hại, cất chức các công chức, kiến nghị áp dụng, huỷ bỏ, sửa chữa đạo luật, quy tắc hành chính hay khiếu nại trong các lĩnh vực khác; không người nào bị phân biệt đối xử vì ủng hộ các kiến nghị này.

Điều 17

Mọi công dân khi bị thiệt hại vì bất kỳ hành vi bất hợp pháp của công chức đều có quyền xin Chính phủ bồi thường theo pháp luật.

Điều 18

Không ai bị lệ thuộc dưới bất cứ hình thức nào. Sự nô dịch, trừ trong trường hợp là hình phạt của trọng tội, bị ngăn cấm.

Điều 19

Công dân có quyền tự do ngôn luận và tự do tư tưởng.

Điều 20

Mọi công dân đều có quyền tự do tín ngưỡng. Không một tổ chức tôn giáo nào có thể nhận được đặc ân của Chính phủ hay được sử dụng quyền chính trị.

Không ai bị bắt buộc tham gia các hoạt động, lễ nghi của các tổ chức tôn giáo.

Chính phủ và các cơ quan Nhà nước không theo nền giáo dục mang tính tôn giáo và cũng không có các hành vi tôn giáo.

Điều 21

Công dân có quyền tụ họp, ngôn luận, báo chí và mọi hình thức biểu đạt ý kiến đều được chấp nhận.

Không có sự kiểm duyệt và sự tối mật trong các cách thức truyền đạt thông tin được bảo đảm.

Điều 22

Mọi công dân đều có quyền lựa chọn và thay đổi chỗ ở, nghề nghiệp nếu điều đó không ảnh hưởng đến quyền lợi chung của cộng đồng.

Công dân có quyền xuất ngoại và từ bỏ quốc tịch.

Điều 23

Chính phủ bảo đảm quyền tự do học thuật của công dân.

Điều 24

Hôn nhân phải có sự tán thành của cả hai vợ chồng, phải tồn tại dựa trên sự hợp tác, bình đẳng về quyền lợi giữa hai người. Dựa trên tinh thần tôn trọng phẩm giá cá nhân, bình đẳng nam nữ, các đạo luật ban hành quy định về việc lựa chọn vợ chồng, quyền tư hữu, di sản, lựa chọn nơi ở, li dị và mọi vấn đề khác về hôn nhân, gia đình.

Điều 25

Mọi công dân đều có quyền hưởng mức sống tối thiểu lành mạnh và có giáo dục.

Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, Chính phủ đều cố gắng khuyến khích, nâng cao hệ thống an ninh xã hội và y tế công cộng.

Điều 26

Mọi công dân đều có quyền hưởng một nền giáo dục bình đẳng phù hợp với khả năng và đúng theo quy định của luật pháp.

Tất cả mọi người đều phải bảo đảm cho con trai, con gái họ được tiếp thu giáo dục phổ thông theo quy định của luật pháp. Giáo dục bắt buộc đó được miễn phí.

Điều 27

Mọi người đều có quyền và có nghĩa vụ làm việc.

Các tiêu chuẩn về lương bổng, giờ làm, thời gian nghỉ ngơi và nhiều điều kiện làm việc khác đều được pháp luật quy định.

Trong mọi trường hợp, bóc lột trẻ em là phạm pháp.

Điều 28

Người lao động có quyền tổ chức để tiến hành thương lượng và hành động tập thể.

Điều 29

Quyền tư hữu là quyền bất khả xâm phạm.

Quyền tư hữu được ghi trong luật pháp và phù hợp với quyền lợi chung của cộng đồng.

Tài sản cá nhân chỉ được trưng dụng vì mục đích công cộng khi có bồi thường tương ứng.

Điều 30

Mọi công dân đều có nghĩa vụ đóng thuế theo Luật pháp ban hành.

Điều 31

Không ai bị tước bỏ quyền sống, quyền tự do hay phải chịu các hình phạt hình sự trừ khi bị xét xử theo thủ tục tố tụng được luật pháp quy định.

Điều 32

Không ai bị tước quyền tiếp cận các tòa án.

Điều 33

Không ai bị bắt bớ mà không có sự cho phép của tòa án trong đó chỉ rõ hành vi phạm tội trừ trường hợp đương sự bị bắt quả tang.

Điều 34

Không ai bị giam giữ nếu không được thông báo tội trạng và nếu không có luật sư bên vực, không có chứng cứ xác đáng. Nếu có đơn khiếu nại, lí do đó phải được công bố ngay tại phiên toà công khai trước bị cáo và luật sư.

Điều 35

Nếu không có sự cho phép của toà án trình bày lí do, thông báo về chỗ khám xét, đồ vật bị tịch thu thì mọi thư từ, đồ vật, nhà ở đều được pháp luật bảo vệ theo Điều 33.

Mọi lệnh khám xét, tịch thu đều phải có sự cho phép của Thẩm phán.

Điều 36

Sự tra tấn hay việc thực hiện các hình phạt tàn bạo bị tuyệt đối cấm.

Điều 37

Trong mọi trường hợp, đối với các trọng tội, bị cáo đều được xét xử nhanh chóng, công khai bởi một Hội đồng xét xử công minh.

Bị cáo có quyền đối chất với các nhân chứng, có quyền yêu cầu nhân chứng ra trước toà để biện bạch mình, mọi chi phí và sự đi lại hầu toà của nhân chứng do quốc gia đài thọ.

Bị cáo được luật sư bào chữa. Nếu trong các quy trình thủ tục, bị cáo không có tiền thuê luật sư thì toà án sẽ chỉ định một luật sư để bào chữa cho bị cáo.

Điều 38

Không ai bị bắt buộc khai trái sự thật.

Những lời thú tội vì ép buộc, tra tấn, đe dọa hay do thời gian giam cầm lâu không được coi là bằng chứng.

Không ai bị kết án hay trừng phạt nếu chứng cứ buộc tội chỉ dựa trên lời thừa nhận của bản thân bị cáo.

Điều 39

Không ai phải chịu trách nhiệm về hình phạt đối với một hành vi được coi là hợp pháp vào thời điểm thực hiện hoặc đã được xử trắng án hoặc được thực hiện trong trường hợp bị đặt vào tình trạng nguy hiểm.

Điều 40

Người được xét xử trắng án sau khi bị bắt bớ hay giam cầm có thể kiện đòi Chính phủ bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV QUỐC HỘI

Điều 41

Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và cũng là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

Điều 42

Quốc hội có hai Viện: Hạ Nghị Viện và Thượng Nghị Viện.

Điều 43

Cả hai Viện đều bao gồm các thành viên do nhân dân bầu ra. Số thành viên của mỗi Viện được quy định bởi pháp luật.

Điều 44

Điều kiện bầu cử và ứng cử được ghi trong pháp luật, không có sự phân biệt về chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, điều kiện xã hội, lý lịch gia đình, học vấn, tài sản và thu nhập.

Điều 45

Nhiệm kỳ đại biểu của Hạ Nghị Viện là bốn năm. Nhưng nhiệm kỳ sẽ chấm dứt trước thời hạn nếu Hạ Nghị Viện bị giải tán.

Điều 46

Nhiệm kỳ Thượng nghị sĩ là 6 năm, cứ 3 năm lại bầu lại một nửa tổng số thành viên.

Điều 47

Khu vực tuyển cử, thủ tục bỏ phiếu và các vấn đề liên quan tới bầu cử do pháp luật ấn định.

Điều 48

Không ai được kiêm nhiệm chức vụ đại biểu ở cả hai Viện.

Điều 49

Đại biểu ở cả hai Viện được hưởng lương bổng theo Ngân sách Quốc gia và do pháp luật quy định.

Điều 50

Trừ trường hợp được pháp luật quy định, đại biểu của cả hai Viện không bị bắt trong khoá họp của Quốc hội, nếu đại

biểu nào bị giam cầm trước khi khai mạc khoá họp thì sẽ được phóng thích để dự khoá họp theo yêu cầu của Quốc hội.

Điều 51

Đại biểu hai Viện không bị truy tố khi ra ngoài Quốc hội vì những bài diễn thuyết, cách thảo luận hay bỏ phiếu tại quốc hội.

Điều 52

Quốc hội được triệu tập thường lệ mỗi năm một lần.

Điều 53

Nội các có quyền triệu tập phiên họp bất thường của Quốc hội. Khi có yêu cầu của từ một phần tư tổng số đại biểu của mỗi Viện, Nội các phải triệu tập phiên họp bất thường của Quốc hội.

Điều 54

Khi Hạ Nghị Viện bị giải tán, phải tổ chức tổng tuyển cử 40 ngày sau thời hạn giải tán và Quốc hội phải họp sau 30 ngày bầu cử.

Trong trường hợp Hạ Nghị Viện bị giải tán, Thượng Nghị Viện cũng không họp. Nhưng nếu trong trường hợp đất nước lâm nguy, Nội các có thể triệu tập phiên họp bất thường của Thượng Nghị Viện.

Tuy nhiên biện pháp trên chỉ có tính tạm thời và sẽ bị huỷ bỏ nếu Hạ Nghị Viện không chấp thuận trong vòng 10 ngày sau khi khai mạc khóa họp của Quốc hội.

Điều 55

Mỗi Viện đều có thẩm quyền riêng trong việc xét xử những vụ kiện liên quan đến tư cách đại biểu của Viện mình. Tuy nhiên, việc quyết định cách chức một đại biểu phải thông qua một nghị quyết với sự nhất trí của từ 2/3 tổng số nghị sĩ có mặt.

Điều 56

Khoá họp của mỗi Viện chỉ được tiến hành nếu có từ 1/3 tổng số đại biểu có mặt.

Tất cả các vấn đề tại mỗi Viện sẽ được biểu quyết thông qua nếu đa số đại biểu có mặt tán thành. Trong trường hợp số phiếu bằng nhau, Chủ tịch phiên họp sẽ quyết định.

Điều 57

Các cuộc thảo luận tại mỗi Viện phải được tiến hành một cách công khai. Quốc hội sẽ tổ chức phiên họp kín nếu đa số 2/3 đại biểu có mặt biểu quyết. Mọi tiến trình công việc của mỗi Viện phải được ghi thành. Biên bản này được công bố và phân phát cho nhiều người trừ những biên bản trong các cuộc họp kín.

Trong trường hợp có yêu cầu của từ 1/5 tổng số đại biểu có mặt, biên bản phải ghi chép kết quả cuộc bỏ phiếu của các đại biểu trong phiên họp.

Điều 58

Mỗi Viện tự lựa chọn Chủ tịch cũng như các viên chức cấp cao của mình.

Mỗi Viện phải tự thiết lập các nguyên tắc, luật lệ liên quan đến phiên họp và có hình phạt thích đáng cho những người làm trái quy định.

Tuy nhiên, để trục xuất một đại biểu ra khỏi Viện, cần phải thông qua một nghị quyết với sự nhất trí của từ 2/3 tổng số đại biểu có mặt.

Điều 59

Dự thảo luật sẽ trở thành luật nếu được cả hai Viện thông qua trừ những trường hợp đặc biệt được ghi trong Hiến pháp.

Nếu Thượng Nghị Viện không đồng ý với một dự thảo

luật mà Hạ Nghị Viện đã thông qua thì văn kiện đó sẽ được thành đạo luật nếu Hạ nghị viện biểu quyết lần thứ hai với đa số 2/3 đại biểu có mặt thông qua.

Điều khoản trên không loại trừ trường hợp Hạ nghị viện có thể triệu tập một Ủy ban với đại diện của cả hai Viện.

Nếu Thượng nghị viện không biểu quyết trong 60 ngày kể từ ngày nhận dự luật do Hạ nghị viện thông qua (trừ trường hợp Thượng nghị viện ngừng họp), Hạ nghị viện sẽ coi sự không biểu quyết này là sự phủ nhận.

Điều 60

Vấn đề về ngân sách phải được Hạ nghị viện biểu quyết trước.

Khi thảo luận về vấn đề này, nếu Thượng nghị viện không đồng ý với Hạ nghị viện, và nếu Ủy ban đại diện của cả hai Viện cũng không có được sự nhất trí hay Thượng nghị viện không thể đưa ra quyết định trong vòng 30 ngày sau khi Hạ nghị viện thông qua thì quyết định của Hạ nghị viện sẽ là quyết định cuối cùng của Quốc hội.

Điều 61

Đoạn 2 của điều trên cũng được áp dụng trong trường hợp Quốc hội phê chuẩn Hiệp ước.

Điều 62

Mỗi Viện có thể mở cuộc điều tra về hoạt động của Chính phủ, hỏi cung nhân chứng và kiểm tra các tài liệu.

Điều 63

Cho dù có phải là đại biểu của mỗi Viện hay không, Thủ tướng và các Bộ trưởng có quyền tới các Viện bất cứ lúc nào để phát biểu ý kiến về dự luật. Họ phải có mặt để trả lời và giải thích các vấn đề khi cần thiết.

Điều 64

Quốc hội có quyền lựa chọn các đại biểu của cả hai Viện để thiết lập một Toà án xét xử các vị Thẩm phán. Việc này được quy định trong một đạo luật.

CHƯƠNG V NỘI CÁC

Điều 65

Nội các là cơ quan nắm giữ quyền hành pháp.

Điều 66

Nội các bao gồm Thủ tướng là người đứng đầu Nội các và các Bộ trưởng theo quy định của pháp luật.

Thủ tướng và các Bộ trưởng phải là công chức dân sự.

Nội các phải chịu trách nhiệm tập thể trước Quốc hội trong quá trình thực thi quyền hành pháp.

Điều 67

Thủ tướng được Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu của Quốc hội thông qua một nghị quyết của Quốc hội. Công việc này phải được ưu tiên so với các hoạt động khác của Quốc hội.

Nếu hai Viện không đạt được sự nhất trí và ủy ban chung của hai viện cũng không đạt được sự nhất trí chung hoặc Thượng nghị viện không chỉ định được thủ tướng trong vòng 10 ngày sau khi Hạ nghị viện biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Thủ tướng thì quyết định của Hạ nghị viện sẽ là quyết định cuối cùng của Quốc hội.

Điều 68

Thủ tướng có thẩm quyền trong việc bổ nhiệm các Bộ trưởng. Đa số các Bộ trưởng phải là đại biểu Quốc hội. Thủ tướng có quyền cách chức Bộ trưởng.

Điều 69

Nếu Hạ nghị viện thông qua nghị quyết bỏ phiếu bất tín nhiệm hoặc phủ quyết nghị quyết tín nhiệm, Nội các sẽ phải đệ đơn từ chức, trừ trường hợp Hạ nghị viện bị giải tán trong vòng 10 ngày.

Điều 70

Nội các phải từ chức khi vị trí của Thủ tướng bị khuyết hoặc phải từ chức vào thời điểm Quốc hội triệu tập phiên họp đầu tiên sau cuộc tổng tuyển cử Hạ nghị viện.

Điều 71

Trong trường hợp của cả hai điều khoản trên, Nội các vẫn có thể tiếp tục làm việc cho tới khi Thủ tướng mới được bầu ra.

Điều 72

Thủ tướng thay mặt Nội các trình Quốc hội các dự thảo luật, báo cáo về các vấn đề đối nội, đối ngoại lớn của đất nước và thực hiện quyền quản lý và kiểm soát các cơ quan hành chính khác.

Điều 73

Ngoài các chức năng hành chính thông thường khác, Nội các có các chức năng như sau:

- Thi hành pháp luật một cách trung thực, quản lý nhà nước;
- Quản lý các chính sách ngoại giao;
- Kí kết hiệp ước, nhưng phải có sự phê chuẩn của Quốc hội;
- Quản lý các dịch vụ công theo các tiêu chuẩn được pháp luật quy định;
- Dự toán ngân sách để trình Quốc hội;

- Ban hành sắc lệnh để thi hành hiến pháp và đạo luật, tuy nhiên không thể quy định những quy tắc hình sự nếu không được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Quyết định ân xá, giảm tội, miễn tội, khôi phục quyền công dân.

Điều 74

Các đạo luật và sắc lệnh đều phải do các Bộ trưởng có thẩm quyền kí và xác nhận, đồng thời phải được Thủ tướng phê chuẩn.

Điều 75

Bộ trưởng đang trong nhiệm kỳ thì không thể bị truy tố nếu không có sự cho phép của Thủ tướng.

CHƯƠNG VI TƯ PHÁP

Điều 76

Toàn bộ quyền tư pháp được trao cho Toà án tối cao và các toà án các cấp được thành lập theo quy định của pháp luật.

Không được thành lập bất kỳ một Toà án đặc biệt nào cũng như không một cơ quan Hành pháp được trao quyền tư pháp cuối cùng.

Các Thẩm phán xét xử một cách độc lập, theo lương tâm, Hiến pháp và luật pháp.

Điều 77

Toà án tối cao được trao quyền quy định các nguyên tắc về thủ tục và thực tiễn làm việc, các vấn đề liên quan đến luật sư, kỷ luật của toà án và các công việc hành chính của Tòa.

Các công tố viên phải tuân thủ các quyền quy định các vấn đề thủ tục làm việc nói trên của Toà án tối cao.

Toà án tối cao có thể uỷ quyền cho tòa án các cấp trong việc quy định những vấn đề về thủ tục làm việc.

Điều 78

Các Thẩm phán không bị cách chức ngoại trừ theo thủ tục đàn hạch hoặc bị Toà án tuyên bố không đủ năng lực cần thiết về trí tuệ và thể chất để thực hiện công việc. Không một cơ quan nào trong ngành Hành pháp có thể áp dụng biện pháp kỉ luật với Thẩm phán.

Điều 79

Toà án tối cao bao gồm một Chánh án và các Thẩm phán. Số lượng Thẩm phán do pháp luật quy định. Ngoài Chánh án, các vị Thẩm phán do Nội các chỉ định.

Việc bổ nhiệm Thẩm phán Toà án tối cao do toàn dân chuẩn y đồng thời tại cuộc tổng tuyển cử các Hạ nghị sĩ đầu tiên sau khi các thẩm phán được bổ nhiệm. Và cứ sau 10 năm, nhân dân lại chuẩn y việc bổ nhiệm trên tại cuộc tổng tuyển cử các Hạ nghị sĩ đầu tiên sau thời hạn 10 năm đó.

Trong các trường hợp trên, Thẩm phán sẽ bị bãi nhiệm nếu bị đa số cử tri bỏ phiếu nhất trí đề nghị bãi nhiệm.

Thủ tục xem xét lại này sẽ do pháp luật quy định.

Thẩm phán tòa án tối cao phải về hưu nếu tới hạn tuổi quy định bởi pháp luật.

Mỗi thời kỳ nhất định, Thẩm phán sẽ được nhận một khoản phụ cấp xứng đáng và không bị cắt giảm trong suốt nhiệm kỳ.

Điều 80

Thẩm phán Toà án các cấp do Nội các bổ nhiệm theo danh sách đề cử của Toà án tối cao.

Các Thẩm phán có nhiệm kỳ 10 năm và có đặc quyền được bầu cử lại trừ trường hợp vị đó phải về hưu.

Các Thẩm phán tòa án các cấp cũng được hưởng một khoản phụ cấp xứng đáng và không bị cắt giảm trong suốt nhiệm kỳ.

Điều 81

Tòa án tối cao là cấp xét xử cao nhất với thẩm quyền xác định tính hợp hiến của các đạo luật, sắc lệnh, quy tắc hoặc các hành vi công khác.

Điều 82

Các phiên tòa được xét xử công khai và các bản án phải được công bố. Nếu các thẩm phán thống nhất rằng việc xét xử công khai không có lợi cho trật tự công cộng hoặc ảnh hưởng tới đạo đức, phiên tòa sẽ được xét xử kín. Tuy nhiên, các phiên tòa về chính trị, báo chí, nhân quyền thuộc Chương I trong Hiến pháp phải được bảo đảm xét xử công khai.

CHƯƠNG VII TÀI CHÍNH

Điều 83

Quyền quản lý tài chính quốc gia được thực hiện theo các quyết định của Quốc hội.

Điều 84

Việc thiết lập hay sửa đổi một loại thuế phải được đề cập trong một đạo luật hay được pháp luật công nhận.

Điều 85

Không một khoản tiền nào được chi cho dù Nhà nước có yêu cầu trừ khi được Quốc hội cho phép.

Điều 86

Nội các soạn thảo và đệ trình trước Quốc hội dự toán ngân sách quốc gia theo các năm tài chính.

Điều 87

Để bổ sung cho sự hao hụt ngân sách đối với các khoản chi không được xác định trước, một quỹ dự trữ được thành lập theo quyết định của Quốc hội để thực hiện các khoản chi thuộc trách nhiệm Nội các. Tuy nhiên, các khoản chi của Nội các phải được Quốc hội phê duyệt sau khi chi.

Điều 88

Tài sản của Hoàng gia là tài sản chung của cả quốc gia. Mọi khoản chi tiêu của Hoàng gia đều cần có sự phê chuẩn của Quốc hội.

Điều 89

Không một tài sản quốc gia hay ngân sách nào được dùng để thiết lập, duy trì hiệp hội tôn giáo, cơ quan từ thiện hay giáo dục công ích mà không được chính quyền quản lí.

Điều 90

Báo cáo tài chính cuối cùng về thu chi ngân sách quốc gia sẽ được kiểm toán hàng năm bởi một Ban kiểm toán và được Chính phủ đệ trình Quốc hội cùng với báo cáo kiểm toán ngay sau khi năm tài chính kết thúc.

Việc tổ chức cũng như thẩm quyền của Ban kiểm toán này được pháp luật quy định.

Điều 91

Theo những định kỳ nhất định hoặc ít nhất mỗi năm một lần, Nội các phải đệ trình trước Quốc hội và toàn dân báo cáo về tình trạng tài chính quốc gia.

CHƯƠNG VIII

QUYỀN TỰ TRỊ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 92

Các quy tắc về tổ chức, điều hành bộ máy chính quyền địa phương được pháp luật quy định phù hợp với nguyên tắc tự trị địa phương.

Điều 93

Các địa phương sẽ tổ chức hội đồng nhân dân như một cơ quan đề thảo luận, biểu quyết phù hợp với quy định của luật pháp.

Người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương, thành viên của các hội đồng nhân dân và các công chức địa phương khác theo quy định của pháp luật đều được bầu theo phương thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp trong cộng đồng.

Điều 94

Chính quyền địa phương có thẩm quyền trong quản lý tài sản của mình, thực thi các công việc, quản trị hành chính và ban hành các quy định của mình phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 95

Quốc hội không thể thông qua một đạo luật để áp dụng cho một địa phương nếu đa số cử tri của địa phương đó không chấp thuận.

CHƯƠNG IX

TU CHÍNH ÁN

Điều 96

Việc sửa đổi Hiến pháp phải do Quốc hội đề xướng sau khi được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu của mỗi Viện thông qua.

Sau đó tu chính án phải được đa số nhân dân phê chuẩn trong một cuộc trưng cầu ý dân hay qua một cuộc tổng tuyển cử đặc biệt do Quốc hội ấn định.

Tu chính án sau khi được nhân dân chuẩn y sẽ lập tức được Hoàng đế với tư cách đại diện cho nhân dân phê chuẩn như một phần thống nhất của Hiến pháp này.

CHƯƠNG X

ĐẠO LUẬT TỐI CAO

Điều 97

Những quyền con người cơ bản theo quy định của Hiến pháp này được bảo đảm cho toàn thể nhân dân Nhật Bản là kết quả tranh đấu hàng nghìn năm của con người để bảo vệ tự do. Những quyền đó tồn tại sau nhiều thử thách gian lao và được giao lại cho thế hệ hiện tại cũng như thế hệ tương lai để họ mãi mãi bảo vệ, giữ gìn.

Điều 98

Hiến pháp là đạo luật tối cao của quốc gia. Tất cả các đạo luật, sắc lệnh, các công bố của Hoàng gia hoặc các hoạt động của chính quyền hoặc một bộ phận chính quyền trái với Hiến pháp đều không có giá trị pháp lý và không có giá trị thi hành.

Chính phủ phải tôn trọng các hiệp ước kí kết của quốc gia và quốc tế.

Điều 99

Hoàng đế, Nhiếp chính cũng như các Bộ trưởng, đại biểu Quốc hội, Thẩm phán và các viên chức quốc gia đều phải có nghĩa vụ bảo vệ Hiến pháp.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN PHỤ

Điều 100

Hiến pháp có hiệu lực kể từ 6 tháng sau khi ban hành.

Quốc hội ban hành các đạo luật thi hành Hiến pháp, thủ tục bầu Thượng nghị sĩ, thủ tục triệu tập Quốc hội và các thủ tục chuẩn bị cần thiết khác cho việc thi hành Hiến pháp này phải được ban hành trước thời hạn ấn định ở đoạn trên.

Điều 101

Nếu Thượng nghị viện chưa được bầu xong trước thời hạn Hiến pháp này có hiệu lực, Hạ nghị viện sẽ thực hiện các chức năng của Quốc hội cho tới khi Thượng nghị viện được thành lập.

Điều 102

Một nửa số Thượng nghị sĩ được bầu tại cuộc tổng tuyển cử đầu tiên theo quy định của Hiến pháp này có nhiệm kỳ là 3 năm. Việc ấn định các thành viên có nhiệm kỳ 3 năm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 103

Các Bộ trưởng, hạ nghị sĩ, Thẩm phán đương chức vào thời điểm Hiến pháp có hiệu lực và các công chức khác đang giữ các chức vụ tương ứng với các chức vụ được quy định trong Hiến pháp này sẽ vẫn giữ nguyên chức vụ, trừ trường hợp đặc biệt do luật pháp quy định. Tuy nhiên, nếu người kế nhiệm đã được tuyển chọn theo đúng quy định của Hiến pháp thì các công chức cũ phải từ bỏ chức vụ.

CỘNG HÒA PHÁP

I. KHÁI QUÁT VỀ CỘNG HÒA PHÁP⁴³

1. Tên nước: Cộng hòa Pháp, tên thường gọi là Pháp (*République française* hay *France*).

2. Thủ đô: Paris.

3. Quốc khánh: Ngày 14 tháng 7.

4. Quốc kỳ: Gồm ba dải màu dọc (xanh, đỏ và trắng) được gọi là Cờ tam tài (*drapeau tricolore*). Xanh và đỏ là màu của Paris, trắng là màu của nhà vua.

5. Diện tích: 643,427 km².

6. Dân số: 64,057,792 người.

7. Kiểu nhà nước: Nước Pháp có mô hình chính thể cộng hòa bán tổng thống hay cộng hòa lưỡng tính.

8. Phân chia hành chính: Pháp được chia thành 26 vùng hành chính; trong đó 22 vùng thuộc mẫu quốc và 4 vùng hải ngoại.

9. Đảng chính trị: Tại Pháp, các đảng phái chính trị lớn gồm có:

- Đảng xã hội (PS);
- Đảng Cộng sản (PCF);
- Đảng tập hợp vì nền Cộng hòa (RPR);
- Liên minh vì nền dân chủ Pháp (UDF);
- Mặt trận quốc gia (FN).

10. Độ tuổi được tham gia bầu cử: Công dân Pháp từ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử.

11. Hệ thống pháp luật: Pháp là quốc gia điển hình của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa.

⁴³. Thông tin tại phần này được tổng hợp từ trang thông tin Từ điển bách khoa mở Wikipedia và the World Factbook của Centre Intelligence Agency.

12. Bộ máy nhà nước

i) Ngành lập pháp

Nghị viện Pháp theo chế độ lưỡng viện. Thượng viện gồm 321 thành viên. Các thượng nghị sĩ được bầu gián tiếp bởi một hội đồng bầu cử để phục vụ trong nhiệm kỳ 9 năm, trong đó 1/3 số thành viên được bầu ba năm một lần. Hạ nghị viện gồm 577 thành viên. Các Hạ nghị sĩ do nhân dân trực tiếp bầu ra. Nhiệm kỳ của các Hạ nghị sĩ là 5 năm.

Nghị viện họp mỗi năm một kỳ kéo dài đến 9 tháng. Trong điều kiện đặc biệt, Tổng thống có thể triệu tập kỳ họp bất thường của Nghị viện. Nghị viện có chức năng xem xét, thông qua luật và biểu quyết về ngân sách. Nghị viện cũng có quyền giám sát hoạt động của cơ quan hành pháp thông qua các hoạt động chất vấn tại hội trường hoặc qua việc thành lập các cơ quan điều tra. Các đạo luật do Nghị viện ban hành sẽ được Hội đồng bảo hiến kiểm tra về tính hợp hiến.

ii) Ngành hành pháp

Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, do nhân dân bầu ra và giữ nhiệm kỳ 5 năm. Không có giới hạn về số lượng nhiệm kỳ giữ chức vụ Tổng thống.

Tổng thống có quyền bổ nhiệm Thủ tướng, điều hành nội các, thống lĩnh quân đội và ký kết các điều ước quốc tế. Tổng thống có thể nêu vấn đề để trưng cầu ý dân và có thể giải tán Hạ viện. Trong những trường hợp khẩn cấp nhất định, Tổng thống được thực thi những quyền hạn đặc biệt và toàn diện hơn nhưng trong điều kiện thông thường, Tổng thống không có quyền ban hành pháp luật hoặc pháp quy. Tuy nhiên, nếu đa số trong nghị viện cùng đảng phái với Tổng thống thì tổng thống có thể dễ dàng đề xuất các sáng kiến lập pháp để nghị viện thông qua hoặc yêu cầu Thủ tướng ban hành các văn bản pháp quy.

Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ được đề cử bởi đa số trong Quốc Hội và được tổng thống bổ nhiệm. Nội các

phải chịu trách nhiệm trước Hạ viện và Hạ viện có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm yêu cầu nội các từ chức. Vì vậy, trên thực tế, Nội các thường gồm các thành viên thuộc phe đa số ở Hạ viện.

Các bộ trưởng của Chính phủ có nghĩa vụ trả lời các câu hỏi chất vấn của thành viên Nghị viện. Hơn thế nữa, các bộ trưởng phải tham dự các phiên họp của Nghị viện khi Nghị viện thảo luận về các dự án luật liên quan đến lĩnh vực họ phụ trách.

Thủ tướng Chính phủ có quyền ban hành các văn bản pháp quy trong điều kiện không vi phạm các lĩnh vực thuộc thẩm quyền lập pháp của Nghị viện đã được quy định cụ thể trong Hiến pháp.

Nội các Chính phủ Cộng hòa Pháp tổ chức các phiên họp thường lệ mỗi tuần một lần (thường là vào buổi sáng ngày thứ Tư), do Tổng thống chủ trì tại Điện Elysée

iii) Ngành tư pháp

Để đảm bảo nguyên tắc nhà nước pháp quyền, Cộng hòa Pháp có một hệ thống tư pháp độc lập, tức là không bị khống chế về mặt pháp luật từ các cơ quan lập pháp và hành pháp.

Điểm đặc thù của hệ thống tư pháp Cộng hòa Pháp là được phân chia thành hệ thống tòa án tư pháp và tòa án hành chính. Các tòa tư pháp giải quyết các vụ án dân sự và hình sự và được tổ chức thành các tòa sơ thẩm, tòa phúc thẩm và tòa phá án. Các tòa hành chính giải quyết các vụ kiện đối với các cơ quan nhà nước và được tổ chức thành trọng tài hành chính, tòa phúc thẩm hành chính và Hội đồng nhà nước. Hội đồng Nhà nước xét xử các vụ kiện đối với các quyết định hành chính và có thẩm quyền bác bỏ các quyết định và văn bản pháp quy của chính phủ nếu chúng không phù hợp với hiến pháp và pháp luật hoặc các nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Ngoài ra, còn có Hội đồng bảo hiến có chức năng xem xét các đạo luật để xác định tính hợp hiến, mức độ phù hợp với các điều ước quốc tế và các đạo luật được ban hành trước đó.

II. HIẾN PHÁP CỦA CỘNG HOÀ PHÁP

(Ngày 4 tháng 10 năm 1958)

Ghi chú:

Từ khi có hiệu lực đến nay⁴⁴, Hiến pháp của Cộng hoà Pháp đã qua 15 lần sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là từ năm 1992 trở lại đây, cùng với quá trình xây dựng Liên minh châu Âu, hầu như năm nào Pháp cũng tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Tuy nhiên, trong tất cả các lần sửa đổi Hiến pháp, chỉ có lần sửa đổi năm 1962 là lần sửa đổi quan trọng nhất, chuyển sang áp dụng chế độ bầu cử Tổng thống theo nguyên tắc trực tiếp và phổ thông đầu phiếu.

Cụ thể các lần sửa đổi Hiến pháp cho đến nay như sau:

- 11/1962: Bầu Tổng thống theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu;

- 12/1963: Sửa đổi, bổ sung các quy định về kỳ họp của Nghị viện;

- 10/1974: Quy định trường hợp có thể chuyển một đạo luật thông thường sang cho Hội đồng Hiến pháp xem xét khi có đề nghị của 60 đại biểu Hạ viện hoặc 60 Thượng nghị sỹ ;

- 06/1976: Chế độ quyền Tổng thống;

- 06/1992: Bổ sung các quy định cho phép phê chuẩn Hiệp ước Maastricht (Liên minh kinh tế, tiền tệ; quyền bỏ phiếu của các công dân Châu Âu tại các cuộc bầu cử Hội đồng địa phương; chính sách chung về thị thực); vấn đề về tiếng Pháp; các đạo luật về tổ chức liên quan đến các lãnh thổ hải ngoại; các nghị quyết của Nghị viện về các văn bản của Liên minh châu Âu;

- 07/1993: Trách nhiệm hình sự của các Bộ trưởng (thành

⁴⁴. Bản dịch này được thực hiện trên cơ sở bản Hiến pháp được bổ sung lần cuối cùng vào năm 2000.

lập Toà án công lý Cộng hoà) ;

- 11/1993: Sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền cư trú;*
- 08/1995: Quy định về kỳ họp thường kỳ duy nhất của Nghị viện (kéo dài từ ngày làm việc thứ nhất của tháng 10 năm trước đến ngày làm việc cuối cùng của tháng 6 năm sau); sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền miễn trừ của các thành viên Nghị viện; mở rộng các trường hợp sử dụng hình thức trưng cầu ý kiến nhân dân;*
- 02/1996: Bổ sung các quy định về các đạo luật tạo nguồn vốn cho Quỹ bảo đảm xã hội;*
- 07/1998: Các quy định về tương lai của lãnh thổ Tân Đảo;*
- 01/1999: Bổ sung các quy định cho phép phê chuẩn Hiệp ước Am-xtéc-đam;*
- 07/1999: Bổ sung các quy định về thừa nhận thẩm quyền của Toà án hình sự quốc tế; bổ sung các quy định về quyền bình đẳng giữa nam và nữ;*
- 10/2000: Quy định nhiệm kỳ Tổng thống là 5 năm, thay vì 7 năm như trước đây.*

Bản Hiến pháp năm 1958 của Cộng hoà Pháp còn dẫn chiếu đến hai văn bản khác: Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ngày 26 tháng 8 năm 1789 và phần Lời nói đầu của Hiến pháp ngày 27 tháng 10 năm 1946 (Hiến pháp nền Cộng hoà thứ IV). Các quy định tại hai văn bản này đều có giá trị áp dụng như Hiến pháp.

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân dân Pháp trình trọng tuyên bố thiết tha gắn bó với các quyền con người và các nguyên tắc chủ quyền thuộc về nhân dân như đã được quy định trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1789, được khẳng định và bổ sung trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946.

Trên cơ sở các nguyên tắc này và nguyên tắc quyền tự quyết của các dân tộc, Nhà nước Cộng hoà Pháp tạo điều kiện cho các lãnh thổ hải ngoại tự nguyện gia nhập Cộng hoà Pháp, xây dựng các thiết chế mới trên cơ sở lý tưởng chung về tự do, bình đẳng, bác ái và nhằm phát huy dân chủ tại các lãnh thổ đó.

Điều 1

Nhà nước Pháp là một Nhà nước Cộng hoà thống nhất, phi tôn giáo, dân chủ và xã hội. Mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật không phân biệt nguồn gốc xuất thân, sắc tộc, tôn giáo. Mọi tín ngưỡng đều được tôn trọng.

CHƯƠNG I CHỦ QUYỀN

Điều 2

Ngôn ngữ của nước Cộng hoà Pháp là tiếng Pháp.

Quốc kỳ của nước Cộng hoà Pháp là cờ ba màu xanh, trắng, đỏ.

Quốc ca của nước Cộng hoà Pháp là bài “Mác-xây-e”.

Khẩu hiệu của nước Cộng hoà Pháp là Tự do - Bình đẳng - Bác ái.

Nguyên tắc của nước Cộng hoà Pháp là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Điều 3

Chủ quyền quốc gia thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện chủ quyền của mình thông qua đại diện và thông qua con đường trưng cầu ý kiến nhân dân.

Không một cá nhân hay nhóm người nào được giành quyền thực hiện chủ quyền quốc gia.

Việc bầu cử có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp theo những điều kiện do Hiến pháp quy định. Bầu cử luôn thực hiện theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng và phiếu kín.

Mọi công dân Pháp đã thành niên, không phân biệt giới tính, được hưởng đầy đủ các quyền dân sự và chính trị đều là cử tri theo các điều kiện do pháp luật quy định.

Pháp luật giành cho phụ nữ và nam giới các điều kiện ngang nhau trong việc ứng cử vào các chức vụ và nhiệm kỳ dân cử.

Điều 4

Các đảng phái và các tổ chức chính trị giành quyền lực qua kết quả bầu cử. Các đảng phái và các tổ chức chính trị được tự do thành lập và hoạt động trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc về chủ quyền quốc gia và dân chủ.

Các đảng phái và các tổ chức chính trị góp phần vào việc thực hiện nguyên tắc quy định tại khoản cuối, điều 3 theo các điều kiện do pháp luật quy định.

CHƯƠNG II TỔNG THỐNG

Điều 5

Tổng thống đảm bảo sự tuân thủ Hiến pháp. Bằng vai trò trọng tài, Tổng thống đảm bảo hoạt động bình thường của các cơ quan công quyền, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động của Nhà nước.

Tổng thống là người đảm bảo cho độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ và tôn trọng các điều ước quốc tế.

Điều 6

Tổng thống được bầu cho nhiệm kỳ 5 năm theo nguyên tắc phổ thông, trực tiếp.

Các thể thức áp dụng điều khoản này được quy định trong một đạo luật về tổ chức⁴⁵.

Điều 7

Tổng thống được bầu theo đa số tuyệt đối tổng số phiếu bầu. Nếu sau vòng bỏ phiếu thứ nhất không đạt được đa số tuyệt đối, thì vào ngày chủ nhật thứ hai tiếp sau sẽ tiến hành bỏ phiếu vòng hai. Chỉ hai ứng cử viên giành nhiều phiếu nhất trong vòng một mới được đề cử tham dự vòng hai.

Việc bỏ phiếu được tổ chức theo sự triệu tập của Chính phủ.

Việc bầu cử Tổng thống mới phải được tổ chức chậm nhất là 20 ngày, sớm nhất là 50 ngày trước ngày hết nhiệm kỳ của Tổng thống đương nhiệm.

Trong trường hợp Tổng thống khuyết vì bất cứ lý do gì hoặc không thể thực hiện được chức năng của mình, thì các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng thống, trừ các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các điều 11 và 12 dưới đây, sẽ tạm thời do Chủ tịch Thượng viện thực hiện; nếu Chủ tịch Thượng viện cũng không thể thực hiện được, thì các nhiệm vụ, quyền hạn đó

⁴⁵ Các văn bản luật của Pháp được chia làm hai loại : “*Loi organique*” (Tạm dịch là “*Luật về tổ chức*”) và “*Loi ordinaire*” (Tạm dịch là “*Luật thông thường*”). Thủ tục xây dựng và thông qua “*Luật về tổ chức*” phức tạp hơn thủ tục xây dựng và thông qua “*Luật thông thường*”. “*Luật về tổ chức*” có hiệu lực cao hơn “*Luật thông thường*” nhưng thấp hơn Hiến pháp. Trong các phần sau của bản Hiến pháp, tùy từng trường hợp có thể dùng cụm từ “*Luật về tổ chức*” hoặc “*Đạo luật về tổ chức*”, nhưng đều là một. Các điều kiện và thể thức thông qua một đạo luật về tổ chức được quy định tại điều 46 của bản Hiến pháp này.

sẽ do Chính phủ thực hiện. Việc xác nhận tình trạng Tổng thống không thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình thuộc thẩm quyền của Hội đồng Hiến pháp quyết định theo đa số tuyệt đối và trên cơ sở có đề nghị của Chính phủ.

Trong trường hợp khuyết Tổng thống hoặc trong trường hợp có quyết định xác nhận của Hội đồng Hiến pháp về việc Tổng thống vĩnh viễn không thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình, thì việc bỏ phiếu để bầu Tổng thống mới phải được tổ chức, trừ trường hợp bất khả kháng theo sự xác nhận của Hội đồng Hiến pháp, trong thời hạn sớm nhất là 20 ngày, chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày bắt đầu khuyết Tổng thống hoặc kể từ ngày có quyết định xác nhận của Hội đồng Hiến pháp về việc Tổng thống vĩnh viễn không thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong trường hợp có ứng cử viên đã tuyên bố công khai ra tranh cử Tổng thống trong thời hạn dưới 30 ngày trước ngày hết hạn giới thiệu ứng cử viên mà lại chết hoặc rơi vào tình trạng không thể tham gia tranh cử được nữa trong khoảng thời gian 7 ngày trước ngày hết hạn giới thiệu ứng cử viên, Hội đồng Hiến pháp có quyền quyết định hoãn cuộc bầu cử.

Hội đồng Hiến pháp cũng quyết định hoãn cuộc bầu cử trong trường hợp trước khi diễn ra vòng bỏ phiếu thứ nhất mà có ứng cử viên chết hoặc không thể tham gia tranh cử được nữa.

Trong trường hợp một trong hai ứng cử viên có ưu thế nhất trong vòng đầu chết hoặc rơi vào tình trạng không thể tranh cử được nữa mà trước đó người này lại chưa tuyên bố rút khỏi cuộc bầu cử, thì Hội đồng Hiến pháp có quyền quyết định tổ chức lại một lần nữa toàn bộ cuộc bầu cử; Hội đồng Hiến pháp cũng có quyền quyết định như vậy trong trường hợp một trong hai ứng cử viên còn lại tranh cử vòng bỏ phiếu thứ hai chết hoặc rơi vào tình trạng không thể tranh cử được nữa.

Hội đồng Hiến pháp tham gia giải quyết các vấn đề về bầu cử Tổng thống theo các điều kiện quy định tại khoản 2, điều 61 dưới đây hoặc theo các điều kiện quy định trong đạo luật về tổ chức nêu tại điều 6 trên đây.

Hội đồng Hiến pháp có quyền kéo dài thêm các thời hạn quy định tại khoản 3 và khoản 5, điều này, nhưng việc bỏ phiếu phải được tiến hành chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng Hiến pháp. Nếu việc áp dụng các quy định tại khoản này làm hoãn cuộc bầu cử cho đến sau ngày hết nhiệm kỳ của Tổng thống đương nhiệm, thì Tổng thống đương nhiệm sẽ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình cho đến ngày bầu được người kế nhiệm.

Các quy định tại điều 49, 50 và 89 của Hiến pháp này không được áp dụng cho thời gian khuyết Tổng thống cũng như cho thời gian từ khi có quyết định xác nhận việc Tổng thống vĩnh viễn không thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ đến khi bầu được người kế nhiệm.

Điều 8

Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng. Tổng thống miễn nhiệm Thủ tướng khi có đơn từ chức của Chính phủ do Thủ tướng trình lên.

Theo đề nghị của Thủ tướng, Tổng thống bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên khác của Chính phủ.

Điều 9

Tổng thống chủ trì các phiên họp Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 10

Tổng thống ký quyết định ban hành các đạo luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đạo luật được chính thức thông qua được chuyển cho Chính phủ.

Trước khi hết thời hạn trên, Tổng thống có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại một lần nữa về toàn bộ hoặc một số điều khoản của đạo luật. Nghị viện không được từ chối yêu cầu thảo luận lại này.

Điều 11

Theo đề nghị của Chính phủ trong khi Nghị viện họp hoặc theo đề nghị chung của hai Viện trong Nghị viện được công bố trên Công báo, Tổng thống có quyền đưa ra trưng cầu ý kiến nhân dân các dự luật về tổ chức các cơ quan Nhà nước, cải cách chính sách kinh tế, xã hội của đất nước, dịch vụ công cộng và dự luật phê chuẩn điều ước quốc tế không có quy định trái với Hiến pháp nhưng có ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết chế Nhà nước.

Trong trường hợp việc trưng cầu ý kiến nhân dân được tổ chức trên cơ sở đề nghị của Chính phủ, thì Chính phủ phải đưa ra tuyên bố trước hai Viện để tiến hành thảo luận.

Nếu kết quả trưng cầu ý kiến nhân dân chuẩn y việc thông qua dự thảo luật, thì Tổng thống ký quyết định ban hành luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả trưng cầu ý kiến nhân dân.

Điều 12

Sau khi tham khảo ý kiến của Thủ tướng và Chủ tịch của hai Viện, Tổng thống có quyền tuyên bố giải tán Hạ viện.

Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trong thời hạn sớm nhất là 20 ngày, muộn nhất là 40 ngày kể từ ngày giải tán Hạ viện.

Hạ viện họp phiên đầu tiên vào thứ năm tuần thứ hai tiếp sau ngày bầu cử. Phiên họp này sẽ kéo dài 15 ngày nếu họp vào ngoài thời kỳ quy định cho các khoá họp thường kỳ của Hạ viện.

Không được giải tán Hạ viện một lần nữa trong năm tiếp sau tổng tuyển cử.

Điều 13

Tổng thống ký các Pháp lệnh và các Nghị định của Chính phủ đã được Hội đồng Bộ trưởng thảo luận và thông qua.

Tổng thống bổ nhiệm các chức vụ dân sự và quân sự của Nhà nước.

Các thẩm phán Toà án hành chính tối cao, Chủ nhiệm Ủy ban huân huy chương, các đại sứ, các đặc phái viên, các thẩm phán Toà kiểm toán tối cao, các tỉnh trưởng, các đại diện của Chính phủ tại các lãnh thổ hải ngoại, các tướng lĩnh quân sự, giám đốc các sở giáo dục, Vụ trưởng ở các cơ quan hành chính trung ương do Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng.

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định các chức vụ khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng thống theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng và quy định các điều kiện để Tổng thống uỷ quyền bổ nhiệm thay Tổng thống.

Điều 14

Tổng thống cử và giao quốc thư cho các đại sứ và đặc phái viên của Cộng hoà Pháp tại nước ngoài và tiếp nhận quốc thư của các đại sứ và đặc phái viên nước ngoài tại Cộng hoà Pháp.

Điều 15

Tổng thống thống lĩnh quân đội. Tổng thống chủ tọa các hội đồng và uỷ ban quốc phòng cao cấp.

Điều 16

Khi có sự đe doạ nghiêm trọng và trực tiếp đến sự tồn tại

của các thiết chế của nền Cộng hoà, độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ hay đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hoà Pháp và có sự đứt quãng trong hoạt động bình thường của các cơ quan hiến định của Nhà nước, Tổng thống có quyền áp dụng mọi biện pháp cần thiết để khắc phục, sau khi tham khảo ý kiến chính thức của Thủ tướng, Chủ tịch của hai Viện và Chủ tịch Hội đồng Hiến Pháp.

Tổng thống ra thông điệp thông báo với Quốc dân về việc áp dụng các biện pháp đó.

Các biện pháp được áp dụng đều phải nhằm mục đích đảm bảo cho các cơ quan hiến định của Nhà nước có được trong thời hạn sớm nhất các phương tiện cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Hội đồng Hiến pháp được tham khảo ý kiến về những vấn đề liên quan đến các cơ quan hiến định của Nhà nước.

Trong những trường hợp này, Nghị viện sẽ đương nhiên tiến hành phiên họp.

Hạ viện không thể bị giải tán trong thời gian Tổng thống thực hiện các quyền hạn đặc biệt.

Điều 17

Tổng thống có quyền ân xá.

Điều 18

Tổng thống quan hệ với hai Viện của Nghị viện bằng các thông điệp đọc trước hai Viện và Nghị viện không thảo luận về các thông điệp của Tổng thống.

Nếu thông điệp của Tổng thống được đưa ra trong thời gian Nghị viện không họp, thì Nghị viện phải triệu tập một phiên họp đặc biệt để nghe thông điệp của Tổng thống.

Điều 19

Trừ các văn bản quy định tại các điều 8 (khoản 1), 11, 12, 16, 18, 54, 56 và 61 của Hiến pháp này, các văn bản khác của Tổng thống phải có tiếp ký của Thủ tướng, và trong trường hợp cần thiết, của các Bộ trưởng hữu quan.

CHƯƠNG III CHÍNH PHỦ

Điều 20

Chính phủ xây dựng và thực hiện chính sách quốc gia.

Chính phủ nắm giữ, điều hành hệ thống hành chính và các lực lượng vũ trang.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Nghị viện trong những điều kiện và theo các thủ tục quy định tại các điều 49 và 50.

Điều 21

Thủ tướng điều hành hoạt động của Chính phủ. Thủ tướng chịu trách nhiệm về quốc phòng. Thủ tướng bảo đảm việc chấp hành pháp luật. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 13, Thủ tướng thực hiện quyền ban hành các văn bản dưới luật và bổ nhiệm các chức vụ dân sự và quân sự.

Thủ tướng có thể ủy quyền cho các Bộ trưởng thực hiện một số quyền hạn của mình.

Trong một số trường hợp, Thủ tướng thay Tổng thống chủ trì các Hội đồng và các Ủy ban quy định tại điều 15.

Trong trường hợp đặc biệt, Thủ tướng có thể thay thế Tổng thống chủ trì cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng với điều kiện có ủy quyền của Tổng thống và có một chương trình nghị sự cụ thể.

Điều 22

Trong trường hợp cần thiết, các văn bản của Thủ tướng phải có tiếp ký của các Bộ trưởng chịu trách nhiệm thi hành văn bản đó.

Điều 23

Thành viên của Chính phủ không được đồng thời kiêm nhiệm nhiệm kỳ Nghị sỹ, chức vụ đại diện quốc gia của các tổ chức nghề nghiệp, chức vụ công hay mọi hoạt động nghề nghiệp khác.

Một đạo luật về tổ chức quy định cụ thể các điều kiện để thay thế những người được bầu vào các chức vụ dân cử đang giữ các chức vụ công hoặc tư nêu trên.

Việc thay thế các thành viên của Nghị viện được thực hiện theo các quy định tại Điều 25.

CHƯƠNG IV NGHỊ VIỆN

Điều 24

Nghị viện bao gồm Hạ viện và Thượng viện.

Hạ nghị sỹ được bầu theo hình thức trực tiếp.

Thượng viện được bầu theo hình thức gián tiếp. Thượng viện thực hiện chức năng đại diện cho các cộng đồng lãnh thổ địa phương của Cộng hoà Pháp. Người Pháp cư trú ở ngoài nước Pháp cũng có đại diện trong Thượng viện.

Điều 25

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định về nhiệm kỳ của mỗi Viện trong Nghị viện, số lượng thành viên, chế độ phụ cấp, điều kiện ứng cử, các trường hợp không được ứng cử và các trường hợp bất khả kiêm nhiệm.

Đạo luật này cũng quy định các điều kiện bầu người tạm thời thay thế Hạ nghị sỹ hoặc Thượng nghị sỹ khuyết cho đến khi bầu mới toàn bộ hoặc một phần Viện có đại biểu khuyết đó.

Điều 26

Thành viên Nghị viện không thể bị truy tố, điều tra, bắt giữ, xét xử vì những ý kiến phát biểu khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thành viên của Nghị viện chỉ bị áp dụng biện pháp bắt giữ hay biện pháp hạn chế tự do trong lĩnh vực hình sự khi có sự cho phép của Thường vụ Hạ viện hoặc Thường vụ Thượng viện nơi thành viên đó trực thuộc. Trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc đã có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Toà án thì không cần có sự cho phép này.

Biện pháp tạm giam, biện pháp hạn chế tự do hay truy tố đối với một thành viên của Nghị viện sẽ bị tạm đình chỉ trong thời gian Nghị viện họp nếu có yêu cầu từ một trong hai Viện này nơi người đó trực thuộc.

Hạ viện hoặc Thượng viện sẽ đương nhiên họp phiên bổ sung để quyết định về việc áp dụng các quy định tại khoản trên.

Điều 27

Mọi sự uỷ quyền mang tính áp đặt đối với Nghị sỹ đều vô hiệu.

Quyền bỏ phiếu biểu quyết của thành viên Nghị viện là quyền mang tính cá nhân.

Trong trường hợp đặc biệt, thành viên Nghị viện có thể uỷ quyền biểu quyết của mình cho người khác theo quy định của một đạo luật về tổ chức. Trong trường hợp này, một người chỉ được nhận uỷ quyền của một thành viên Nghị viện là tối đa.

Điều 28

Nghị viện họp kỳ thường lệ bắt đầu vào ngày làm việc đầu tiên của tháng mười và kết thúc vào ngày làm việc cuối cùng của tháng sáu.

Số ngày họp của kỳ họp thường lệ của mỗi Viện không được vượt quá 120 ngày. Mỗi Viện chủ động xác định các tuần tiến hành phiên họp.

Sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hạ viện hoặc Chủ tịch Thượng viện, Thủ tướng hoặc đa số thành viên trong Hạ viện hoặc Thượng viện có quyền quyết định về tổ chức các ngày họp thêm.

Ngày giờ, thời gian họp được quy định trong Quy chế hoạt động của mỗi Viện.

Điều 29

Nghị viện họp kỳ họp bất thường theo một chương trình nghị sự cụ thể, trên cơ sở có đề nghị của Thủ tướng hoặc của đa số thành viên của Hạ viện.

Trong trường hợp kỳ họp bất thường được tổ chức theo đề nghị của các thành viên của Hạ viện, thì kỳ họp sẽ phải bế mạc ngay khi Nghị viện đã thảo luận hết các vấn đề trong chương trình nghị sự đã xác định khi triệu tập kỳ họp bất thường và chậm nhất là sau 12 ngày kể từ ngày khai mạc.

Thủ tướng là người duy nhất có quyền yêu cầu triệu tập một kỳ họp mới của Nghị viện trong thời hạn một tháng kể từ khi kỳ họp bất thường bế mạc.

Điều 30

Ngoài các trường hợp Nghị viện họp đương nhiên, các kỳ họp bất thường khác đều phải được triệu tập, khai mạc và bế mạc theo quyết định của Tổng thống.

Điều 31

Các thành viên Chính phủ được tham dự kỳ họp của hai Viện, được phát biểu ý kiến nếu có yêu cầu.

Thành viên Chính phủ có thể có sự hỗ trợ của các cố vấn Chính phủ.

Điều 32

Chủ tịch Hạ viện được bầu cho suốt nhiệm kỳ Hạ viện. Chủ tịch Thượng viện được bầu mỗi khi tiến hành bầu mới một phần thành viên của Thượng viện.

Điều 33

Các phiên họp của Hạ viện và Thượng viện được tổ chức công khai. Toàn văn báo cáo phiên họp được đăng Công báo.

Theo đề nghị của Thủ tướng hoặc của 10% số thành viên, Hạ viện hoặc Thượng viện có thể tổ chức phiên họp kín.

CHƯƠNG V

QUAN HỆ GIỮA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ VIỆN

Điều 34

Luật do Nghị viện biểu quyết thông qua.

Luật quy định các vấn đề sau đây:

- Các quyền dân sự, các bảo đảm cơ bản cho công dân thực hiện các quyền tự do công cộng của mình; nghĩa vụ về người và tài sản của công dân phục vụ nhiệm vụ quốc phòng;

- Quốc tịch, nhân thân, năng lực pháp luật, năng lực hành vi, chế độ sở hữu tài sản trong hôn nhân, thừa kế, định đoạt tài sản;

- Quy định các tội phạm hình sự và hình phạt kèm theo; thủ tục tố tụng hình sự; đại xá; thành lập các ngạch toà án mới ;

quy chế thẩm phán;

- Các nguồn thu thuế, thuế suất và phương thức thu thuế các loại; chế độ phát hành tiền tệ.

Luật cũng quy định các vấn đề liên quan đến:

- Chế độ bầu cử Nghị viện và các Hội đồng dân cử địa phương;

- Thành lập các loại đơn vị sự nghiệp công;

- Các bảo đảm cơ bản cho công chức dân sự và quân sự của Nhà nước;

- Quốc hữu hoá các doanh nghiệp; chuyển quyền sở hữu doanh nghiệp từ khu vực Nhà nước sang khu vực tư nhân.

Luật quy định các nguyên tắc cơ bản về:

- Tổ chức nền quốc phòng nói chung;

- Quyền tự chủ trong quản lý của các chính quyền địa phương, thẩm quyền và các nguồn thu của chính quyền địa phương;

- Giáo dục;

- Chế độ sở hữu; quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực dân sự và thương mại;

- Pháp luật lao động, pháp luật công đoàn và bảo đảm xã hội.

Các đạo luật về tài chính quy định về các nguồn thu và các khoản chi tiêu của Nhà nước theo các điều kiện và thể thức quy định trong một đạo luật về tổ chức.

Các đạo luật về tạo nguồn vốn cho Quỹ bảo hiểm xã hội quy định các điều kiện chung về cân đối tài chính của Quỹ, xác định các mục đích chi tiêu của Quỹ trên cơ sở dự toán nguồn

thu theo các điều kiện và thể thức quy định trong một đạo luật về tổ chức.

Các đạo luật về chương trình hoạt động quy định các mục tiêu trong hoạt động kinh tế, xã hội của Nhà nước.

Các quy định tại điều này sẽ được cụ thể hoá và bổ sung bằng một đạo luật về tổ chức.

Điều 35

Nghị viện có quyền tuyên bố chiến tranh.

Điều 36

Tình trạng giới nghiêm được ban hành sau khi đã đưa ra thảo luận và thông qua tại Hội đồng Bộ trưởng.

Việc kéo dài thời hạn áp dụng tình trạng giới nghiêm quá 12 ngày phải có sự cho phép của Nghị viện.

Điều 37

Các vấn đề khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản dưới luật.

Đối với các văn bản ban hành dưới hình thức văn bản của cơ quan lập pháp điều chỉnh các vấn đề này, thì việc sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ ban hành sau khi có ý kiến thuận của Toà án hành chính tối cao. Đối với các văn bản dạng này mà được ban hành sau khi Hiến pháp này có hiệu lực, thì việc sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định của Chính phủ chỉ được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng Hiến pháp xác nhận các văn bản đó có tính chất là văn bản dưới luật theo quy định tại khoản trên.

Điều 38

Để thực hiện chương trình hoạt động của mình, Chính phủ có thể yêu cầu Nghị viện cho phép ban hành Pháp lệnh quy

định việc áp dụng trong một thời gian nhất định các biện pháp thông thường thuộc phạm vi điều chỉnh của luật.

Các Pháp lệnh này được ban hành sau khi đã đưa ra thảo luận tại Hội đồng Bộ trưởng và sau khi có ý kiến của Toà án hành chính tối cao. Pháp lệnh có hiệu lực ngay khi công bố và đương nhiên hết hiệu lực nếu dự luật phê chuẩn Pháp lệnh đó không được trình lên Nghị viện trong thời hạn mà đạo luật cho phép ban hành Pháp lệnh ấn định.

Hết thời hạn quy định tại Khoản 1, Điều này, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Pháp lệnh về các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của luật chỉ có thể được thực hiện bằng một văn bản luật.

Điều 39

Thủ tướng và các thành viên Nghị viện đều có quyền đưa ra sáng kiến ban hành luật.

Các dự thảo luật được đưa ra thảo luận tại Hội đồng Bộ trưởng sau khi có ý kiến của Toà án hành chính tối cao và được trình lên Thường vụ Hạ viện hoặc Thường vụ Thượng viện. Các dự thảo luật về tài chính phải được trình Hạ viện trước. Các dự thảo luật về tài chính và các dự thảo luật về tạo vốn cho Quỹ bảo hiểm xã hội cũng được trình Hạ viện trước.

Điều 40

Các đề xuất sửa đổi, bổ sung do thành viên Nghị viện đưa ra sẽ không được chấp nhận nếu việc thông qua các đề xuất sửa đổi, bổ sung đó có hệ quả làm giảm nguồn lực của Nhà nước, tạo ra hoặc làm tăng thêm khoản chi của Nhà nước.

Điều 41

Nếu trong quá trình xây dựng và ban hành luật, có một đề xuất sửa đổi, bổ sung do thành viên Nghị viện đưa ra không

thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hoặc trái với các quy định về uỷ quyền tại điều 38, Chính phủ có thể không chấp nhận đề xuất sửa đổi, bổ sung đó.

Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Chính phủ và Chủ tịch Hạ viện hoặc Chủ tịch Thượng viện, Hội đồng Hiến pháp giải quyết trong thời hạn 8 ngày, theo đề nghị của Chính phủ hoặc của một trong hai Viện trên.

Điều 42

Hạ viện hoặc Thượng viện nhận được dự thảo luật trước thì sẽ tiến hành thảo luận về dự thảo đó trên cơ sở văn bản dự thảo do Chính phủ trình.

Viện nào nhận được văn bản dự thảo luật đã được Viện kia thông qua rồi thì tiến hành thảo luận về dự thảo luật trên cơ sở văn bản dự thảo đã được thông qua đó.

Điều 43

Dự án luật được chuyển cho Ủy ban có liên quan nghiên cứu, xem xét khi có yêu cầu của Chính phủ hoặc của một trong hai Viện đã nhận được dự án luật đó.

Dự án luật mà không có đề nghị của Chính phủ hoặc một trong hai Viện sẽ được chuyển cho một trong những Ủy ban chuyên trách của Hạ viện hoặc của Thượng viện. Số lượng Ủy ban chuyên trách của mỗi Viện không quá sáu uỷ ban.

Điều 44

Thành viên Nghị viện và Chính phủ có quyền trình dự án sửa đổi, bổ sung.

Chính phủ có quyền phản đối việc nghiên cứu, xem xét dự án sửa đổi, bổ sung ngay cả khi việc thảo luận về dự án đã được bắt đầu, nếu trước đó dự án chưa được trình lên Ủy ban có liên quan.

Nếu Chính phủ có yêu cầu, Hạ viện hoặc Thượng viện sẽ tiến hành một lần biểu quyết duy nhất về một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản đưa ra thảo luận trên cơ sở chỉ giữ lại những sửa đổi, bổ sung được Chính phủ đề xuất hoặc chấp nhận.

Điều 45

Dự án luật được lần lượt đưa ra xem xét, thảo luận tại hai Viện của Nghị viện để thông qua được một văn bản thống nhất.

Trong trường hợp do có ý kiến khác nhau giữa Hạ viện và Thượng viện mà sau hai lần xem xét, thảo luận tại mỗi Viện, dự án luật vẫn không được thông qua hoặc trong trường hợp mỗi Viện mới xem xét một lần mà Chính phủ tuyên bố tính cấp thiết phải ban hành dự án luật đó, thì Thủ tướng có quyền đề nghị một Ủy ban hỗn hợp có thành phần ngang số giữa Hạ viện và Thượng viện chịu trách nhiệm soạn thảo, đề xuất một văn bản về các quy định vẫn còn có ý kiến khác nhau.

Văn bản do Ủy ban hỗn hợp soạn thảo có thể được Chính phủ trình hai Viện phê duyệt. Mọi sửa đổi, bổ sung đều không được chấp nhận trừ trường hợp có sự đồng ý của Chính phủ.

Nếu Ủy ban hỗn hợp không đạt tới việc thông qua một văn bản chung hoặc nếu văn bản được thông qua không phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản trên, thì sau khi văn bản đã được Hạ viện và Thượng viện xem xét, thảo luận lại một lần nữa, Chính phủ có quyền yêu cầu Hạ viện đưa ra quyết định cuối cùng. Trong trường hợp này, Hạ viện có thể sử dụng văn bản do Ủy ban hỗn hợp soạn thảo hoặc văn bản cuối cùng mà mình đã bỏ phiếu biểu quyết trên cơ sở thêm vào, nếu cần, các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Thượng viện thông qua.

Điều 46

Việc biểu quyết thông qua và sửa đổi, bổ sung các đạo luật có tính chất là luật về tổ chức theo quy định của Hiến pháp được thực hiện theo những quy định sau đây.

Viện đầu tiên nhận được dự án luật chỉ được tiến hành thảo luận và biểu quyết sau khi hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự án được trình lên.

Thủ tục quy định tại Điều 45 cũng được áp dụng. Tuy nhiên, nếu giữa hai Viện không đạt được thoả thuận, thì văn bản chỉ được Hạ viện thông qua lần cuối nếu đạt được đa số tuyệt đối tổng số thành viên của Hạ viện nhất trí thông qua.

Các đạo luật về tổ chức liên quan đến Thượng viện phải được cả hai Viện thống nhất thông qua.

Các đạo luật về tổ chức chỉ được ban hành sau khi có tuyên bố của Hội đồng Hiến pháp về tính phù hợp với Hiến pháp của các đạo luật đó.

Điều 47

Nghị viện biểu quyết về các dự án luật về tài chính theo các điều kiện quy định trong một đạo luật về tổ chức.

Nếu Hạ viện không đưa ra ý kiến lần đầu trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày dự án luật được trình lên, thì Chính phủ có quyền đưa dự án ra trước Thượng viện xem xét và cho ý kiến trong thời hạn 15 ngày. Các bước tiếp theo tiến hành theo các điều kiện quy định tại Điều 45.

Nếu Nghị viện không đưa ra ý kiến trong thời hạn 70 ngày, thì các quy định của dự án luật có thể được ban hành dưới hình thức Pháp lệnh.

Nếu đạo luật về tài chính quy định các khoản thu chi trong năm tài chính không được trình trong thời hạn cần thiết để có thể được ban hành trước khi bắt đầu năm tài chính đó, thì

trong thời hạn sớm nhất, Chính phủ phải yêu cầu Nghị viện cho phép thu các loại thuế và thực hiện các khoản chi (dưới hình thức ban hành Nghị định) có liên quan đến các hoạt động đã được biểu quyết thông qua.

Các thời hạn quy định tại Điều này sẽ bị tạm đình chỉ trong thời gian Nghị viện không họp.

Toà kiểm toán hỗ trợ Nghị viện và Chính phủ kiểm tra việc thực hiện các đạo luật về tài chính.

Điều 47-1

Nghị viện biểu quyết về các dự án luật về tạo vốn cho Quỹ bảo hiểm xã hội theo các điều kiện quy định tại một đạo luật về tổ chức.

Nếu Hạ viện không có ý kiến lần đầu trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày trình dự án, thì Chính phủ có quyền trình dự án lên Thượng viện xem xét và cho ý kiến trong thời hạn 15 ngày. Các bước tiếp theo được tiến hành theo các điều kiện quy định tại Điều 45.

Nếu Nghị viện không cho ý kiến trong thời hạn 50 ngày, các quy định tại dự án luật có thể được ban hành dưới hình thức Pháp lệnh.

Các thời hạn quy định tại điều này sẽ bị tạm đình chỉ trong thời gian Nghị viện không họp và trong những tuần mà Hạ viện hoặc Thượng viện quyết định không tổ chức các buổi họp của mình theo quy định tại Khoản 2, Điều 28.

Toà kiểm toán giúp Nghị viện và Chính phủ kiểm tra việc thực hiện các đạo luật về tạo vốn cho Quỹ bảo hiểm xã hội.

Điều 48

Các nội dung trong chương trình nghị sự của hai Viện thuộc Nghị viện được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên do Chính phủ

xác định, bao gồm việc thảo luận về các dự án luật do Chính phủ trình và các dự luật của thành viên Nghị viện đưa vào và được Chính phủ chấp nhận.

Mỗi tuần ít nhất phải ưu tiên giành một buổi họp để các Nghị sỹ chất vấn và thành viên Chính phủ trả lời chất vấn.

Mỗi tháng phải ưu tiên giành một buổi họp để xem xét các vấn đề theo chương trình nghị sự do mỗi Viện xác định.

Điều 49

Sau khi Hội đồng Bộ trưởng đã thảo luận và ra nghị quyết, Thủ tướng thay mặt Chính phủ chịu trách nhiệm trước Hạ viện về chương trình hoạt động của Chính phủ hoặc về tuyên bố chính sách chung của Chính phủ.

Hạ viện xem xét trách nhiệm của Chính phủ qua bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ. Thủ tục bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ chỉ được chấp nhận khi có chữ ký của ít nhất 10% số thành viên Hạ viện. Việc bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ chỉ được tổ chức sau 48 giờ kể từ lúc trình kiến nghị. Khi kiểm phiếu, chỉ cần tính các phiếu thuận không tín nhiệm Chính phủ và việc bất tín nhiệm Chính phủ được thông qua khi đạt đa số phiếu của các thành viên của Hạ viện. Trong trường hợp quy định tại khoản dưới đây, trong một kỳ họp thường lệ của Hạ viện, một thành viên Nghị viện không thể đứng tên đề xuất quá ba kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ và, trong kỳ họp bất thường của Hạ viện, thì không thể quá một kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ.

Sau khi Hội đồng Bộ trưởng thảo luận và ra nghị quyết, Thủ tướng thay mặt Chính phủ chịu trách nhiệm trước Hạ viện về việc biểu quyết thông qua văn bản. Trong trường hợp này, văn bản coi như đã được thông qua trừ trường hợp có kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ đưa ra trong thời hạn 24 giờ sau đó và đã được biểu quyết thông qua theo các điều kiện quy

định tại khoản trên.

Thủ tướng có quyền yêu cầu Thượng viện phê duyệt tuyên bố chính sách chung của Chính phủ.

Điều 50

Trong trường hợp Hạ viện bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ hoặc không phê duyệt chương trình hành động hoặc tuyên bố chính sách chung của Chính phủ, Thủ tướng phải đệ đơn từ chức của Chính phủ lên Tổng thống.

Điều 51

Việc bế mạc kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp bất thường sẽ đương nhiên được hoãn lại để cho phép áp dụng các quy định tại Điều 49 trong trường hợp cần thiết. Các buổi họp bổ sung cũng được đương nhiên tiến hành nhằm phục vụ mục đích này.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU ƯỚC VÀ HIỆP ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 52

Tổng thống đàm phán và phê chuẩn các điều ước quốc tế.

Tổng thống được thông tin đầy đủ về việc đàm phán, ký kết các thoả thuận quốc tế không cần phải phê chuẩn.

Điều 53

Việc phê chuẩn hoặc phê duyệt phải được thực hiện bằng một đạo luật đối với các điều ước hay hiệp ước quốc tế sau đây:

- Điều ước hoà bình;
- Điều ước về thương mại;
- Điều ước hay hiệp ước về tổ chức quốc tế;
- Điều ước liên quan đến tài chính của Nhà nước;
- Điều ước làm thay đổi quy định pháp luật trong nước;

- Điều ước liên quan đến nhân thân của con người;
- Điều ước về chuyển nhượng, trao đổi, sáp nhập lãnh thổ.

Các điều ước trên chỉ có hiệu lực sau khi được phê chuẩn hoặc phê duyệt.

Việc chuyển nhượng, trao đổi, sáp nhập lãnh thổ sẽ không có giá trị pháp lý nếu không có sự đồng ý của người dân trên lãnh thổ đó.

Điều 53-1

Đối với các quốc gia châu Âu cùng tham gia với Cộng hoà Pháp vào các cam kết trong lĩnh vực cư trú, bảo vệ quyền con người và các tự do cơ bản, Cộng hoà Pháp có thể ký kết với các quốc gia này các hiệp ước quy định thẩm quyền của mỗi bên trong việc xem xét các đơn xin cư trú.

Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp đơn xin cư trú không thuộc phạm vi thẩm quyền của mình theo quy định tại các điều ước trên, các cơ quan chức năng của Cộng hoà Pháp vẫn có quyền cho phép cư trú tạm thời đối với người nước ngoài bị truy bức do hoạt động vì tự do hoặc đề nghị được sự bảo hộ của Cộng hoà Pháp vì một lý do khác.

Điều 53-2

Cộng hoà Pháp có thể thừa nhận quyền tài phán của Tòa án hình sự quốc tế theo các điều kiện quy định tại Công ước ký ngày 18 tháng 7 năm 1998.

Điều 54

Trong trường hợp, trên cơ sở có đề nghị của Tổng thống, Thủ tướng, Chủ tịch Hạ viện hoặc Chủ tịch Thượng viện hoặc của 60 Hạ nghị sỹ hoặc 60 Thượng nghị sỹ, Hội đồng Hiến pháp tuyên bố một cam kết quốc tế có điều khoản trái với Hiến pháp, thì cam kết quốc tế đó chỉ được phê chuẩn hoặc phê duyệt sau khi đã tiến hành sửa đổi Hiến pháp.

Điều 55

Điều ước hoặc hiệp ước quốc tế đã được phê chuẩn hoặc phê duyệt theo đúng quy định, thì ngay khi được công bố sẽ có giá trị pháp lý cao hơn luật trong nước, với điều kiện điều ước hoặc hiệp ước đó cũng được bên ký kết kia tôn trọng, áp dụng.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG HIẾN PHÁP

Điều 56

Hội đồng Hiến pháp bao gồm chín thành viên có nhiệm kỳ chín năm và không được tái nhiệm. Ba năm một lần, Hội đồng Hiến pháp tiến hành thay thế 1/3 số thành viên. Ba thành viên do Tổng thống bổ nhiệm, ba thành viên do Chủ tịch Hạ viện bổ nhiệm và ba thành viên do Chủ tịch Thượng viện bổ nhiệm.

Bên cạnh chín thành viên nêu trên, các Tổng thống mãn nhiệm đương nhiên là thành viên suốt đời của Hội đồng Hiến pháp.

Chủ tịch Hội đồng Hiến pháp do Tổng thống bổ nhiệm. Trong trường hợp số phiếu của các thành viên ngang nhau, phiếu của Chủ tịch có giá trị quyết định.

Điều 57

Người đã là thành viên của Hội đồng Hiến pháp thì không được đồng thời kiêm nhiệm Bộ trưởng hoặc thành viên của Nghị viện. Các trường hợp bất khả kiêm nhiệm khác được quy định trong một đạo luật về tổ chức.

Điều 58

Hội đồng Hiến pháp đảm bảo cho cuộc bầu cử Tổng thống được tiến hành hợp lệ.

Hội đồng Hiến pháp xem xét, giải quyết các khiếu nại và công bố kết quả bầu cử.

Điều 59

Trong trường hợp có khiếu nại, Hội đồng Hiến pháp có quyền xem xét về tính hợp lệ của cuộc bầu cử Hạ viện và Thượng viện.

Điều 60

Hội đồng Hiến pháp đảm bảo cho các hoạt động trung cầu ý kiến nhân dân được tiến hành hợp lệ và tuyên bố kết quả trung cầu ý kiến nhân dân.

Điều 61

Các đạo luật về tổ chức, trước khi được ban hành, và các Quy chế hoạt động của Hạ viện và Thượng viện, trước khi được áp dụng, phải trình lên Hội đồng Hiến pháp để xem xét tính hợp hiến của các văn bản đó.

Đối với các đạo luật khác, trước khi được ban hành, cũng có thể được trình lên Hội đồng Hiến pháp để xem xét tính hợp hiến khi có yêu cầu của Tổng thống, Thủ tướng, Chủ tịch Hạ viện, Chủ tịch Thượng viện hoặc 60 Hạ nghị sỹ hoặc 60 Thượng nghị sỹ.

Trong các trường hợp quy định tại hai khoản nêu trên, Hội đồng Hiến pháp phải xem xét và cho ý kiến trong thời hạn một tháng. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu của Chính phủ, thời hạn này có thể rút lại còn 8 ngày.

Cũng trong những trường hợp trên, việc chuyển văn bản sang cho Hội đồng Hiến pháp xem xét tính hợp hiến sẽ tạm đình chỉ thời hạn ban hành văn bản.

Điều 62

Quy định bị tuyên bố không hợp hiến thì không được ban

hành và áp dụng.

Các quyết định của Hội đồng Hiến pháp không bị khiếu nại, kháng cáo, kháng nghị. Các quyết định này có hiệu lực áp dụng bắt buộc đối với tất cả các cơ quan quyền lực Nhà nước và tất cả các cơ quan hành chính và tư pháp.

Điều 63

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Hiến pháp, thủ tục và thời hạn giải quyết trước Hội đồng Hiến pháp.

CHƯƠNG VIII CƠ QUAN TƯ PHÁP

Điều 64

Tổng thống là người đảm bảo cho sự độc lập của cơ quan tư pháp.

Tổng thống có sự hỗ trợ của Hội đồng thẩm phán tối cao.

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định về quy chế thẩm phán⁴⁶.

Các thẩm phán xét xử không thể bị bãi nhiệm, thuyên chuyển.

Điều 65

Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng thẩm phán tối cao. Bộ trưởng Tư pháp là Phó chủ tịch đương nhiên của Hội đồng. Bộ trưởng Tư pháp có thể thay Tổng thống giữ quyền chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng thẩm phán tối cao bao gồm hai Ủy ban, một Ủy ban phụ trách các thẩm phán xét xử và một Ủy ban phụ trách

⁴⁶. Từ “*Magistrat*” trong tiếng Pháp tạm dịch sang tiếng Việt là “*Thẩm phán*”, nhưng có nội hàm rộng hơn từ “*Thẩm phán*” trong tiếng Việt. “*Magistrat*” bao gồm những người tốt nghiệp Trường thẩm phán quốc gia, được Tổng thống bổ nhiệm để trở thành công tố viên (“*Magistrat du parquet*”, tạm dịch là “*Thẩm phán công tố*”) hoặc thẩm phán xét xử.

các thẩm phán công tố.

Ủy ban phụ trách thẩm phán xét xử có thành phần gồm Tổng thống, Bộ trưởng Tư pháp, năm thẩm phán xét xử, một thẩm phán công tố, một thẩm phán Toà án hành chính tối cao do Toà án hành chính tối cao chỉ định, ba ủy viên không thuộc Nghị viện cũng không thuộc ngành tư pháp, do Tổng thống chỉ định một, Chủ tịch Hạ viện chỉ định một và Chủ tịch Thượng viện chỉ định một.

Ủy ban phụ trách thẩm phán công tố có thành phần gồm Tổng thống, Bộ trưởng Tư pháp, năm thẩm phán công tố, một thẩm phán xét xử, thẩm phán Toà án hành chính tối cao và ba ủy viên nêu tại khoản trên.

Ủy ban phụ trách thẩm phán xét xử đề cử người đề được bổ nhiệm làm thẩm phán Toà phá án⁴⁷, Chánh án Toà phúc thẩm và Chánh án Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng. Đối với các thẩm phán xét xử khác, việc bổ nhiệm được thực hiện trên cơ sở có ý kiến thuận của Ủy ban.

Ủy ban thực hiện thẩm quyền của Hội đồng kỷ luật đối với các thẩm phán xét xử. Với tư cách là Hội đồng kỷ luật, Ủy ban có chủ tịch là Chánh án Toà phá án.

Ủy ban phụ trách thẩm phán công tố có quyền cho ý kiến đối với việc bổ nhiệm các thẩm phán công tố, trừ trường hợp bổ nhiệm vào các vị trí công tác được đưa ra thảo luận và quyết định tại Hội đồng Bộ trưởng.

Ủy ban cho ý kiến về các biện pháp kỷ luật đối với thẩm phán công tố. Khi thực hiện chức năng này, Ủy ban có chủ tịch là Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Toà phá án.

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định các điều kiện áp dụng điều khoản này.

⁴⁷. Toà phá án : Toà án tối cao thuộc ngành xét xử tư pháp của Cộng hoà Pháp.

Điều 66

Một người không thể bị bắt giữ khi không có căn cứ pháp luật.

Cơ quan tư pháp, với tư cách là người bảo vệ cho tự do cá nhân, đảm bảo sự tuân thủ nguyên tắc này theo các điều kiện do pháp luật quy định.

CHƯƠNG IX TOÀ ÁN CÔNG LÝ TỐI CAO

Điều 67

Tại nước Cộng hoà Pháp có thành lập một Toà án công lý tối cao.

Thành viên của Toà án công lý tối cao bao gồm các Hạ nghị sỹ và các Thượng nghị sỹ có số lượng ngang nhau do Hạ viện và Thượng viện bầu ra. Việc bầu thành viên Toà án công lý tối cao được tiến hành mỗi khi bầu mới một phần hoặc toàn bộ thành viên của Hạ viện và Thượng viện. Các thành viên của Toà bầu ra Chánh án trong số các thành viên đó.

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định về thành phần của Toà án công lý tối cao, quy chế hoạt động và thủ tục tố tụng trước Toà án công lý tối cao.

Điều 68

Tổng thống chỉ chịu trách nhiệm về các hành vi thực hiện trong khi thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình nếu các hành vi đó cấu thành tội đại phản quốc. Tổng thống chỉ bị đưa ra xét xử theo quyết định thống nhất của cả hai Viện trong Nghị viện. Quyết định này phải được biểu quyết công khai và phải đạt được đa số tuyệt đối tổng số phiếu của các thành viên của Nghị viện; Tổng thống do Toà án công lý tối cao xét xử.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

Điều 68-1

Thành viên Chính phủ chịu trách nhiệm hình sự về các hành vi thực hiện trong khi thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng theo quy định pháp luật vào thời điểm thực hiện hành vi đó.

Thành viên Chính phủ do Toà án công lý Cộng hoà xét xử.

Toà án công lý Cộng hoà phải căn cứ vào định nghĩa tội phạm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng cũng như các khung hình phạt luật định để xét xử.

Điều 68-2

Toà án công lý Cộng hoà bao gồm 15 thẩm phán, trong đó 12 người là thành viên của Nghị viện, một nửa do Hạ viện bầu trong số các Hạ nghị sỹ, một nửa do Thượng viện bầu trong số các Thượng nghị sỹ và 3 người là thẩm phán xét xử của Toà pháp án, một trong ba thẩm phán này sẽ làm Chánh án Toà án công lý Cộng hoà. Việc bầu các thành viên Nghị viện làm thẩm phán Toà án công lý Cộng hoà được tiến hành mỗi khi bầu mới một phần hay toàn bộ thành viên của hai Viện trong Nghị viện.

Người nào bị thiệt hại do hành vi phạm tội của thành viên Chính phủ gây ra trong khi thi hành công vụ có quyền gửi đơn kiện lên một Ủy ban giải quyết đơn thư khiếu nại.

Ủy ban này có quyền quyết định đình chỉ vụ việc hoặc chuyển hồ sơ sang Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Toà phá

án để khởi tố trước Toà án công lý Cộng hoà.

Trên cơ sở ý kiến thuận của Ủy ban giải quyết đơn thư khiếu nại, Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Toà phá án có quyền chủ động khởi tố trước Toà án công lý Cộng hoà.

Một đạo luật về tổ chức sẽ hướng dẫn chi tiết thi hành các quy định tại Điều này.

Điều 68-3

Các quy định tại chương này được áp dụng đối với cả các hành vi thực hiện trước khi chương này có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG XI HỘI ĐỒNG KINH TẾ, XÃ HỘI

Điều 69

Khi có yêu cầu của Chính phủ, Hội đồng kinh tế, xã hội cho ý kiến về các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định cũng như cho ý kiến về các dự án luật do Nghị viện soạn thảo và gửi xin ý kiến Hội đồng kinh tế, xã hội.

Hội đồng kinh tế, xã hội có thể chỉ định một người trong số các thành viên của mình để trình bày ý kiến của Hội đồng trước hai Viện của Nghị viện về dự thảo văn bản có liên quan.

Điều 70

Hội đồng kinh tế, xã hội cũng có thể được Chính phủ tham khảo ý kiến về mọi vấn đề kinh tế, xã hội. Mọi kế hoạch hoạt động, dự thảo luật về chương trình hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội đều phải có ý kiến của Hội đồng kinh tế, xã hội.

Điều 71

Một đạo luật về tổ chức sẽ quy định thành phần và quy chế hoạt động của Hội đồng kinh tế, xã hội.

CHƯƠNG XII

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LÃNH THỔ

ĐỊA PHƯƠNG

Điều 72

Các đơn vị hành chính lãnh thổ hiến định của Cộng hoà Pháp bao gồm xã, tỉnh và các lãnh thổ hải ngoại. Các đơn vị hành chính lãnh thổ khác được thành lập theo luật.

Các đơn vị hành chính lãnh thổ này được quản lý theo hình thức tự quản bởi các Hội đồng dân cư địa phương và theo các điều kiện do pháp luật quy định.

Trong mỗi tỉnh và mỗi lãnh thổ đều có một đại diện của Chính phủ chịu trách nhiệm đảm bảo cho lợi ích quốc gia, kiểm tra về mặt hành chính và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật.

Điều 73

Chế độ lập pháp và cơ cấu tổ chức hành chính của các tỉnh hải ngoại được áp dụng các biện pháp điều chỉnh cần thiết cho phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của các tỉnh này.

Điều 74

Các lãnh thổ hải ngoại của Cộng hoà Pháp có cơ cấu tổ chức đặc thù phù hợp với lợi ích riêng trên cơ sở hài hoà với lợi ích chung của quốc gia.

Quy chế của các lãnh thổ hải ngoại được xây dựng, sửa đổi, bổ sung dưới hình thức một đạo luật về tổ chức được ban hành sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng dân cư của lãnh thổ có liên quan. Quy chế này chủ yếu quy định về thẩm quyền của các thiết chế riêng của lãnh thổ hải ngoại đó.

Các quy định khác về cơ cấu tổ chức đặc thù của các lãnh

thổ hải ngoại được xây dựng, sửa đổi, bổ sung dưới hình thức một đạo luật thông thường được ban hành sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng dân cử của lãnh thổ có liên quan.

Điều 75

Đối với các công dân của Cộng hoà Pháp không được hưởng quy chế công dân chung quy định tại Điều 34, Hiến pháp này, thì vẫn duy trì quy chế nhân thân riêng của mình chừng nào chưa từ bỏ quy chế đó.

CHƯƠNG XIII CÁC QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN LÃNH THỔ TÂN ĐẢO

Điều 76

Trong thời hạn đến trước ngày 31 tháng 12 năm 1998, nhân dân Tân Đảo sẽ phải bỏ phiếu cho biết ý kiến về các quy định của Hiệp ước ký ngày 5 tháng 5 năm 1998 tại Nouméa và công bố ngày 27 tháng 5 năm 1998 trên Công báo của nước Cộng hoà Pháp.

Chỉ những người thoả mãn các điều kiện quy định tại điều 2, Đạo luật số 88-1028, ngày 9 tháng 11 năm 1988 mới được tham gia bỏ phiếu.

Việc áp dụng các biện pháp cần thiết cho tổ chức bỏ phiếu được quyết định theo Nghị định của Chính phủ thông qua sau khi đã thảo luận tại Hội đồng Bộ trưởng và có ý kiến thuận của Tham chính viện.

Điều 77

Sau khi Hiệp ước được nhân dân Tân Đảo thông qua theo quy định tại Điều 76, một đạo luật về tổ chức sẽ được ban hành

trên cơ sở có tham khảo ý kiến của Hội đồng dân cử của Tân Đảo và quy định về các vấn đề sau đây nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Tân Đảo trên cơ sở tôn trọng những định hướng chung quy định trong Thoả thuận và theo những thể thức cần thiết cho việc thực hiện Thoả thuận đó:

- Những thẩm quyền của Nhà nước Trung ương sẽ được vĩnh viễn chuyển giao cho các thiết chế của Tân Đảo; tiến độ cũng như phương thức chuyển giao thẩm quyền; việc phân bổ trách nhiệm ngân sách xuất phát từ sự chuyển giao này;

- Quy chế tổ chức, hoạt động của các thiết chế của Tân Đảo; những trường hợp văn bản của Hội đồng dân cử của Tân Đảo phải được trình cho Hội đồng Hiến pháp xem xét trước khi được công bố ban hành;

- Các quy định về quy chế công dân, chế độ bầu cử, các chức vụ dân sự theo tập quán;

- Điều kiện và thời hạn tiến hành tham khảo ý kiến của người dân Tân Đảo về việc tiếp nhận và thực hiện toàn bộ chủ quyền của lãnh thổ mình.

Các biện pháp khác cần thiết cho việc thực hiện Thoả thuận quy định tại Điều 76 được quy định dưới hình thức đạo luật thông thường.

(Điều 78 đến 87 đã bị hủy bỏ)

CHƯƠNG XIV CÁC HIỆP ƯỚC LIÊN MINH

Điều 88

Cộng hoà Pháp ký kết các Hiệp ước với các quốc gia khác muốn liên minh với Pháp để cùng phát triển nền văn minh của mình.

CHƯƠNG XV

CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Điều 88-1

Cộng hoà Pháp tham gia vào Cộng đồng châu Âu và Liên minh châu Âu, là hai thực thể bao gồm các quốc gia tự nguyện, trên cơ sở các điều ước thiết lập nên Cộng đồng châu Âu và Liên minh châu Âu, cùng nhau thực hiện một số thẩm quyền chung trong số các thẩm quyền quốc gia.

Điều 88-2

Trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại và theo những thể thức quy định tại Hiệp ước về Liên minh châu Âu ký ngày 7 tháng 2 năm 1992, Cộng hoà Pháp cam kết chuyển giao một số thẩm quyền cần thiết cho việc thành lập Liên minh kinh tế, tiền tệ châu Âu.

Cũng với những điều kiện như trên và theo những thể thức quy định tại Hiệp ước thành lập Cộng đồng châu Âu (văn bản ký ngày 2 tháng 10 năm 1997), nước Pháp có thể chuyển giao một số thẩm quyền cần thiết cho việc xây dựng quy chế về tự do đi lại của công dân và về các vấn đề có liên quan.

Điều 88-3

Trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại và theo những thể thức quy định tại Hiệp ước về Liên minh châu Âu ký ngày 7 tháng 2 năm 1992, chỉ các công dân của Liên minh châu Âu sinh sống trên lãnh thổ Pháp mới có quyền bỏ phiếu và ứng cử tại các cuộc bầu cử Hội đồng địa phương. Các công dân này không có quyền thực hiện các chức năng thị trưởng, phó thị trưởng, không được tham gia chỉ định các cử tri đi bầu Thượng viện, không được tham gia bầu Thượng viện. Một đạo luật về tổ chức được hai Viện của Nghị viện thống nhất thông qua sẽ hướng dẫn chi tiết thi hành các quy định tại điều này.

Điều 88-4

Khi chuyển cho Hội đồng châu Âu các dự thảo văn bản của Cộng đồng châu Âu và Liên minh châu Âu có chứa đựng các quy định thuộc lĩnh vực lập pháp, thì Chính phủ cũng phải chuyển các dự thảo văn bản đó cho Hạ viện và Thượng viện. Chính phủ có quyền trình Hạ viện và Thượng viện các dự thảo văn bản khác hoặc các tài liệu khác của một thiết chế của Liên minh châu Âu.

Theo các thể thức được quy định trong Quy chế hoạt động của Hạ viện và Thượng viện, có thể tiến hành biểu quyết thông qua nghị quyết ngoài thời gian họp của Nghị viện về các dự thảo văn bản và tài liệu quy định tại khoản trên.

CHƯƠNG XVI SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 89

Tổng thống, theo đề nghị của Thủ tướng, và các thành viên của Nghị viện có quyền đưa ra sáng kiến sửa đổi Hiến pháp.

Dự thảo sửa đổi Hiến pháp phải được cả hai Viện thông nhất thông qua. Nội dung sửa đổi Hiến pháp chỉ chính thức có hiệu lực sau khi được nhân dân thông qua trong khuôn khổ một cuộc trưng cầu ý kiến nhân dân.

Tuy nhiên, sẽ không phải đưa dự thảo sửa đổi Hiến pháp ra trưng cầu ý kiến nhân dân khi Tổng thống có quyết định đưa dự thảo ra Nghị viện được triệu tập cả hai Viện họp chung một phiên để xem xét, thông qua; trong trường hợp này, dự thảo sửa đổi Hiến pháp chỉ được thông qua khi đạt được 3/5 số phiếu ủng hộ trong tổng số phiếu biểu quyết. Thường vụ Hạ viện đóng vai trò Ủy ban thường trực của Đại hội chung của

Nghị viện.

Không được tiến hành hoặc tiếp tục tiến hành thủ tục sửa đổi Hiến pháp nếu điều đó vi phạm đến sự toàn vẹn lãnh thổ.

Hình thức chính thể Cộng hoà của Cộng hoà Pháp không thể bị sửa đổi.

CHƯƠNG XVII

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

(Bãi bỏ)

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

I. KHÁI QUÁT VỀ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA⁴⁸

1. Tên nước: Cách viết đầy đủ là Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (*Zhonghua Renmin Gonghe Guo*), viết ngắn gọn là Trung Quốc.

2. Thủ đô: Bắc Kinh (Beijing).

3. Ngày Quốc khánh: Ngày 01 tháng 10.

4. Quốc kỳ: Quốc kỳ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là cờ đỏ và năm ngôi sao, trong đó, có một ngôi sao vàng năm cánh lớn và bốn ngôi sao vàng năm cánh nhỏ hơn (được sắp xếp theo hình vòng cung hướng về tâm lá cờ) ở góc bên trái phía trên.

5. Diện tích: Tổng diện tích: 9.596.960 km².

6. Dân số: 1,330,044,544 (tháng 07 năm 2008).

7. Kiểu nhà nước: Mô hình nhà nước Xã hội chủ nghĩa.

8. Phân chia hành chính: Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là một Nhà nước đơn nhất gồm 22 tỉnh, 5 vùng tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương.

Các tỉnh bao gồm: An Huy, Hà Bắc, Sơn Tây, Liêu Linh, Cát Lâm, Hắc Long Giang, Tô Châu, Phúc Kiến, Giang Tây, Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông, Hải Nam, Tứ Xuyên, Quảng Châu, Vân Nam, Thiểm Tây, Cát Hải, Chiết Giang, Cam Túc.

⁴⁸. Thông tin tại phần này được tổng hợp từ trang thông tin Từ điển bách khoa mở Wikipedia và the World Factbook của Centre Intelligence Agency.

Năm vùng tự trị: Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, khu tự trị Nội Mông Cổ, khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ, khu tự trị dân tộc Duy ngô nhĩ Tân Cương, và khu tự trị Tây Tạng.

Bốn thành phố trực thuộc Trung ương: Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Trùng Khánh.

Ngoài ra, Trung Quốc có hai đặc khu hành chính là Hồng Kông và Ma Cao.

9. Đảng chính trị: Trung Quốc có một đảng chính trị lớn đang cầm quyền là Đảng cộng sản Trung Quốc. Ngoài ra còn có một số đảng nhỏ khác.

10. Độ tuổi được tham gia bầu cử: Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đủ 18 tuổi không phân biệt dân tộc, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, thành phần gia đình, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ giáo dục, tình hình tài chính, giới hạn cư trú đều có quyền bầu cử và ứng cử; trừ những người mà theo quy định của pháp luật bị tước quyền chính trị.

11. Hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật Trung Quốc phỏng theo hệ thống luật dân sự của Châu Âu. Dân luật Trung Quốc là sự hỗn hợp giữa pháp luật của hệ thống dân luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

12. Bộ máy nhà nước

i) Ngành lập pháp

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là cơ quan quyền lực cao nhất, có khoảng 3.000 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc họp mỗi năm một kỳ trong khoảng thời gian gần 2 tuần vào mùa xuân và thực hiện

các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản như: 1) Sửa đổi Hiến pháp; 2) Giám sát việc thực thi Hiến pháp, 3) Ban hành và sửa đổi các đạo luật cơ bản về các lĩnh vực hình sự, dân sự và tổ chức bộ máy nhà nước; 4) Bầu và phê chuẩn các chức danh lãnh đạo Nhà nước; 5) Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, các kế hoạch phát triển kinh tế, thành lập hoặc bãi bỏ các tỉnh, các khu tự trị, các khu hành chính đặc biệt; 6) Giám sát hoạt động của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc; Quốc vụ viện, Hội đồng Quân ủy Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trong thời gian giữa các kỳ họp, Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của Đại hội. Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc có 150 thành viên có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

ii) Ngành hành pháp

Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là nguyên thủ Quốc gia. Chủ tịch nước và Phó chủ tịch nước do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm.

Quốc Vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa còn gọi là chính phủ nhân dân trung ương là cơ quan hành pháp nhà nước cao nhất, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Nhiệm kỳ của Quốc vụ viện trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Thủ tướng lãnh đạo công tác Quốc Vụ viện. Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện không giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ.

iii) Ngành tư pháp

Tòa án nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là cơ quan xét xử của nhà nước. Nước Cộng hòa nhân dân Trung

Hoa thành lập Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân các cấp địa phương, các Toà chuyên môn và Toà quân sự.

Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất trong hệ thống tư pháp của Trung Quốc. Các thẩm phán của Toà án nhân dân tối cao do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bổ nhiệm. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan công tố cao nhất của Trung Quốc. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bổ nhiệm.

II. HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Được thông qua ngày 04/02/1982, có hiệu lực từ 04/12/1982)

LỜI NÓI ĐẦU

Trung Quốc là một trong những quốc gia có lịch sử lâu đời nhất trên thế giới. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc đã cùng nhau xây dựng nên một nền văn hoá huy hoàng, sán lạn, với truyền thống cách mạng quang vinh.

Từ sau năm 1840, nước Trung Quốc phong kiến từng bước trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Nhân dân Trung Quốc tiếp bước thế hệ đi trước, anh dũng đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc và tự do dân chủ.

Thế kỷ 20, Trung Quốc đã xảy ra sự thay đổi lịch sử long trời lở đất.

Năm 1911, Tôn Trung Sơn lãnh đạo cách mạng Tân Hợi lật đổ chế độ phong kiến, thành lập nước Trung Hoa dân quốc. Nhưng nhiệm vụ lịch sử của nhân dân Trung Quốc đánh bại chủ nghĩa đế quốc và phong kiến vẫn chưa hoàn thành.

Năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc do lãnh tụ Mao Trạch Đông lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Quốc tiến hành đấu tranh vũ trang và các hình thức đấu tranh khác trong cuộc trường chinh gian khổ, cuối cùng đã lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, giành thắng lợi vĩ đại cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới, thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Từ đó nhân dân Trung Quốc nắm được quyền lực nhà nước, trở thành chủ nhân quốc gia.

Sau khi thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc từng bước thực hiện chủ nghĩa dân chủ mới quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đã hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa

đổi với chế độ tư hữu tư liệu sản xuất, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thành lập chế độ xã hội chủ nghĩa, lấy cơ sở là chuyên chính dân chủ nhân dân với nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, trên thực tế, chuyên chính giai cấp vô sản được củng cố và phát triển. Nhân dân Trung Quốc và quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã đánh thắng chủ nghĩa đế quốc, đánh thắng sự xâm lược của chủ nghĩa bá quyền, chiến tranh phá hoại và vũ trang đẫm máu, bảo vệ độc lập, an ninh quốc gia, tăng cường an ninh quốc phòng. Về mặt kinh tế, đã giành được những thành tựu vô cùng quan trọng, hình thành tương đối hoàn chỉnh hệ thống công nghiệp XHCN, sản xuất nông nghiệp nâng cao rõ rệt. Các sự nghiệp giáo dục, khoa học, văn hoá... phát triển mạnh mẽ. Việc giáo dục tư tưởng XHCN giành được thành tựu rõ rệt. Đời sống của phần lớn bộ phận dân cư được cải thiện đáng kể.

Sự thắng lợi của cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới Trung Quốc và những thành tựu của sự nghiệp XHCN do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Quốc dưới sự dẫn dắt của lý luận Mác- Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông kiên trì chân lý, sửa chữa sai lầm, gian khổ đấu tranh và giành được thắng lợi. Từ nay về sau, nhiệm vụ căn bản của nước ta là tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại hoá XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc sẽ tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, với sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Mao Trạch Đông kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách đổi mới, không ngừng hoàn thiện các mặt của chế độ XHCN, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ phấn đấu, từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, xây dựng đất nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ văn minh.

Ở nước ta, giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, nhưng đấu tranh giai cấp vẫn còn tồn tại trong một phạm vi và thời gian nhất định. Nhân dân Trung Quốc vẫn cần tiến hành đấu tranh với các thế lực phản động trong và ngoài nước, đấu tranh với phần tử chống đối nhằm phá hoại chế độ XHCN ở nước ta.

Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất tổ quốc là trách nhiệm thiêng liêng của nhân dân cả nước Trung Quốc trong đó bao gồm đồng bào Đài Loan.

Sự nghiệp xây dựng XHCN phải dựa vào giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức đoàn kết tất cả các lực lượng có thể đoàn kết. Trong quá trình lâu dài của cách mạng và xây dựng đã kết thành các đảng phái dân chủ và các đoàn thể nhân dân tham gia, do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo được toàn thể nhân dân lao động XHCN, người yêu nước XHCN và chiến tuyến thống nhất của đông đảo người yêu nước ủng hộ. Chiến tuyến thống nhất tiếp tục được củng cố và phát triển. Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc là tổ chức mặt trận yêu nước thống nhất rộng rãi, từng phát huy tác dụng quan trọng trong lịch sử. Từ nay về sau, trong đời sống chính trị cả nước, đời sống xã hội và trong các hoạt động đối ngoại hoà bình, trong sự nghiệp tiến hành xây dựng hiện đại hoá XHCN, trong đấu tranh thống nhất và đoàn kết bảo vệ nhà nước, sẽ từng bước phát huy các tác dụng quan trọng khác.

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là quốc gia đa dân tộc thống nhất, do cộng đồng các dân tộc trong cả nước tạo nên, xác lập quan hệ dân tộc XHCN bình đẳng, đoàn kết tương trợ lẫn nhau và quan hệ đó tiếp tục được tăng cường. Trong quá trình đấu tranh bảo vệ đoàn kết dân tộc, phản đối chủ nghĩa đại dân tộc, chủ yếu là chủ nghĩa dân tộc đại Hán, phản đối chủ nghĩa dân tộc địa phương. Nhà nước cố gắng hết sức để thúc đẩy sự phồn vinh giữa các dân tộc trên cả nước.

Thành tựu cách mạng và xây dựng Trung Quốc là không tách rời khỏi sự ủng hộ của nhân dân toàn thế giới. Tương lai của Trung Quốc có mối quan hệ mật thiết với tương lai của thế giới. Trung Quốc kiên trì chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ, kiên trì 5 nguyên tắc chung sống hoà bình, tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, phát triển quan hệ ngoại giao và kinh tế, giao lưu văn hoá với các nước, kiên trì chống lại chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa thực dân, tăng cường đoàn kết nhân dân các nước trên thế giới, ủng hộ nhân dân các nước đang phát triển và các dân tộc bị áp bức trong sự nghiệp chính nghĩa, giành lấy và bảo vệ nền độc lập, phát triển kinh tế dân tộc, nỗ lực để bảo vệ hoà bình thế giới và thúc đẩy sự tiến bộ của loài người.

Bản hiến pháp này dùng hình thức pháp luật xác nhận thành quả đấu tranh của nhân dân các dân tộc Trung Quốc. quy định chế độ và nhiệm vụ căn bản của nhà nước, là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Nhân dân các dân tộc trong cả nước, tất cả các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các chính đảng và đoàn thể xã hội, các tổ chức sự nghiệp, các doanh nghiệp đều phải lấy Hiến pháp làm tiêu chuẩn xử sự căn bản trong hoạt động của mình và có trách nhiệm trong việc bảo vệ sự tôn nghiêm của Hiến pháp, bảo đảm Hiến pháp được thi hành.

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Thể chế nhà nước

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là nhà nước xã hội chủ nghĩa của chuyên chính dân chủ nhân dân, với nền tảng là liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ cơ bản của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Chính thể nhà nước

Tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua cơ quan đại diện là Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương.

Nhân dân dựa vào quy định pháp luật, thông qua cách thức và hình thức quản lý công việc nhà nước, quản lý các ngành kinh tế và văn hoá, quản lý công việc xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Các cơ quan nhà nước nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp đều chịu trách nhiệm trước nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Cơ quan hành chính, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát

đều do Đại hội Đại biểu nhân dân bầu ra, chịu trách nhiệm, và chịu sự giám sát của cơ quan này.

Sự phân cấp chức năng, quyền hạn của cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương phải tuân theo sự lãnh đạo thống nhất từ trung ương dựa trên nguyên tắc phát huy đầy đủ tính chủ động, tích cực của địa phương.

Điều 4. Chính sách dân tộc

Các dân tộc đang sinh sống trên đất nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa hoàn toàn bình đẳng. Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các dân tộc thiểu số, bảo vệ và phát triển sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị và áp bức dân tộc thiểu số, nghiêm cấm hành vi phá hoại sự đoàn kết, gây chia rẽ các dân tộc.

Nhà nước dựa vào đặc điểm và yêu cầu của các dân tộc thiểu số, giúp đỡ các khu vực dân tộc thiểu số nhanh chóng phát triển kinh tế và văn hoá.

Địa phương tập trung các dân tộc thiểu số sinh sống thực hiện chế độ khu tự trị, xây dựng cơ quan tự trị, thi hành quyền tự trị. Địa phương tự trị các dân tộc là bộ phận không thể tách rời của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Các dân tộc đều có quyền tự do sử dụng và phát triển tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, có quyền tự do giữ gìn hoặc thay đổi phong tục tập quán của mình.

Điều 5. Sự tôn nghiêm và thống nhất của pháp chế

Nhà nước bảo vệ sự thống nhất và tôn nghiêm của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tất cả quy phạm pháp luật, văn bản pháp quy hành chính và văn bản pháp quy mang tính địa phương đều không được trái với hiến pháp.

Tất cả các cơ quan nhà nước và lực lượng vũ trang, các đảng phái chính trị và đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đều phải tuân thủ hiến pháp và pháp luật. Mọi hành vi vi phạm hiến pháp và pháp luật, đều bị truy cứu.

Hành vi của mọi tổ chức hoặc cá nhân đều không được vượt quá quy định của hiến pháp và pháp luật.

Điều 6. Chế độ công hữu và nguyên tắc phân phối theo lao động

Cơ sở của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể quần chúng lao động.

Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thực hiện nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động.

Điều 7. Kinh tế quốc doanh

Kinh tế quốc doanh là kinh tế dựa trên sở hữu toàn dân xã hội chủ nghĩa, là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Nhà nước bảo đảm sự ổn định và phát triển của kinh tế quốc doanh.

Điều 8. Kinh tế tập thể

Công xã nhân dân nông thôn, hợp tác sản xuất nông nghiệp và các hình thức hợp tác kinh tế khác như sản xuất, dịch

vụ, tín dụng, tiêu dùng, là chế độ kinh tế tập thể của quần chúng lao động XHCN. Người lao động tham gia vào tổ chức kinh tế tập thể nông thôn, có quyền kinh doanh trên đất phần trăm, diện tích rừng phần trăm, nghề phụ gia đình, trồng trọt chăn nuôi trong phạm vi quy định của pháp luật.

Các hình thức hợp tác kinh tế giữa các ngành công nghiệp thủ công, công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, dịch vụ... ở các thành phố thị trấn đều là kinh tế sở hữu tập thể quần chúng lao động xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức kinh tế tập thể ở thành phố, thị trấn, khuyến khích, chỉ đạo, và giúp đỡ việc phát triển kinh tế tập thể.

Điều 9. Tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên như khoáng sản, nguồn nước, rừng, đồi núi, thảo nguyên, đất hoang, đầm lầy... đều thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân. Ngoài ra, các tài nguyên rừng, đồi núi, đồng cỏ, đất hoang do pháp luật quy định thuộc sở hữu tập thể.

Nhà nước bảo đảm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ động, thực vật quý hiếm. Nghiêm cấm mọi tổ chức hoặc cá nhân dùng bất cứ thủ đoạn nào chiếm đoạt hoặc phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

Điều 10. Chế độ đất đai

Đất đai ở thành phố thuộc sở hữu nhà nước.

Đất đai ở nông thôn, ngoại ô thành phố, ngoài do pháp luật quy định thuộc sở hữu nhà nước, thì thuộc sở hữu tập thể, đất ở, đất phần trăm, diện tích đất đồi núi phần trăm đều thuộc

sở hữu tập thể.

Nhà nước căn cứ vào nhu cầu lợi ích công cộng, có thể tiến hành trưng dụng đất đai theo quy định của pháp luật.

Mọi tổ chức hoặc cá nhân không được chiếm đoạt, mua bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng đất đai dưới các hình thức trái quy định pháp luật.

Mọi tổ chức và cá nhân phải sử dụng đất đai hợp lý.

Điều 11. Kinh tế phi công hữu

Kinh tế cá thể của người lao động thành phố thị trấn trong phạm vi quy định của pháp luật là sự bổ sung của kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể.

Nhà nước quản lý hành chính, chỉ đạo, giúp đỡ và giám sát kinh tế cá thể.

Điều 12. Nguyên tắc không xâm phạm tài sản công cộng

Tuyệt đối không xâm phạm tài sản công hữu thiêng liêng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước bảo vệ tài sản công xã hội chủ nghĩa. Nghiêm cấm mọi tổ chức hoặc cá nhân dùng bất cứ thủ đoạn nào chiếm đoạt hoặc phá hoại tài sản nhà nước và tập thể.

Điều 13. Bảo vệ tài sản thuộc sở hữu tư nhân

Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu nhà cửa và các tài sản được hình thành từ nguồn thu nhập và tích lũy hợp pháp của công dân.

Nhà nước dựa vào các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền thừa kế tư nhân về tài sản công dân.

Điều 14. Chế độ sản xuất, tích lũy và tiêu dùng

Nhà nước thông qua việc nâng cao tính tích cực và trình độ kỹ thuật của người lao động, đẩy mạnh khoa học kỹ thuật tiên tiến, hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế và chế độ quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện các hình thức chế độ trách nhiệm xã hội chủ nghĩa, cải tiến tổ chức lao động, không ngừng nâng cao sức sản xuất và hiệu quả kinh tế, phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Nhà nước thực hiện hợp lý việc tích lũy và tiêu dùng, chú ý toàn diện đến lợi ích quốc gia, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, trên cơ sở phát triển sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống vật chất và đời sống văn hoá của nhân dân.

Điều 15. Kinh tế kế hoạch

Nhà nước thực hiện kinh tế kế hoạch trên cơ sở công hữu xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thông qua cân bằng tổng hợp kinh tế kế hoạch và tác dụng hỗ trợ của điều tiết thị trường, bảo đảm phát triển hài hoà kinh tế quốc dân.

Nghiêm cấm tất cả các tổ chức hoặc cá nhân làm xáo trộn trật tự xã hội, phá hoại kế hoạch kinh tế nhà nước.

Điều 16. Doanh nghiệp quốc doanh

Doanh nghiệp quốc doanh phục tùng sự lãnh đạo thống nhất của nhà nước và hoàn thành kế hoạch của nhà nước, có quyền tự chủ trong quản lý kinh doanh trong phạm vi quy định pháp luật.

Doanh nghiệp quốc doanh trên cơ sở quy định pháp luật, thực hiện quản lý dân chủ thông qua Đại hội Đại biểu công nhân viên chức và các hình thức khác.

Điều 17. Doanh nghiệp tập thể

Tổ chức kinh tế tập thể chịu sự chỉ đạo của kế hoạch nhà nước và tuân thủ pháp luật có liên quan, có quyền độc lập, tự chủ tiến hành các hoạt động kinh tế.

Theo quy định của pháp luật, tổ chức kinh tế tập thể quản lý người lao động dựa trên nguyên tắc dân chủ; người lao động có quyền bầu hoặc bãi miễn người quản lý, quyết định những vấn đề quan trọng trong hoạt động quản lý kinh doanh.

Điều 18. Đầu tư nước ngoài

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cho phép doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư tại Trung Quốc, hợp tác với các doanh nghiệp Trung Quốc hoặc với các tổ chức kinh tế khác tiến hành các hình thức hợp tác kinh tế theo quy định của pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Tất cả các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài hoặc doanh nghiệp liên doanh đều phải tuân thủ pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp đều được pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa bảo vệ.

Điều 19. Sự nghiệp giáo dục

Nhà nước phát triển sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hoá, khoa học toàn dân.

Nhà nước thành lập các trường học, phổ cập giáo dục cấp tiểu học, phát triển giáo dục cấp trung học cơ sở, giáo dục dạy nghề và giáo dục phổ thông trung học, đồng thời phát triển giáo dục mầm non.

Nhà nước thực hiện phát triển các loại hình giáo dục, xoá mù chữ, tiến hành giáo dục chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ đối với công nhân, nông dân, công nhân viên chức nhà nước, và người lao động khác, khuyến khích nhân tài tự học.

Nhà nước khuyến khích tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức đơn vị sự nghiệp nhà nước và các lực lượng xã hội khác xây dựng các loại hình giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật.

Nhà nước đẩy mạnh sử dụng phổ biến tiếng phổ thông trong phạm vi cả nước.

Điều 20. Sự nghiệp khoa học

Nhà nước phát triển khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, phổ cập tri thức khoa học và kỹ thuật, khuyến khích các thành quả nghiên cứu khoa học và sáng tạo phát minh kỹ thuật.

Điều 21. Sự nghiệp vệ sinh, y tế và giáo dục thể chất

Nhà nước phát triển sự nghiệp vệ sinh y tế, phát triển ngành y tế hiện đại và y học truyền thống, khuyến khích và ủng hộ các tổ chức kinh tế tập thể nông thôn, đơn vị kinh tế, sự nghiệp nhà nước và các tổ chức dân phố (xã, phường) xây dựng cơ sở vệ sinh, y tế, triển khai hoạt động vệ sinh mang tính quần chúng, bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Nhà nước phát triển sự nghiệp giáo dục thể chất, triển khai hoạt động thể chất quần chúng, tăng cường thể chất người dân.

Điều 22. Sự nghiệp văn hoá

Nhà nước phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, phát thanh truyền hình, xuất bản, phát hành, bảo tàng văn hoá, thư viện và các sự nghiệp văn hoá khác phục vụ quần chúng nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội, triển khai hoạt động văn hoá mang tính quần chúng.

Nhà nước bảo vệ di tích lịch sử, di sản văn hoá quý giá và các di sản văn hoá lịch sử quan trọng khác.

Điều 23. Tầng lớp trí thức

Nhà nước bồi dưỡng nhân tài, nhân viên chuyên nghiệp trên mọi lĩnh vực, đội ngũ trí thức, tạo điều kiện để phát huy mạnh mẽ tác dụng của họ trong sự nghiệp hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, phục vụ chủ nghĩa xã hội.

Điều 24. Xây dựng văn minh tinh thần

Nhà nước chú trọng phổ cập, giáo dục lý tưởng, giáo dục đạo đức, giáo dục văn hoá, kỷ luật và giáo dục pháp chế, thông qua việc ban hành và chấp hành các quy tắc xử sự trong quần chúng ở phạm vi các thành phố, thị trấn, góp phần xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước nêu cao truyền thống yêu nước, dân tộc, yêu lao động, yêu khoa học, yêu chủ nghĩa xã hội, triển khai giáo dục sâu rộng trong nhân dân chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa quốc tế, chủ nghĩa cộng sản, tiến hành giáo dục chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, phản đối chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phong kiến và tư tưởng lạc hậu khác.

Điều 25. Sinh đẻ kế hoạch

Nhà nước áp dụng sinh đẻ kế hoạch, điều chỉnh sự tăng trưởng dân số phù hợp với sự phát triển xã hội và kinh tế.

Điều 26. Đời sống, môi trường sinh thái

Nhà nước bảo vệ và cải thiện cuộc sống và môi trường sống, phòng chống ô nhiễm và các hoạt động công ích khác.

Nhà nước tổ chức và động viên việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng.

Điều 27. Chế độ cơ quan nhà nước và cán bộ viên chức

Tất cả các cơ quan nhà nước trên nguyên tắc tinh giản, thực hiện chế độ công tác trách nhiệm, thực hiện bồi dưỡng và thi sát hạch đối với cán bộ viên chức công tác trong bộ máy nhà nước, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, chống chủ nghĩa quan liêu.

Tất cả các cơ quan nhà nước và cán bộ công nhân viên chức nhà nước phải dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, thường xuyên bảo đảm mối liên hệ mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến và kiến nghị của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và nỗ lực phục vụ nhân dân.

Điều 28. Bảo vệ trật tự xã hội

Nhà nước bảo vệ trật tự xã hội chủ nghĩa, trấn áp các hoạt động phản quốc và các hoạt động phản cách mạng khác, xử lý các hoạt động làm nguy hại đến trật tự trị an, phá hoại kinh tế xã hội chủ nghĩa, và các hoạt động tội phạm khác, trừng trị và cải tạo các phần tử phạm tội.

Điều 29. Lực lượng vũ trang

Lực lượng vũ trang nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thuộc về nhân dân, với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, chống xâm lược, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nhân dân yêu chuộng hoà bình, tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước, nỗ lực phục vụ nhân dân.

Nhà nước tăng cường xây dựng cách mạng hoá, hiện đại hoá, chính quy hoá lực lượng vũ trang, tăng cường lực lượng quốc phòng.

Điều 30. Khu vực hành chính

Các khu vực hành chính nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được phân định như sau:

1. Cả nước phân thành Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc.

2. Tỉnh, Khu tự trị phân thành Châu tự trị, Huyện, Huyện tự trị, Thành phố.

3. Huyện, Huyện tự trị phân thành Hương, Hương dân tộc, Trấn.

Thành phố trực thuộc và thành phố tương đối lớn phân thành Khu và Huyện. Châu tự trị phân thành Huyện, Huyện tự trị, Thành phố.

Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị đều là tự trị dân tộc địa phương.

Điều 31. Khu vực hành chính đặc biệt

Nhà nước trong trường hợp cần thiết có thể thành lập khu hành chính đặc biệt. Trong khu hành chính đặc biệt thi hành chế độ căn cứ theo tình hình cụ thể do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc quy định theo pháp luật.

Điều 32. Chính sách bảo vệ đối với người nước ngoài

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nước ngoài trong phạm vi biên giới nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, người nước ngoài trong lãnh thổ Trung Quốc phải tuân thủ pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Người nước ngoài vì lý do chính trị có yêu cầu nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cho cư trú, có thể được nhà nước bảo vệ quyền lợi.

CHƯƠNG 2 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Điều 33. Quyền công dân

Tất cả những người có quốc tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đều là công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Mọi công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đều bình đẳng trước pháp luật.

Tất cả quyền lợi của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định, đồng thời Hiến pháp và pháp luật quy định nghĩa vụ của công dân.

Điều 34. Quyền bầu cử và quyền ứng cử

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đủ 18 tuổi không phân biệt dân tộc, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, thành phần gia đình, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ giáo dục, tình hình tài chính, giới hạn cư trú đều có quyền bầu cử và ứng cử; trừ những người mà theo quy định của pháp luật bị tước quyền chính trị.

Điều 35. Quyền tự do chính trị cơ bản

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền tự do ngôn luận, xuất bản, lập hội, tham gia tổ chức đoàn thể, đi lại, biểu tình.

Điều 36. Quyền tự do tín ngưỡng

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo.

Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân không được cưỡng chế công dân đi theo tôn giáo hoặc từ bỏ tôn giáo, không được phân biệt, kỳ thị người có tôn giáo và người không tôn giáo.

Nhà nước bảo đảm hoạt động tôn giáo bình thường. Nghiêm cấm bất kỳ người nào lợi dụng hoạt động tôn giáo để phá hoại trật tự xã hội, tổn hại đến sức khoẻ của công dân, làm ảnh hưởng các chế độ giáo dục của nhà nước.

Đoàn thể tôn giáo và sự nghiệp tôn giáo không chịu sự chi phối của thế lực bên ngoài.

Điều 37. Quyền tự do thân thể

Quyền tự do thân thể của công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là bất khả xâm phạm.

Tất cả mọi công dân, trừ những người do Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn hoặc quyết định hoặc những người do Toà án nhân dân quyết định, và do cơ quan công an thi hành, đều không bị bắt giữ.

Nghiêm cấm các hành vi giam giữ, bắt bớ trái pháp luật hoặc hạn chế tự do thân thể công dân, nghiêm cấm việc xâm phạm thân thể công dân một cách bất hợp pháp.

Điều 38. Tôn trọng và bảo vệ danh dự

Danh dự của công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được tôn trọng và không bị xâm hại, nghiêm cấm việc làm nhục, xúc phạm, vu cáo, bức hại công dân dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 39. Quyền bất khả xâm phạm nơi ở

Nơi ở của công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa không bị xâm phạm. Nghiêm cấm các hành vi khám xét hoặc đột nhập một cách bất hợp pháp nơi ở của công dân.

Điều 40. Quyền tự do thư tín và bảo mật thư tín

Quyền tự do thư tín và bảo mật thư tín của công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được pháp luật bảo vệ. Trừ trường hợp vì lý do an ninh quốc gia hoặc do yêu cầu của việc bắt giữ tội phạm hình sự, do cơ quan công an hoặc cơ quan kiểm sát tiến hành kiểm tra căn cứ theo trình tự quy định của pháp luật, nghiêm cấm bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào, vì bất

cứ lý do gì xâm phạm quyền tự do thư tín hoặc quyền bảo mật thư tín của công dân.

Điều 41. Quyền giám sát của công dân đối với cơ quan nhà nước

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền phê bình và kiến nghị đối với bất kỳ cơ quan nhà nước hoặc nhân viên của cơ quan nhà nước; công dân có quyền khiếu nại, tố cáo hoặc tố giác đối với bất kỳ hành vi không làm tròn trách nhiệm, trái pháp luật của cơ quan nhà nước hoặc nhân viên cơ quan nhà nước, nhưng không được phép bịa đặt hoặc bẻ cong sự thật để vu cáo hãm hại.

Đối với khiếu nại, khiếu tố hoặc tố giác của công dân, cơ quan có liên quan phải điều tra rõ sự việc, có trách nhiệm xử lý. Nghiêm cấm mọi hành vi không chế, đả kích, báo thù.

Những người bị thiệt hại do cơ quan nhà nước hoặc người công tác trong cơ quan nhà nước gây ra có quyền đòi bồi thường theo các quy định pháp luật.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ lao động

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền và nghĩa vụ về lao động.

Nhà nước thông qua nhiều hình thức tạo điều kiện về việc làm, tăng cường bảo đảm việc làm, cải tạo điều kiện lao động, và trên cơ sở phát triển sức sản xuất nâng cao thu nhập của người lao động và phúc lợi đãi ngộ.

Lao động là trách nhiệm vinh quang của tất cả công dân có đầy đủ năng lực lao động. Người lao động ở trong doanh nghiệp quốc doanh và tổ chức kinh tế tập thể ở thành phố thị

trần đều phải có thái độ của người làm chủ quốc gia đối với lao động của chính mình. Nhà nước phát động thi đua, khen thưởng các điển hình lao động và các cá nhân lao động tiên tiến XHCN. Nhà nước phát động nghĩa vụ lao động việc làm đối với công dân.

Nhà nước bồi dưỡng, giáo dục dạy nghề cần thiết trước khi công dân tìm việc làm.

Điều 43. Quyền nghỉ ngơi của người lao động

Người lao động là công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền nghỉ ngơi.

Nhà nước phát triển các biện pháp nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, quy định chế độ thời gian làm việc và nghỉ ngơi của công nhân viên chức.

Điều 44. Chế độ hưu trí

Nhà nước căn cứ theo quy định của pháp luật thực hiện chế độ hưu trí đối với cán bộ công nhân viên chức làm việc tại cơ quan nhà nước và tổ chức đơn vị sự nghiệp. Cuộc sống của người nghỉ hưu được nhà nước và xã hội bảo đảm.

Điều 45. Quyền được trợ cấp khó khăn

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa nếu rơi vào tình trạng già yếu, bệnh tật, hoặc mất sức lao động, có quyền nhận được sự giúp đỡ vật chất của nhà nước và xã hội.

Nhà nước phát triển bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội, và sự nghiệp y tế nhằm phục vụ quyền lợi của công dân.

Nhà nước và xã hội bảo đảm đời sống cho thương binh,

gia đình anh hùng liệt sỹ, ưu đãi gia đình quân nhân.

Nhà nước và xã hội giúp đỡ, sắp xếp lao động, ổn định cuộc sống, giáo dục cho những công dân tàn tật như mù, điếc, câm và những công dân tàn tật khác.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ giáo dục

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền và nghĩa vụ được giáo dục.

Nhà nước tạo điều kiện để thanh niên, thiếu niên, nhi đồng phát triển toàn diện về các mặt: đạo đức, trí lực, thể chất.

Điều 47. Tự do hoạt động văn hoá

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền tự do trong việc tiến hành nghiên cứu khoa học, sáng tạo văn học nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong sự nghiệp giáo dục, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật và sự nghiệp văn hoá khác.

Điều 48. Nguyên tắc bình đẳng nam nữ

Phụ nữ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có quyền bình đẳng với nam giới trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và đời sống gia đình.

Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ, thực hiện trả lương bình đẳng giữa nam và nữ, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ nữ.

Điều 49. Chế độ hôn nhân, gia đình

Hôn nhân, gia đình, bà mẹ và trẻ em được nhà nước bảo vệ.

Hai bên vợ và chồng phải thực hiện nghĩa vụ kế hoạch hoá gia đình.

Cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục trẻ vị thành niên, người thành niên có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ.

Nghiêm cấm hành vi phá hoại tự do hôn nhân, ngược đãi người già, phụ nữ và trẻ em.

Điều 50. Bảo đảm quyền lợi của Hoa kiều, người Trung Quốc về nước

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Hoa kiều, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của kiều bào và Hoa kiều.

Điều 51. Hạn chế quyền tự do và quyền lợi công dân

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa khi thực hiện quyền tự do và quyền lợi của mình không được xâm hại đến tự do và quyền lợi hợp pháp của nhà nước, xã hội, tập thể và công dân khác.

Điều 52. Nghĩa vụ thống nhất tổ quốc và đoàn kết dân tộc

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có nghĩa vụ bảo vệ sự thống nhất Tổ quốc và đoàn kết các dân tộc trong nước.

Điều 53. Nghĩa vụ tôn trọng pháp luật

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa phải tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ bí mật quốc gia, giữ gìn tài sản công cộng, tuân thủ kỷ luật lao động, tuân thủ trật tự công cộng, tôn trọng đạo đức xã hội.

Điều 54. Nghĩa vụ bảo vệ an toàn, danh dự, lợi ích của nhà nước

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có nghĩa vụ bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia, không được có hành vi xâm hại đến sự an toàn, danh dự và lợi ích của nhà nước.

Điều 55. Nghĩa vụ bảo vệ nhà nước và nghĩa vụ quân sự

Bảo vệ tổ quốc, chống chiến tranh xâm lược là trách nhiệm thiêng liêng của mỗi công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia tổ chức dân quân theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ vinh quang của mỗi công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Điều 56. Nghĩa vụ nộp thuế

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 3
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
PHẦN THỨ NHẤT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN TOÀN QUỐC

Điều 57. Tổ chức của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và cơ quan thường trực

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là cơ quan quyền lực cao nhất. Cơ quan thường trực là Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 58. Chủ thể thực hiện quyền lập pháp của nhà nước

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc thực hiện quyền lập pháp.

Điều 59. Tổ chức và bầu cử Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc là tổ chức trong đó các đại biểu được lựa chọn từ các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc và quân đội. Tất cả các dân tộc thiểu số đều có tỷ lệ đại biểu nhất định.

Bầu cử Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc do Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc chủ trì.

Tỷ lệ đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và phương án tăng thêm số đại biểu do pháp luật quy định.

Điều 60. Nhiệm kỳ của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có nhiệm kỳ 5 năm.

Trước khi Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc kết thúc nhiệm kỳ 2 tháng, Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân

toàn quốc phải hoàn thành danh sách đại biểu ứng cử của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá sau. Trường hợp bất thường, không thể tiến hành bầu cử, Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc lấy biểu quyết đạt 2/3 số đại biểu thông qua, thì có thể kéo dài thời gian bầu cử hoặc kéo dài nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Trong thời gian đặc biệt nếu kết thúc sau 1 năm, phải hoàn thành việc bầu cử Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá mới.

Điều 61. Chế độ hội nghị Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

Hội nghị Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc mỗi năm họp 1 lần, do Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc triệu tập. Nếu đại biểu Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc thấy cần thiết hoặc có 1/5 số đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc kiến nghị, có thể triệu tập Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc lâm thời.

Điều 62. Chức năng quyền hạn của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc thực hiện các chức năng quyền hạn sau:

- (1) Sửa đổi hiến pháp;
- (2) Giám sát thực thi hiến pháp;
- (3) Ban hành và sửa đổi luật cơ bản như: Luật Hình sự, Dân sự, Cơ quan nhà nước và các luật cơ bản khác;
- (4) Bầu ra Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa;
- (5) Căn cứ vào sự giới thiệu của Chủ tịch nước quyết định bầu ra Thủ tướng; căn cứ theo giới thiệu của Thủ tướng Quốc vụ viện quyết định bầu ra Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Ủy

viên Quốc vụ viện và các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban, Tổng Kiểm toán và Ban thư ký;

(6) Bầu ra Chủ tịch Ủy ban quân sự Trung ương, căn cứ theo giới thiệu của Chủ tịch Ủy ban quân sự Trung ương quyết định bầu ra các thành viên khác của Ủy ban quân sự Trung ương;

(7) Bầu ra Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

(8) Bầu ra Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

(9) Thẩm tra và phê chuẩn báo cáo tình hình kinh tế Nhà nước, kế hoạch phát triển xã hội và kế hoạch thi hành;

(10) Thẩm tra và phê chuẩn báo cáo dự toán của nhà nước và tình hình chấp hành dự toán;

(11) Sửa đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không phù hợp của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc;

(12) Phê chuẩn quy hoạch xây dựng Tỉnh, Khu tự trị và Thành phố trực thuộc;

(13) Quyết định thành lập và quy định chế độ khác của Khu hành chính đặc biệt;

(14) Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình;

(15) Các chức năng quyền hạn khác của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Điều 63. Quyền bãi miễn của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền bãi miễn các cán bộ sau đây:

(1) Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa;

(2) Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ, các Bộ trưởng, các Chủ nhiệm Ủy ban, Tổng kiểm toán, Ban Thư ký

Quốc vụ viện;

(3) Chủ tịch và các thành viên khác trong Ủy ban quân sự Trung ương;

(4) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

(5) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 64. Sửa đổi Hiến pháp và thông qua pháp luật

Việc sửa đổi Hiến pháp do Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hoặc 1/5 đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trở lên, và do 2/3 tổng số đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trở lên biểu quyết thông qua.

Điều 65. Tổ chức và bầu cử Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc do những đại biểu sau hợp thành: Ủy viên trưởng; Một số Phó Ủy viên; Trưởng Ban Thư ký; Một số Ủy viên.

Trong số thành viên của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân có một số đại biểu là người dân tộc thiểu số theo tỉ lệ nhất định.

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền bầu và bãi miễn thành viên Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Thành viên Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không là người đảm nhiệm chức vụ cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tòa án và cơ quan kiểm sát.

Điều 66. Nhiệm kỳ của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có nhiệm kỳ trùng với Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Nhiệm kỳ đó kéo dài cho đến khi Đại hội Đại biểu nhân dân

toàn quốc khoá sau bầu ra Ủy ban thường vụ khoá mới.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch có thể giữ chức vụ liên tiếp nhưng không quá hai nhiệm kỳ.

Điều 67. Chức năng, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- (1) Giải thích Hiến pháp, giám sát thực thi Hiến pháp;
- (2) Ban hành và sửa đổi các văn bản pháp luật mà các văn bản này không do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc ban hành và sửa đổi;
- (3) Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, có thể bổ sung hoặc sửa đổi các văn bản pháp luật do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc ban hành, nhưng không được mâu thuẫn với nguyên tắc cơ bản của những văn bản pháp luật này;
- (4) Giải thích pháp luật;
- (5) Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, có thể có phương án điều chỉnh bộ phận khi cần thiết trong quá trình thi hành dự toán nhà nước, thẩm tra và phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế xã hội;
- (6) Giám sát và đôn đốc công tác của Quốc vụ viện, Ủy ban quân sự Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- (7) Bãi bỏ các văn bản pháp quy hành chính, quyết định và mệnh lệnh trái với Hiến pháp và pháp luật của Quốc vụ viện;
- (8) Bãi bỏ các văn bản pháp quy và quyết định có tính địa phương do cơ quan quyền lực nhà nước cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương ban hành trái với Hiến pháp,

pháp luật và văn bản pháp quy hành chính;

(9) Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, theo đề nghị của Thủ tướng Quốc vụ viện quyết định bầu ra các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban, Tổng kiểm toán, Trưởng Ban thư ký;

(10) Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban quân sự trung ương, quyết định bầu các thành viên khác trong Ủy ban quân sự trung ương;

(11) Theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, miễn nhiệm Phó Chánh án, Thẩm phán, Ủy viên Ủy ban thẩm phán và Chánh án Tòa án quân sự Trung ương;

(12) Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, miễn nhiệm Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên, Ủy viên Ủy ban kiểm sát và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương và phê chuẩn miễn nhiệm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc;

(13) Miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở nước ngoài;

(14) Quyết định phê chuẩn hay bãi bỏ các hiệp định quan trọng và các điều ước mà Nhà nước tham gia ký kết với nước ngoài;

(15) Quy định các chế độ hàm cấp của nhân viên ngoại giao, quân nhân và chế độ hàm cấp chuyên môn khác;

(16) Quy định và quyết định trao tặng huân chương và các tên gọi danh dự của nhà nước;

(17) Quyết định đặc xá;

(18) Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

không hợp, nếu xảy ra xâm lược vũ trang hoặc cần thiết phải tham gia vào điều ước quốc tế để chống lại sự xâm lược trong cộng đồng quốc tế, Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh;

(19) Quyết định tổng động viên toàn quốc hoặc động viên cục bộ;

(20) Quyết định giới nghiêm toàn quốc hoặc các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc;

(21) Các quyền khác mà Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trao cho.

Điều 68. Phân công công tác của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

Chủ tịch Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc làm công tác chủ trì Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, triệu tập hội nghị Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Phó Chủ tịch và Trưởng Ban thư ký giúp việc cho Chủ tịch.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng Ban thư ký tổ chức thành Ủy ban Hội nghị, xử lý công việc thường ngày quan trọng của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 69. Quan hệ giữa Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc với Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 70. Ủy ban chuyên môn và cơ quan chức năng của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc thành lập các Ủy ban chuyên môn như Ủy ban dân tộc, Ủy ban pháp luật, Ủy ban kinh tế tài chính, Ủy ban y tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, Ủy ban đối ngoại, Ủy ban Hoa kiều và các Ủy ban cần thiết khác. Trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, các Ủy ban chuyên trách chịu sự lãnh đạo của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Các Ủy ban chuyên trách dưới sự lãnh đạo của Đại hội Đại biểu nhân dân và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân nghiên cứu, xem xét và sắp xếp các đề án có liên quan.

Điều 71. Ủy ban điều tra các vấn đề quan trọng

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc nếu thấy cần thiết, có thể thành lập Ủy ban điều tra đối với các vấn đề đặc biệt và căn cứ vào báo cáo của Ủy ban điều tra, đề ra các quyết định tương ứng.

Ủy ban điều tra khi tiến hành điều tra, tất cả các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội và công dân có liên quan đều có nghĩa vụ cung cấp tài liệu cần thiết khi cơ quan này yêu cầu.

Điều 72. Quyền trình đề án

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và thành viên của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, có quyền trình các đề án trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Quyền chất vấn

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trong thời gian họp, hoặc các thành viên Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, có quyền chất vấn Quốc vụ viện, các

Bộ, các Ủy ban theo quy định và trình tự pháp luật. Cơ quan được hỏi có trách nhiệm phải trả lời.

Điều 74. Quyền miễn trừ tư pháp của đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, trừ những đại biểu thông qua đoàn chủ tịch Đại hội Đại biểu cho phép, hoặc trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, thông qua Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc cho phép, không thể bị bắt hoặc bị xét xử hình sự.

Điều 75. Quyền tự do ngôn luận và biểu quyết

Việc phát ngôn và biểu quyết của đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trong tất cả các hội nghị đều không bị pháp luật truy cứu.

Điều 76. Nghĩa vụ của đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ bí mật quốc gia và tự mình tham gia vào sản xuất, công tác, hoạt động xã hội, giúp đỡ việc thực thi Hiến pháp và pháp luật.

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân phải có mối liên hệ mật thiết với đơn vị bầu cử cũ và nhân dân, lắng nghe, phản ánh ý kiến và yêu cầu của nhân dân, nỗ lực phục vụ nhân dân.

Điều 77. Quyền giám sát và miễn trừ đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc chịu sự giám sát của đơn vị bầu cử cũ. Đơn vị bầu cử cũ có quyền bãi miễn đại biểu của đơn vị bầu cử đó theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 78. Tổ chức và trình tự công tác của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Trình tự tổ chức và công tác của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc do pháp luật quy định.

PHẦN THỨ HAI
CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

Điều 79. Bầu cử và nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước

Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc bầu ra.

Công dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đủ 45 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, thời gian liên tục giữ chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ.

Điều 80. Chức năng, quyền hạn của Chủ tịch nước

Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa căn cứ theo quyết định của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền công bố pháp luật, bãi miễn Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban, Kiểm toán trưởng, Trưởng Ban Thư ký, trao tặng các huân chương và danh hiệu danh dự, công bố lệnh đặc xá, công bố lệnh giới nghiêm, tuyên bố tình trạng chiến tranh, tuyên bố lệnh tổng động viên.

Điều 81. Chức năng, quyền hạn trong lĩnh vực ngoại giao của Chủ tịch nước

Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đại diện cho nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa tiếp nhận Quốc thư nước ngoài, theo quyết định của Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, biệt phái hoặc triệu hồi Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền ở nước ngoài, phê chuẩn hoặc bãi bỏ các hiệp định quan trọng và các điều ước quốc tế.

Điều 82. Chức năng, quyền hạn của Phó chủ tịch nước

Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa làm nhiệm vụ giúp việc cho Chủ tịch nước.

Phó Chủ tịch nước được Chủ tịch nước uỷ quyền, có thể thực hiện một phần quyền hạn của Chủ tịch.

Điều 83. Thời gian đổi khoá của Chủ tịch và Phó chủ tịch nước

Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa làm nhiệm vụ cho tới khi Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá sau bầu ra Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước khoá mới.

Điều 84. Xử lý đối với trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước

Khi chức danh Chủ tịch nước còn khuyết thì Phó Chủ tịch nước đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch nước.

Nếu khuyết chức danh Phó Chủ tịch nước thì Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc bầu cử bổ sung.

Nếu trường hợp cả Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước đều khuyết sẽ do Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc bầu bổ sung; trước khi bầu bổ sung sẽ do Chủ tịch Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc giữ chức vụ Chủ tịch nước.

PHẦN THỨ BA **QUỐC VỤ VIỆN**

Điều 85. Tính chất, địa vị của Quốc vụ viện

Quốc Vụ viện nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa còn gọi là chính phủ nhân dân trung ương là cơ quan hành pháp nhà nước cao nhất, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Điều 86. Tổ chức của Quốc vụ viện

Quốc Vụ viện có cơ cấu thành viên như sau: Thủ tướng, Một số Phó thủ tướng; Một số Ủy viên Quốc vụ viện; Bộ trưởng các Bộ; Chủ nhiệm các Ủy ban; Tổng Kiểm toán; Trưởng Ban Thư ký.

Quốc Vụ viện thi hành chế độ trách nhiệm Thủ tướng. Các Bộ, các Ủy ban thi hành chế độ trách nhiệm Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Cơ cấu tổ chức của Quốc vụ viện do pháp luật quy định.

Điều 87. Nhiệm kỳ Quốc vụ viện

Nhiệm kỳ của Quốc vụ viện trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện không giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ.

Điều 88. Phân công công tác của Quốc vụ viện

Thủ tướng lãnh đạo công tác Quốc Vụ viện. Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc Vụ viện là những người giúp việc cho Thủ tướng.

Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện, Thư ký trưởng tổ chức thành Hội nghị thường vụ Quốc vụ viện.

Thủ tướng triệu tập và chủ trì Hội nghị Thường vụ Quốc vụ viện và Hội nghị Toàn thể Quốc vụ viện.

Điều 89. Chức năng, quyền hạn của Quốc vụ viện

Quốc Vụ viện có các chức năng sau:

(1) Căn cứ theo Hiến pháp và pháp luật, quy định các biện pháp hành chính, ban hành các văn bản pháp quy hành chính, ra các quyết định và các thông tư;

(2) Trình các dự thảo đối với Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc;

(3) Quy định nhiệm vụ và chức trách của các Bộ và các Ủy ban, thống nhất lãnh đạo công tác các Bộ, các Ủy ban và công tác hành chính trên phạm vi toàn quốc mà không thuộc phạm vi các Bộ hoặc các Ủy ban quản lý;

(4) Thống nhất lãnh đạo công tác của cơ quan hành chính nhà nước các cấp địa phương trên cả nước, quy định ranh giới chức năng quyền hạn giữa cơ quan hành chính nhà nước trung ương với các cấp địa phương như tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương;

(5) Hoạch định và thi hành dự toán nhà nước, kế hoạch phát triển xã hội và kinh tế quốc dân;

(6) Lãnh đạo, quản lý công tác kinh tế và xây dựng thành phố thị trấn;

(7) Lãnh đạo, quản lý công tác giáo dục, khoa học, văn hoá, vệ sinh, thể dục và sinh đẻ có kế hoạch;

(8) Lãnh đạo, quản lý công tác dân chính, công an, hành chính tư pháp và kiểm sát...;

(9) Quản lý công việc đối ngoại, ký kết hiệp định và các điều ước quốc tế với nước ngoài;

(10) Lãnh đạo và quản lý sự nghiệp xây dựng quốc phòng;

(11) Lãnh đạo và quản lý sự nghiệp dân tộc, bảo đảm quyền lợi bình đẳng của dân tộc thiểu số và quyền tự trị của địa phương tự trị dân tộc thiểu số;

(12) Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Hoa kiều, bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của kiều bào và Hoa kiều về nước;

(13) Sửa đổi hoặc huỷ bỏ mệnh lệnh, chỉ thị và quy định không phù hợp do các Bộ hoặc các Ủy ban ban hành;

(14) Sửa đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định và mệnh lệnh không phù hợp do cơ quan hành chính nhà nước địa phương các cấp ban hành;

(15) Phê chuẩn ranh giới giữa các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc; phê chuẩn quy hoạch ranh giới giữa châu tự trị, huyện, huyện tự trị, thành phố;

(16) Quyết định giới nghiêm trong phạm vi bộ phận của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc;

(17) Xem xét biên chế của cơ quan hành chính, miễn nhiệm, bồi dưỡng, sát hạch, thưởng phạt cán bộ hành chính theo quy định pháp luật;

(18) Các quyền khác mà Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc trao cho.

Điều 90. Chế độ trách nhiệm các Bộ, Ủy ban

Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban Quốc Vụ viện chịu trách nhiệm về công tác bộ phận mình. Triệu tập và chủ trì Hội nghị Bộ trưởng hoặc Hội nghị Ủy ban, Hội nghị thường vụ, thảo luận quyết định những vấn đề quan trọng của công tác ở bộ mình.

Các Bộ, Ủy ban căn cứ theo pháp luật và các văn bản

pháp quy, quyết định, mệnh lệnh hành chính của Quốc Vụ viện, ban hành các mệnh lệnh, chỉ thị và văn bản trong phạm vi quyền hạn của mình.

Điều 91. Cơ quan kiểm toán

Quốc Vụ viện thành lập cơ quan kiểm toán, tiến hành hạch toán, giám sát đối với các cơ quan Quốc Vụ viện và thu chi tài chính của chính phủ các cấp địa phương, cơ cấu tài chính tiền tệ của nhà nước và thu chi tài vụ các tổ chức đơn vị sự nghiệp.

Cơ quan kiểm toán chịu sự lãnh đạo của Thủ tướng Quốc vụ viện, tuân thủ các quy định của pháp luật, có quyền kiểm toán và giám sát độc lập, không chịu sự can thiệp của cơ quan hành chính khác, đoàn thể xã hội và cá nhân.

Điều 92. Mối quan hệ giữa Quốc vụ viện, Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Quốc vụ viện chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc; trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

PHẦN THỨ TƯ **QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG**

Điều 93. Cơ cấu, trách nhiệm và nhiệm kỳ của Quân uỷ Trung ương

Quân uỷ Trung ương nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa lãnh đạo lực lượng vũ trang toàn quốc.

Quân uỷ Trung ương gồm các thành viên sau: Chủ tịch; Một số Phó Chủ tịch; Một số uỷ viên.

Quân uỷ Trung ương thực hiện chế độ Chủ tịch chịu trách nhiệm.

Quân uỷ Trung ương có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 94. Trách nhiệm của Quân uỷ đối với Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Quân uỷ Trung ương chịu trách nhiệm trước Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

PHẦN THỨ NĂM
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG VÀ
CHÍNH PHỦ NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 95. Sắp xếp và tổ chức Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương, chính phủ địa phương

Các Tỉnh, Thành phố trực thuộc, Huyện, Thị, Khu trực thuộc Tỉnh, Hương, Hương dân tộc, Trấn thành lập Đại hội Đại biểu nhân dân và Chính phủ nhân dân địa phương.

Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương và tổ chức chính phủ nhân dân các cấp địa phương do pháp luật quy định.

Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị thành lập các cơ quan tự trị. Tổ chức của cơ quan tự trị và công tác của cơ quan này do pháp luật quy định theo nguyên tắc cơ bản quy định tại Phần thứ 5, Phần thứ 6 Chương 3.

Điều 96. Tổ chức Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương và Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

Đại hội Đại biểu nhân dân từ cấp Huyện trở lên thành lập Ủy ban thường vụ.

Điều 97. Bầu cử Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, thành phố thành lập Khu và Thành phố thuộc tỉnh do Đại hội Đại biểu nhân dân cấp dưới bầu cử. Đại hội Đại biểu nhân dân Huyện, thành phố không thành lập Khu, Khu trực thuộc thành phố, Hương, Hương dân tộc, Trấn do nhân dân bầu cử trực tiếp.

Tỷ lệ đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương và số đại biểu phát sinh do pháp luật quy định.

Điều 98. Nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, thành phố thành lập Khu có nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội Đại biểu nhân dân Huyện, thành phố không thành lập Khu, Khu trực thuộc thành phố, Hương, Hương dân tộc, Trấn có nhiệm kỳ 3 năm.

Điều 99. Chức năng quyền hạn Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương hoạt động trong phạm vi khu vực hành chính, bảo đảm việc tuân thủ và chấp hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản pháp quy hành chính trên cơ sở quyền hạn do pháp luật quy định, thông qua và ban hành các quyết định, thẩm tra và quyết định kế hoạch xây dựng các công trình công cộng, xây dựng kinh tế, văn hoá địa phương.

Đại hội Đại biểu nhân dân từ cấp huyện trở lên thẩm tra và phê chuẩn báo cáo tình hình dự toán và thi hành kế hoạch phát triển xã hội, kinh tế quốc dân và các dự toán khác trong

phạm vi hành chính địa phương, có quyền sửa đổi hoặc bãi bỏ các quyết định không phù hợp của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp.

Đại hội Đại biểu nhân dân Hương dân tộc có quyền sử dụng các biện pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm dân tộc theo quy định của pháp luật.

Điều 100. Ban hành các văn bản pháp quy mang tính địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc và Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân có quyền ban hành các văn bản pháp quy mang tính địa phương nhưng không trái với Hiến pháp, pháp luật và văn bản pháp quy hành chính, chuẩn bị các đề án đề báo cáo với Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 101. Quyền hạn Đại hội đại biểu nhân dân địa phương trong việc bầu cơ quan Hành chính địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương có quyền bầu và bãi miễn chính phủ nhân dân cùng cấp như Chủ tịch tỉnh, Phó Chủ tịch tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch thành phố, Chủ tịch huyện, Phó Chủ tịch huyện, Chủ tịch khu, Phó Chủ tịch khu, Hương trưởng, Phó Hương trưởng, Trấn trưởng, Phó Trấn trưởng.

Đại hội Đại biểu nhân dân cấp Huyện trở lên có quyền bầu cử và quyền bãi miễn Chánh án Tòa án nhân dân, và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, khi bầu hoặc bãi miễn Chánh án Tòa án nhân dân và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải báo cáo lên Chánh án Tòa án nhân dân và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp trên và được Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Điều 102. Quyền bãi miễn và giám sát của Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, Thành phố thành lập Khu chịu sự giám sát của đơn vị bầu cử đó; Đại hội Đại biểu nhân dân cấp Huyện, Thành phố không xây dựng Khu, Khu trực thuộc, Hương, Hương dân tộc, Trấn chịu sự giám sát của cử tri.

Đơn vị bầu cử và cử tri Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương có quyền bãi miễn đại biểu do họ bầu ra theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 103. Tổ chức, địa vị và sự ra đời của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương

Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cấp Huyện trở lên bao gồm: Chủ nhiệm, một số Phó Chủ nhiệm, một số Ủy viên, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp.

Đại hội Đại biểu nhân dân cấp Huyện trở lên có quyền bầu và bãi miễn Ủy ban thường vụ và các thành viên Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp.

Thành viên Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cấp huyện trở lên không được đảm nhận chức vụ cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát.

Điều 104. Chức năng, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương

Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cấp huyện trở lên thảo luận, quyết định các công việc quan trọng trên các phương diện trong phạm vi khu vực hành chính địa phương; giám sát công tác chính phủ nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; huỷ bỏ các quyết định và mệnh lệnh không phù hợp của chính phủ nhân dân cùng cấp; huỷ bỏ

quyết định không phù hợp của Đại hội Đại biểu nhân dân cấp dưới; có quyền bãi nhiệm công chức cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân không họp, có quyền bãi miễn và bầu bổ sung các đại biểu Đại hội Đại biểu nhân dân cấp đó.

Điều 105. Tổ chức, địa vị và chế độ trách nhiệm của chính phủ địa phương

Chính phủ nhân dân các cấp địa phương là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước các cấp địa phương, là cơ quan hành chính nhà nước cấp địa phương.

Chính phủ nhân dân các cấp địa phương thực hiện chế độ Chủ tịch tỉnh, Chủ tịch thành phố, Chủ tịch Huyện, Chủ tịch khu, Hương trưởng, Trấn trưởng chịu trách nhiệm.

Điều 106. Nhiệm kỳ của chính phủ địa phương

Chính phủ nhân dân các cấp địa phương có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân các cấp địa phương.

Điều 107. Chức năng, quyền hạn của chính phủ địa phương

Chính phủ nhân dân từ cấp Huyện trở lên có quyền hạn do pháp luật quy định, quản lý các công tác hành chính, kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, vệ sinh, sự nghiệp thể chất, quy hoạch xây dựng thành phố, thị trấn, tài chính, dân chính, công an, sự nghiệp dân tộc, hành chính tư pháp, kiểm sát, sinh đẻ kế hoạch... của khu vực hành chính đó. Ban hành các quyết định và mệnh lệnh miễn nhiệm, bồi dưỡng, sát hạch và thưởng phạt công nhân viên chức.

Chính phủ nhân dân Huyện, Hương dân tộc, Trấn chấp hành quyết định của Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp và các quyết định, mệnh lệnh của cơ quan hành chính nhà nước cấp

trên, quản lý công tác hành chính của địa phương.

Chính phủ nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc quyết định quy hoạch, phân định địa giới hành chính Hương, Hương dân tộc và Trấn.

Điều 108. Mối quan hệ giữa chính phủ địa phương và chính phủ địa phương các cấp

Lãnh đạo chính phủ nhân dân cấp huyện trở lên phụ trách công tác các bộ phận của chính phủ nhân dân cấp dưới, có quyền sửa đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không phù hợp của các bộ phận trực thuộc và chính phủ nhân dân cấp dưới.

Điều 109. Địa vị và chức năng quyền hạn của cơ quan kiểm toán thuộc chính phủ địa phương

Chính phủ nhân dân địa phương từ cấp huyện trở lên thành lập cơ quan kiểm toán. Cơ quan kiểm toán địa phương có quyền giám sát kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước chính phủ nhân dân cấp đó và cơ quan kiểm toán cấp trên.

Điều 110. Mối quan hệ giữa chính phủ địa phương với Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp và chính phủ cấp trên

Chính phủ nhân dân các cấp địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp. Chính phủ nhân dân cấp huyện trở lên trong thời gian Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân cùng cấp.

Chính phủ nhân dân các cấp địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước chính phủ nhân dân cấp trên. Chính phủ nhân dân các cấp địa phương trong cả nước đều do cơ quan hành chính nhà nước là Quốc vụ viện thống nhất lãnh đạo và phục tùng sự quản lý của Quốc Vụ viện.

Điều 111. Ủy ban dân cư và Ủy ban thôn dân

Thành phố và nông thôn căn cứ theo khu vực cư trú của cư dân thiết lập Ủy ban dân cư hoặc Ủy ban thôn dân là tổ chức tự trị có tính quần chúng cơ sở. Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm và Ủy viên của Ủy ban cư dân, Ủy ban dân thôn do cư dân bầu cử. Ủy ban cư dân, Ủy ban thôn dân có mối quan hệ lẫn nhau giữa chính quyền cơ sở do pháp luật quy định.

Ủy ban cư dân và Ủy ban thôn dân thành lập các Ủy ban Giải phóng nhân dân, Vệ sinh trị an, Vệ sinh công cộng..., xử lý các công việc và sự nghiệp công ích của cư dân địa phương, hoà giải tranh chấp nhân dân, giúp đỡ duy trì trật tự trị an, và nêu các đề nghị, yêu cầu, ý kiến phản ánh của quần chúng đối với chính phủ nhân dân.

PHẦN THỨ SÁU **CƠ QUAN TỰ TRỊ CỦA** **ĐỊA PHƯƠNG TỰ TRỊ DÂN TỘC**

Điều 112. Cơ quan tự trị dân tộc

Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc là Đại hội Đại biểu nhân dân và chính phủ nhân dân Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị.

Điều 113. Tổ chức Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương tự trị và cơ quan thường vụ tổ chức Nhân Đại địa phương

Trong Đại hội Đại biểu nhân dân Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị ngoài các đại biểu là người dân tộc thiểu số của khu vực tự trị, còn có số lượng đại biểu phù hợp tương ứng là người dân tộc khác.

Trong Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị thực hiện chế độ Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm chịu trách nhiệm.

Điều 114. Bầu cử người đứng đầu cơ quan chính phủ địa phương tự trị

Chủ tịch Khu tự trị, Châu trưởng Châu tự trị, Chủ tịch huyện Huyện tự trị chịu trách nhiệm công dân của dân tộc khu tự trị.

Điều 115. Quyền tự trị Khu tự trị dân tộc

Cơ quan tự trị của Khu tự trị, Châu tự trị, Huyện tự trị thực hiện chức năng cơ quan nhà nước địa phương theo quy định tại Phần 5 Chương 3 Hiến pháp, thực hiện quyền tự trị theo quy định Hiến pháp, pháp luật khu tự trị và các quy định pháp luật khác, căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương quản triệt thi hành pháp luật và chính sách nhà nước.

Điều 116. Điều lệ tự trị và Điều lệ đơn hành

Đại hội Đại biểu nhân dân địa phương tự trị dân tộc có quyền soạn thảo các Điều lệ tự trị và Điều lệ đơn hành (chỉ áp dụng cho 1 địa phương nhất định) trên cơ sở đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá. Điều lệ tự trị và Điều lệ đơn hành phải được Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc phê chuẩn mới phát sinh hiệu lực. Điều lệ tự trị và Điều lệ đơn hành của Châu tự trị và Huyện tự trị phải thông qua Tỉnh hoặc Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân Khu tự trị phê chuẩn mới phát sinh hiệu lực, và phải lập hồ sơ theo dõi tại Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc.

Điều 117. Quyền tự trị tài chính

Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc có quyền tự trị trong việc quản lý tài chính địa phương. Thu nhập tài chính của địa phương tự trị dân tộc đều nằm trong thể chế tài chính nhà nước, phải do cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc lên kế hoạch sử dụng.

Điều 118. Quyền tự chủ kinh tế mang tính chất địa phương

Cơ quan tự trị địa phương tự trị dân tộc dưới sự chỉ đạo kế hoạch nhà nước, tự chủ sắp xếp và quản lý kế hoạch kinh tế mang tính địa phương.

Nhà nước khi thành lập doanh nghiệp, khai thác tài nguyên ở địa phương tự trị dân tộc, phải quan tâm đến lợi ích địa phương tự trị dân tộc.

Điều 119. Quyền tự chủ về sự nghiệp văn hoá địa phương

Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc tự chủ trong quản lý giáo dục, khoa học, văn hoá, vệ sinh, sự nghiệp thể dục địa phương, bảo vệ và trùng tu di sản văn hoá của dân tộc, phát triển và làm phong phú văn hoá dân tộc.

Điều 120. Công an, bộ đội khu tự trị dân tộc

Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc trên cơ sở nhu cầu thực tế của địa phương và chế độ quân sự nhà nước, thông qua Quốc vụ viện phê chuẩn có thể tổ chức ra lực lượng công an để bảo vệ trật tự xã hội địa phương.

Điều 121. Ngôn ngữ công vụ trong cơ quan hành chính ở khu tự trị dân tộc

Cơ quan tự trị của địa phương tự trị dân tộc trong khi chấp hành chức năng nhiệm vụ dựa vào quy định của Điều lệ tự trị địa phương dân tộc, sử dụng một hoặc một số văn tự hoặc ngôn ngữ địa phương.

Điều 122. Sự giúp đỡ, ủng hộ của nhà nước đối với Khu tự trị dân tộc

Nhà nước giúp đỡ các dân tộc thiểu số ở trên một số các phương diện tài chính, vật chất, kỹ thuật... tăng tốc độ phát triển kinh tế và sự nghiệp xây dựng văn hoá.

Nhà nước giúp đỡ địa phương tự trị dân tộc, bồi dưỡng cán bộ các cấp, các chuyên gia và các công nhân kỹ thuật từ trong chính địa phương.

PHẦN THỨ BẢY
TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Điều 123. Cơ quan xét xử

Toà án nhân dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là cơ quan xét xử của nhà nước.

Điều 124. Các cấp, tổ chức và nhiệm kỳ của Toà án nhân dân

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân các cấp địa phương, các Toà chuyên môn và Toà quân sự.

Chánh án Toà án nhân dân tối cao có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, không được giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ.

Tổ chức của Toà án nhân dân do pháp luật quy định.

Điều 125. Nguyên tắc xét xử công khai và nguyên tắc biện hộ

Toà án nhân dân trong khi xét xử vụ án, ngoài trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật, phải tiến hành xét xử công khai. Bị cáo có quyền biện hộ.

Điều 126. Quyền xét xử độc lập

Toà án nhân dân có quyền xét xử độc lập theo quy định của pháp luật, không chịu sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội, cá nhân.

Điều 127. Mối quan hệ giữa cơ quan xét xử các cấp

Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất.

Toà án nhân dân tối cao giám sát toà án nhân dân địa phương các cấp và công tác xét xử của toà chuyên môn, toà án nhân dân cấp trên giám sát công tác xét xử của toà án nhân dân cấp dưới.

Điều 128. Mối quan hệ giữa Toà án và Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc

Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm trước Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân và Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Toà án nhân dân các cấp địa phương chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực nhà nước thành lập ra.

Điều 129. Cơ quan giám sát pháp luật

Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là cơ quan giám sát pháp luật của nhà nước.

Điều 130. Các cấp, tổ chức và nhiệm kỳ của Viện kiểm sát

Viện kiểm sát nhân dân các cấp của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương các cấp và Viện kiểm sát quân sự.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, giữ chức vụ liên tiếp không quá 2 nhiệm kỳ.

Tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân do pháp luật quy định.

Điều 131. Quyền kiểm sát độc lập

Viện kiểm sát nhân dân có quyền giám sát độc lập theo quy định của pháp luật, không chịu sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và cá nhân.

Điều 132. Mối quan hệ giữa cơ quan kiểm sát

Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan kiểm sát cao nhất.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao lãnh đạo công tác của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Viện kiểm sát chuyên môn, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên lãnh đạo công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới.

Điều 133. Mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Đại hội Đại biểu nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm trước Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân và Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc. Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực nhà nước lập ra và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên.

Điều 134. Ngôn ngữ tố tụng

Công dân các dân tộc thiểu số đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình để tham gia tố tụng. Người của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tham gia tố tụng nếu như không thông thạo ngôn ngữ địa phương phải có phiên dịch.

Khu vực cư trú của dân tộc thiểu số hoặc khu vực cư trú của nhiều dân tộc thiểu số thì dùng ngôn ngữ thông dụng của địa phương để xét xử; quyết định khởi tố, bản án phán quyết, bộ cáo hoặc các văn bản khác cần căn cứ vào nhu cầu trên thực tế để sử dụng một ngôn ngữ địa phương hoặc mấy loại văn tự khác nhau.

Điều 135. Nguyên tắc phân công và chế ước giữa các cơ quan tư pháp

Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan công an xử lý các vụ án hình sự phải phân công trách nhiệm, phối hợp lẫn nhau, chế ước lẫn nhau bảo đảm chấp hành pháp luật chính xác, có hiệu quả.

CHƯƠNG 4
QUỐC KỲ, QUỐC HUY, THỦ ĐÔ

Điều 136. Quốc kỳ

Quốc kỳ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là cờ đỏ và năm ngôi sao.

Điều 137. Quốc huy

Quốc huy nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, giữa là năm ngôi sao chiếu rọi Thiên An Môn, xung quanh là bông kê và răng cưa.

Điều 138. Thủ đô

Thủ đô của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là Bắc Kinh.

III. CÁC LẦN SỬA ĐỔI CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

NĂM 1988

(Hội nghị lần thứ nhất, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá 7 ngày 12 tháng 4 năm 1988. Công báo số 8 Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc ngày 12 tháng 4 năm 1988 công bố thi hành)

Điều 1. Địa vị và quản lý kinh tế tư nhân.

Điều 11 Hiến pháp **thêm quy định**: “ Nhà nước cho phép kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển trong phạm vi quy định của pháp luật. Kinh tế tư nhân là sự bổ sung của chế độ kinh tế XHCN. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế tư nhân, tiến hành chỉ đạo, giám sát và quản lý đối với kinh tế tư nhân”.

Điều 2. Chuyển nhượng quyền thuê, cho thuê và sử dụng đất đai

Khoản 4 **Điều 10** Hiến pháp quy định “Mọi tổ chức hoặc cá nhân không được chiếm đoạt, mua bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng đất đai dưới các hình thức trái pháp luật.” **Nay sửa thành** “ Mọi tổ chức, cá nhân không được chiếm hữu, mua bán hoặc các hình thức chuyển nhượng đất đai trái pháp luật. Quyền sử dụng đất có thể được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật”.

NĂM 1993

(Hội nghị lần thứ nhất Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 8 ngày 29 tháng 3 năm 1993 thông qua. Công báo Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 8 ngày 29 tháng 3 năm 1993 công bố thi hành).

Điều 3. Nhiệm vụ và mục tiêu của giai đoạn đầu

Hai câu sau của phần cuối **đoạn 7 Lời tựa** Hiến pháp viết: “Từ nay về sau, nhiệm vụ căn bản của nước ta là tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại hoá XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc sẽ tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, với sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Mao Trạch Đông kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách đổi mới, không ngừng hoàn thiện các mặt của chế độ XHCN, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ phấn đấu từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, xây dựng đất nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ văn minh.”

Nay sửa thành: “Nước ta đang ở vào giai đoạn đầu XHCN. Nhiệm vụ căn bản của nhà nước là, căn cứ vào lý luận xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc, tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách mở cửa, không ngừng hoàn thiện các chế độ của CNXH, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ đấu tranh, từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và

khoa học kỹ thuật, xây dựng nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh”.

Điều 4. Chế độ chính đảng

Phần cuối đoạn 10 trong lời tựa Hiến pháp **thêm**: “Chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ tồn tại và phát triển lâu dài”.

Điều 5. Kinh tế quốc hữu

Điều 7 Hiến pháp quy định: “Kinh tế quốc doanh là kinh tế dựa trên sở hữu toàn dân xã hội chủ nghĩa, là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Nhà nước bảo đảm củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh.” **Nay sửa thành**: “Kinh tế quốc hữu là thể chế kinh tế dựa trên sở hữu toàn dân XHCN, là lực lượng chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Nhà nước bảo đảm củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh.”

Điều 6. Hình thức tổ chức kinh tế nông thôn

Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp quy định: Công xã nhân dân nông thôn, hợp tác sản xuất nông nghiệp và các hình thức hợp tác kinh tế khác như sản xuất, cung tiêu, tín dụng, tiêu dùng, là kinh tế tập thể quần chúng lao động XHCN. Người lao động tham gia kinh tế tập thể nông thôn, có quyền kinh doanh trên đất phần trăm, diện tích rừng phần trăm, nghề phụ gia đình, trồng trọt chăn nuôi trong phạm vi quy định của pháp luật. **Nay sửa thành**: “Chế độ trách nhiệm trong nhận thầu sản xuất hộ gia đình và các hình thức hợp tác kinh tế sản xuất, cung tiêu, tín dụng, tiêu thụ... ở nông thôn là kinh tế tập thể quần chúng lao động XHCN. Người lao động tham gia vào tổ chức kinh tế tập thể ở nông thôn có quyền kinh doanh trên đất phần trăm, diện tích rừng phần trăm, các nghề phụ gia đình và chăn nuôi trồng trọt trong phạm vi quy định của pháp luật”.

Điều 7. Kinh tế thị trường

Điều 15 Hiến pháp quy định: “Nhà nước thực hiện kinh tế kế hoạch trên cơ sở công hữu xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thông qua cân bằng tổng hợp kinh tế kế hoạch và tác dụng bổ trợ của điều tiết thị trường, bảo đảm kinh tế quốc dân phát triển hài hoà.” “Nghiêm cấm mọi tổ chức hoặc cá nhân làm đảo lộn trật tự kinh tế xã hội”. **Nay sửa lại:** “Nhà nước thực hiện kinh tế thị trường XHCN.” “Nhà nước tăng cường hoạt động lập pháp trong quản lý kinh tế, hoàn thiện không chế, điều tiết vĩ mô.” “Nhà nước nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân làm xáo trộn trật tự kinh tế xã hội theo quy định của pháp luật”.

Điều 8. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quốc doanh

Điều 16 Hiến pháp quy định: “Doanh nghiệp quốc doanh phục tùng sự lãnh đạo thống nhất của nhà nước và hoàn thành kế hoạch nhà nước, có quyền tự chủ trong quản lý kinh doanh theo quy định pháp luật.” “Doanh nghiệp quốc doanh thông qua Đại hội Đại biểu công nhân viên chức và các hình thức khác thực hiện quản lý dân chủ trên cơ sở quy định pháp luật.” **Nay sửa lại:** “Doanh nghiệp quốc doanh có quyền tự do kinh doanh trong khuôn khổ quy định pháp luật”. “Doanh nghiệp quốc doanh thực hiện quản lý dân chủ theo quy định của pháp luật, thông qua Đại hội Đại biểu công nhân viên chức và các hình thức khác.”

Điều 9. Tổ chức và kinh doanh của kinh tế tập thể

Điều 17 Hiến pháp quy định: “Tổ chức kinh tế tập thể ngoài chịu sự chỉ đạo của kế hoạch nhà nước và tuân thủ pháp luật có liên quan, có quyền độc lập, tự chủ tiến hành các hoạt động kinh tế.” “Tổ chức kinh tế tập thể thực hiện quản lý dân chủ trên cơ sở quy định của pháp luật, người quản lý do toàn thể

người lao động của đơn vị bầu ra hoặc bãi miễn, quyết định những vấn đề quan trọng trong quản lý kinh doanh.” **Nay sửa lại** “Tổ chức kinh tế tập thể tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, có quyền tự chủ, độc lập tiến hành các hoạt động kinh doanh.” “Tổ chức kinh tế tập thể thực hiện quản lý dân chủ, bầu và bãi miễn người quản lý theo quy định của pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng trong quản lý kinh doanh.”

Điều 10. Lao động và người lao động

Khoản 3 điều 42 Hiến pháp quy định: “Lao động là trách nhiệm vinh quang của tất cả công dân có đầy đủ năng lực lao động. Người lao động trong doanh nghiệp quốc doanh và tổ chức kinh tế tập thể ở thành phố thị trấn phải có thái độ người làm chủ quốc gia đối với lao động của chính mình. Nhà nước phát động thi đua, khen thưởng với các điển hình lao động và cá nhân lao động tiên tiến XHCN. Nhà nước phát động nghĩa vụ lao động việc làm đối với công dân.” **Nay sửa thành:** “Lao động là trách nhiệm quang vinh của tất cả công dân có đủ năng lực lao động. Người lao động trong doanh nghiệp quốc hữu và tổ chức kinh tế tập thể thành thị nông thôn phải có thái độ làm chủ đất nước với lao động của chính mình. Nhà nước phát động thi đua, khen thưởng với các điển hình lao động và cá nhân lao động tiên tiến XHCN. Nhà nước phát động nghĩa vụ lao động việc làm đối với công dân.”

Điều 11. Nhiệm kỳ của cơ quan quyền lực địa phương

Điều 98 Hiến pháp quy định: “Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, Thành phố thành lập Khu có nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội Đại biểu nhân dân Huyện, Thành phố không thành lập Khu, Khu trực thuộc thành phố, Hương, Hương dân tộc, Trấn có nhiệm kỳ 3 năm.” **Nay sửa thành:** “Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, Huyện,

Thành phố, Khu trực thuộc thành phố có nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội Đại biểu nhân dân Hương, Hương dân tộc, Trấn có nhiệm kỳ 3 năm.”

NĂM 1999

(Hội nghị lần thứ 2, Đại hội Đại biểu toàn quốc khoá 9 ngày 15 tháng 3 năm 1999 thông qua, Công báo của Đại hội Đại biểu toàn quốc khoá 9 ngày 15 tháng 3 năm 1999 công bố thi hành).

Điều 12. Các mục tiêu và nhiệm vụ căn bản trong giai đoạn đầu CNXH)

Đoạn thứ 7 lời tựa Hiến pháp viết: “Sự thắng lợi của cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới Trung Quốc và những thành tựu của sự nghiệp XHCN do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Quốc dưới sự dẫn dắt của lý luận Mác Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông kiên trì chân lý, sửa chữa sai lầm, gian khổ chiến đấu và giành được thắng lợi. Nước ta đang ở giai đoạn đầu XHCN. Nhiệm vụ căn bản của nhà nước là căn cứ vào lý luận xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc, tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách mở cửa, không ngừng hoàn thiện các chế độ của CNXH, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ đấu tranh, từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, xây dựng nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh.” **Nay sửa thành:** “Thắng lợi của cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới Trung Quốc và thành tựu của sự nghiệp XHCN, là do nhân

dân các dân tộc Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì chân lý, sửa chữa sai lầm, chiến thắng nhiều khó khăn hiểm nguy giành được thắng lợi. Nước ta sẽ ở trong giai đoạn đầu XHCN lâu dài, nhiệm vụ căn bản của nhà nước là đi theo con đường xây dựng CNXH có đặc sắc Trung Quốc, tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại hoá XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc sẽ tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vận dụng chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách mở cửa, không ngừng hoàn thiện các chế độ XHCN, phát triển nền kinh tế thị trường XHCN, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ phấn đấu, từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, xây dựng nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh.”

Điều 13. Mục tiêu của việc xây dựng pháp chế

Điều 5 Hiến pháp **bổ sung thêm** 1 khoản trở thành khoản 1 quy định: “Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp trị XHCN.”

Điều 14. Hình thức sở hữu và chế độ phân phối

Điều 6 Hiến pháp quy định: “Cơ sở của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa tư liệu sản xuất, gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể quần chúng lao động.” “Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thực hiện nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động.” **Nay sửa thành:** “Cơ sở của chế độ kinh tế XHCN của nước Cộng hoà

nhân dân Trung Hoa là chế độ công hữu XHCN tư liệu sản xuất với chế độ sở hữu toàn dân và chế độ sở hữu tập thể của người lao động. Chế độ công hữu XHCN xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thực hiện nguyên tắc làm theo năng lực hưởng theo lao động.” “Nhà nước ở trong giai đoạn đầu của CNXH, kiên trì chế độ kinh tế cơ bản với công hữu làm chủ thể và các hình thức kinh tế khác cùng phát triển, kiên trì chế độ phân phối theo lao động là chính, và chế độ phân phối với các hình thức phân phối đa dạng khác cùng tồn tại.”

Điều 15. Hình thức tổ chức kinh tế nông thôn

Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp quy định: “Chế độ trách nhiệm trong nhận thầu sản xuất hộ gia đình và các hình thức hợp tác kinh tế sản xuất, cung tiêu, tín dụng, tiêu thụ... ở nông thôn là kinh tế tập thể quần chúng lao động XHCN. Người lao động tham gia vào tổ chức kinh tế tập thể nông thôn có quyền kinh doanh trên đất phần trăm, diện tích rừng phần trăm, các nghề phụ gia đình và chăn nuôi trồng trọt trong phạm vi quy định của pháp luật”. **Nay sửa lại:** “Tổ chức kinh tế tập thể nông thôn thực hiện thể chế kinh doanh đa tầng trên cơ sở nhận thầu kinh doanh ở gia đình, kết hợp thống nhất và phân chia. Các hình thức hợp tác kinh tế nông thôn như: sản xuất, cung tiêu, tín dụng, tiêu dùng là chế độ kinh tế tập thể XHCN quần chúng lao động. Người lao động tham gia vào tổ chức kinh tế tập thể nông thôn có quyền kinh doanh trên đất phần trăm, diện tích rừng phần trăm, nghề phụ gia đình, chăn nuôi trồng trọt theo quy định của pháp luật.”

Điều 16. Địa vị và quản lý kinh tế phi công hữu

Điều 11 Hiến pháp quy định: “Kinh tế cá thể của người lao động thành phố thị trấn trong phạm vi quy định của pháp luật là sự bổ sung của kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể.”

“Nhà nước quản lý hành chính, chỉ đạo, giúp đỡ và giám sát kinh tế cá thể” “Nhà nước cho phép kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển trong phạm vi quy định của pháp luật. Kinh tế tư nhân là sự bổ sung chế độ kinh tế XHCN. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế tư nhân, tiến hành chỉ đạo, giám sát và quản lý đối với kinh tế tư nhân” **Nay sửa thành:** “Kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh tế phi công hữu trong phạm vi quy định của pháp luật là một bộ phận hợp thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN.” “Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân. Nhà nước thực hiện sự chỉ đạo, giám sát và quản lý đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân.”

Điều 17. Chế tài phạm tội, bảo vệ trật tự XHCN

Điều 28 Hiến pháp quy định: “Nhà nước bảo vệ trật tự xã hội chủ nghĩa, trấn áp các hoạt động phản quốc và các hoạt động phản cách mạng khác, xử lý các hoạt động làm nguy hại đến trật tự trị an, phá hoại kinh tế xã hội chủ nghĩa, và các hoạt động tội phạm khác, trừng trị và cải tạo các phần tử phạm tội.” **Nay sửa thành:** “Nhà nước bảo vệ trật tự XHCN, trấn áp các hoạt động phản quốc và các hoạt động tội phạm nguy hại đến an ninh quốc gia, xử lý hoạt động phạm tội nguy hại đến trật tự trị an, phá hoại kinh tế XHCN và các hoạt động tội phạm khác, trừng trị và cải tạo phần tử phạm tội.”

NĂM 2004

(Hội nghị lần thứ 2 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 10 ngày 14 tháng 3 năm 2004. Công báo của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ngày 14 tháng 3 năm 2004 công bố thi hành)

Điều 18. Trong đoạn 7 Lời tựa Hiến pháp viết: “dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông”

sửa thành “dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”, “đi theo con đường xây dựng XHCN có đặc sắc Trung Quốc”, **sửa thành** “đi theo con đường XHCN đặc sắc Trung Quốc”, sau đoạn “từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, khoa học kỹ thuật” **tăng thêm** “đẩy mạnh việc phát triển văn minh vật chất, văn minh chính trị và văn minh tinh thần”. Như vậy, **đoạn này sửa thành** “sự thắng lợi của cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới và các thành tựu của sự nghiệp XHCN là do nhân dân các dân tộc Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cùng với chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì chân lý, sửa chữa sai lầm, chiến thắng nhiều khó khăn nguy hiểm giành được. Nước ta sẽ ở trong thời kỳ đầu XHCN một thời gian dài. Nhiệm vụ căn bản của nước ta là đi theo con đường XHCN đặc sắc Trung Quốc, tập trung lực lượng tiến hành xây dựng hiện đại hoá XHCN. Nhân dân các dân tộc Trung Quốc tiếp tục dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì con đường XHCN, kiên trì cải cách mở cửa, không ngừng hoàn thiện các chế độ XHCN, phát triển kinh tế thị trường XHCN, phát triển dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, tự lực cánh sinh, gian khổ đấu tranh, từng bước thực hiện hiện đại hoá công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phát triển văn minh vật chất, văn minh chính trị và văn minh tinh thần, xây dựng nước ta thành một nước XHCN giàu mạnh, dân chủ văn minh.”

Điều 19. Hai câu trong **đoạn 10** Lời tựa Hiến pháp viết: “Trong quá trình lâu dài của cách mạng và xây dựng đã kết thành một khối gồm các đảng phái dân chủ và các đoàn thể nhân dân tham gia, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm toàn thể nhân dân lao động XHCN, người yêu nước

XHCN và trận tuyến thống nhất của đông đảo người yêu nước ủng hộ. Trận tuyến thống nhất tiếp tục được củng cố và phát triển.” **Nay sửa lại:** “trong quá trình xây dựng và cách mạng lâu dài, đã kết thành một khối gồm các đảng phái dân chủ và các đoàn thể nhân dân tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm toàn thể người lao động XHCN, người xây dựng sự nghiệp XHCN, người yêu nước XHCN và trận tuyến thống nhất của đông đảo người yêu nước ủng hộ. Trận tuyến thống nhất tiếp tục được củng cố và phát triển.”

Điều 20. Khoản 3 Điều 10 Hiến pháp quy định: “Nhà nước có thể tiến hành trưng dụng đất đai theo quy định của pháp luật, trong trường hợp cần thiết nhằm đảm bảo lợi ích công cộng.” **Nay sửa thành:** “Nhà nước có thể tiến hành trưng thu hoặc trưng dụng có bồi thường đối với đất đai theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết nhằm đảm bảo lợi ích công cộng.”

Điều 21. Khoản 2 điều 11 Hiến pháp “Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân. Nhà nước thực hiện sự chỉ đạo, giám sát và quản lý đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân.” **Nay sửa thành** “Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế phi công hữu khác. Nhà nước cổ vũ, ủng hộ và chỉ đạo kinh tế phi công hữu phát triển, và thực hiện giám sát và quản lý đối với kinh tế phi công hữu theo quy định pháp luật.”

Điều 22. Điều 13 Hiến pháp quy định “Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu thu nhập, tích lũy, nhà cửa và các tài sản hợp pháp khác của công dân.” “Nhà nước dựa vào các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền thừa kế tư nhân về tài sản công dân.” **Nay sửa thành** “Quyền tư hữu về tài sản hợp pháp của công dân là bất khả xâm phạm”. “Nhà nước bảo hộ quyền tư hữu về tài sản và quyền thừa kế của công dân theo quy định của pháp

luật”. “Nhà nước có thể tiến hành trưng thu hoặc trưng dụng có bồi thường đối với tài sản tư hữu của công dân theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết nhằm đảm bảo lợi ích công cộng.”

Điều 23. Điều 14 Hiến pháp **tăng thêm** 1 khoản, thành khoản 4: “Nhà nước xây dựng kiện toàn chế độ bảo đảm xã hội tương ứng với trình độ phát triển kinh tế.”

Điều 24. Điều 33 Hiến pháp **tăng thêm** 1 khoản, thành khoản 3: “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm nhân quyền.” Khoản 3 tương ứng trở thành khoản 4.

Điều 25. Khoản 1 điều 59 Hiến pháp quy định “Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc do đại biểu các Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc và quân đội hợp thành. Tất cả các dân tộc thiểu số đều có tỷ lệ đại biểu tương ứng.” **Nay sửa thành:** “Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc do đại biểu các Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc, Khu hành chính đặc biệt và quân đội hợp thành. Tất cả các dân tộc thiểu số đều có tỉ lệ đại biểu tương ứng.”

Điều 26. Điều 67 Hiến pháp quy định “chức năng quyền hạn thứ 20 của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc là quyết định giới nghiêm toàn quốc hoặc tỉnh đặc biệt, khu tự trị, thành phố trực thuộc **nay sửa thành** (chức năng quyền hạn thứ 20) quyết định toàn quốc hoặc 1 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc rơi vào tình trạng khẩn cấp.”

Điều 27. Điều 80 Hiến pháp viết: “Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa căn cứ theo quyết định của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc và quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc có quyền công bố pháp luật, bãi miễn Thủ tướng Quốc Vụ viện, Phó thủ tướng, Ủy viên Quốc Vụ viện, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy

ban, Tổng Kiểm toán, Trưởng Ban Thư ký, trao tặng các huân chương và danh hiệu danh dự, công bố lệnh đặc xá, công bố lệnh giới nghiêm, tuyên bố tình trạng chiến tranh, tuyên bố lệnh động viên.” **Nay sửa thành** “Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa căn cứ theo quyết định của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc công bố pháp luật, miễn nhiệm Thủ tướng, Phó Thủ tướng, uỷ viên Quốc Vụ viện, các Bộ trưởng, các Chủ nhiệm Ủy ban, Tổng kiểm toán, Trưởng ban thư ký, phong tặng huân chương nhà nước và các danh hiệu danh dự, công bố lệnh đặc xá, tuyên bố đất nước rơi vào tình trạng khẩn cấp, tuyên bố tình trạng chiến tranh, phát lệnh tổng động viên.”

Điều 28. Điều 81 Hiến pháp quy định: “Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đại diện cho nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa tiếp nhận Đại sứ nước ngoài; căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc, phái và triệu hồi Đại sứ toàn quyền tại nước ngoài, phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước hoặc hiệp định quan trọng với nước ngoài.” **Nay sửa thành:** “Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đại diện cho nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa trong các hoạt động đối nội, tiếp nhận Đại sứ nước ngoài; căn cứ vào quyết định của Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc phái hoặc triệu hồi đại sứ tại nước ngoài, phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước hoặc hiệp định quan trọng ký với nước ngoài.”

Điều 29. Điều 89 Hiến pháp quy định chức năng quyền hạn thứ 16 của Quốc Vụ viện quyết định lệnh giới nghiêm trong phạm vi nội bộ của Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc. **Nay sửa thành** : “chức năng quyền hạn thứ 16 là quyết định tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật đối với Tỉnh, Khu tự trị, Thành phố trực thuộc.”

Điều 30. Điều 98 Hiến pháp quy định “Đại hội Đại biểu nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc, Huyện, Thành phố, Khu trực thuộc thành phố có nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội Đại biểu nhân dân Hương, Hương dân tộc, Trấn có nhiệm kỳ 3 năm.” **Nay sửa thành:** “Nhiệm kỳ của Đại hội Đại biểu nhân dân cấp địa phương là 5 năm”.

Điều 31. Chương 4 Hiến pháp “Quốc kỳ, quốc huy, thủ đô” sửa thành “Quốc kỳ, quốc ca, quốc huy, thủ đô”. **Điều 136** Hiến pháp **tăng thêm** 1 khoản, trở thành khoản 2: “Quốc ca của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là ca khúc “Nghĩa dũng quân, tiến lên”.

CÁC CHUYÊN GIA THAM GIA DỊCH VÀ GIỚI THIỆU

TS. Hồ Việt Hạnh

Nguyễn Đức Lam

TS. Ngô Đức Mạnh

Đỗ Khắc Tài

Đỗ Tiến Sâm

Hoàng Minh Hiếu

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG KẾ
ĐC: 98 - 86 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội
ĐT: 04.38474185 - 38470491
Website: www.nxbthongke.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Trần Hữu Thực

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. Nguyễn Sĩ Dũng

TS. Phùng Văn Hùng

Biên tập:

Trần Thùy Anh

Trần Thị Ninh

Trần Thị Trinh

Lê Hà Vũ

Và các cộng tác viên

Trình bày, bìa:

Bình Minh

SÁCH LƯU HÀNH NỘI BỘ

TUYÊN TẬP HIẾN PHÁP MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

In 1200 cuốn khổ 14.5 x 20.5 cm tại: Công ty Cổ phần ĐTQT BÌNH MINH
Mã số xuất bản: 47 - 2009/CXB/03 - 01/TK do Cục xuất bản cấp
ngày 12 tháng 1 năm 2009
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2009